



TỦ SÁCH CHUYÊN SÂU KHAI CUỘC

PHI TƯỢNG CỤC



TỦ SÁCH CỜ TƯỚNG ĐUCKHAI2691

TẬP 1

LỜI GIỚI THIỆU

PHI TƯỢNG CỤC là cách ra quân mà ngay nước đầu tiên bên đi tiên đã lên Tượng.

Xưa kia người ta chò việc nhẩy Tượng ngay nước đầu là hết sức vô lý, bởi bên đối phương chưa công đã lo đỡ, như thế là thụ động, là phí nước...

Tuy nhiên trong những thập niên gần đây, khi các bậc đại kỳ sư đã ra công khám phá và thử nghiệm, thì té ra phi Tượng cục còn tiềm ẩn rất nhiều "huyền cơ", nếu biết khai thác đúng đắn thì hoàn toàn có thể giành thế chủ động trong khai cuộc, giữ được ván cờ lạnh mạnh khi vào trung cuộc và tiến tới ưu thế trong tàn cuộc để thắng cờ.

Nhưng con đường ngoắt ngoéo và thông minh đó sẽ diễn ra như thế nào, bài bản của nó ra sao ?

Chính quyển sách này sẽ trả lời những câu hỏi đó cho bạn. Hãy nghiên cứu kỹ và khám phá ra nhiều điều lý thú đối với khai cục này.

Sách gồm 2 tập nhỏ, có tất cả 122 cục.

KÝ HIỆU DÙNG ĐỂ ĐỌC VÀ GHI CHÉP NƯỚC ĐI TRONG CỜ TƯỚNG

Bàn cờ Tướng được vẽ như ở hình bên. Các cột của bên Trắng được đánh số từ 9 tới 1, các cột bên Đen được đánh số 1 đến 9 (ngược lại).

Ký hiệu các quân cờ :

Tướng	=	Tg
Sĩ	=	S
Tượng	=	T
Xe	=	X
Pháo	=	P
Mã	=	M
Tốt	=	B (binh)

Ký hiệu và cách ghi nước đi :

Dấu chấm (.) là tiến

Dấu gạch (-) là đi ngang (bình)

Dấu gạch chéo (/) là lùi (thoái)

Mỗi nước đi được ghi theo thứ tự :

- Số thứ tự nước đi
 - Tên quân cờ
 - Vị trí và sự dịch chuyển quân cờ
- Ví dụ : Nước đầu, Trắng đi Pháo 2 binh 5 (vào Pháo đầu), bên Đen Mã 8 tiến 7 thì ghi :

1.P2-5 M8.7 (xem hình)

Nước thứ hai :

2.P8/1 B7.1

Trắng đưa Pháo ở cột 8 lùi 1 bước (đếm 1 ô về phía mình), Đen đưa Tốt cột 7 lên một bước (đếm 1 ô về phía đối phương)

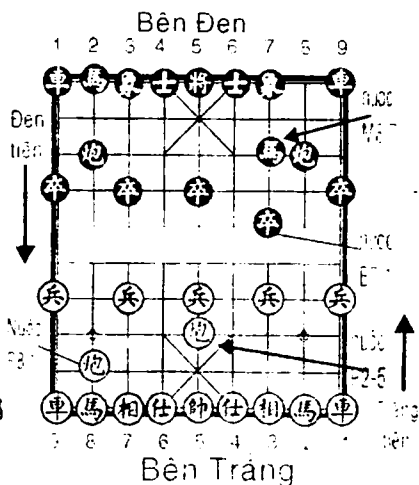
Trường hợp 2 Pháo(Mã, Xe)

nằm trên một đường thì ghi Pt là

Pháo trước. Ps là Pháo sau.

Nếu có 3 Tốt nằm trên cùng một cột thì

ký hiệu Bt (Binh trước), Bg (Binh giữa), Bs (Binh sau)



CHƯƠNG 1

PHI TƯỢNG ĐỐI QUÁ CUNG PHÁO

TIẾT 1

ĐEN ĐI PHÁO QUÁ CUNG BÊN TRÁI

CỤC 1

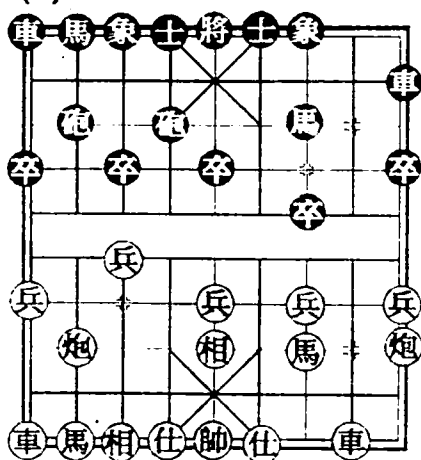
TRẮNG TIẾN TÔT 7 ĐỐI ĐEN HOÀNH XE TRÁI

(1)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | ●8-4 |
| 2. 馬2.3 | ●8.7 |
| 3. 車1-2 | 卒7.1 |
| 4. 兵7.1 | ●9.1 |
| 5. 炮2-1 | (hình) |

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 5... ●3.5 | |
| 6. 車2.4 | ●9-3 |
| 7. 兵3.1 | ●2.3 |
| 8. 馬8.7 | 卒7.1 |
| 9. 相5.3 | ●2/1 |
| 10. 炮8-9 | 馬2.4 |
| 11. 車9-8 | ●1-2 |
| 13. 車8.4 | 卒3.1 |
| 15. 車8-7 | 炮2-1 |
| 17. 馬3.4 | ●2.3 |
| 19. 炮1/1 | 馬4/2 |
| 21. 車8-7 | 馬4.6 |
| 23. 相5.3 | 馬s.6 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 相3/5 | 卒3.1 |
| 14. 車2-7 | ●3.4 |
| 16. 炮9.3 | 卒1.1 |
| 18. 車7.3 | ●2-4 |
| 20. 車7-8 | 馬2.4 |
| 22. 炮1-9 | 馬6.7 |
| 24. 炮9.4 | |

Bên Trắng để đi hơn

Biến 2 :

5... 車 9-3		6. 車 2.4	卒 3.1
7. 炮 8-7	象 3.5	8. 馬 8.9	馬 2.1
9. 車 9-8	車 1-2		

Phương án 1 :

10. 兵 9.1	炮 2-3	11. 車 8.9	馬 1/2
12. 馬 9.8	車 3-2	13. 馬 8.9	車 2.2
14. 炮 7-9	炮 4.5	15. 馬 3/2	炮 4-9
16. 馬 2.1	卒 3.1	17. 車 2-7	炮 3-1
18. 兵 1.1			

Trắng hơn một Tốt biên, dễ đi.

Phương án 2 :

10. 兵 3.1	炮 2.3	11. 兵 7.1	炮 4-3
12. 兵 3.1	炮 3.5	13. 車 2-8	車 2.5
14. 車 8.4	炮 3-7	15. 兵 3.1	馬 7/5
16. 炮 1.4	馬 5.3		

Mỗi bên đều có ưu thế riêng của mình, thế trận còn giằng co.

Biến 3 :

5... 馬 2.1		6. 車 2.4	炮 2-3
7. 馬 8.9	車 1-2	8. 車 9-8	卒 1.1
9. 兵 3.1	車 2.4	10. 炮 8-6	車 9-2
11. 兵 3.1	車 t.5	12. 馬 9/8	車 2.8
13. 兵 3.1	車 2/5	14. 兵 3.1	炮 3-7
15. 炮 1.4	車 2-7	16. 馬 3.4	炮 4-5
17. 馬 4.5	炮 5.4	18. 仕 6.5	炮 5-7
19. 馬 5.3	炮 7/4	20. 車 2.2	卒 3.1
21. 車 2-5	炮 7-5	22. 炮 6-7	

Thế trận Trắng nhìn hơn một chút.

CỤC 2

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN HOÀNH XE TRÁI (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | ●8-4 |
| 2. 馬2.3 | ●8.7 |
| 3. 車1-2 | 卒7.1 |
| 4. 兵7.1 | 車9.1 |

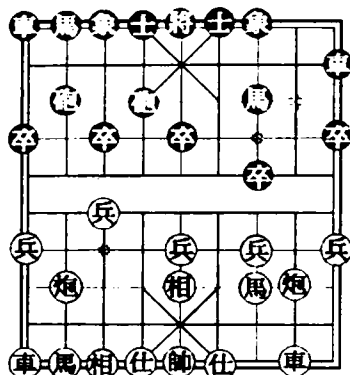
(hình)

Biến 1:

- | | |
|---------|------|
| 5. 炮2.4 | 車9-3 |
|---------|------|

Phương án 1:

- | | |
|----------|------|
| 6. 車2.4 | 卒3.1 |
| 7. 炮8-7 | 馬2.1 |
| 8. 馬8.9 | 車1-2 |
| 10. 兵9.1 | 炮4.5 |
| 12. 炮7-3 | 卒3.1 |
| 14. 車8.3 | 馬1/2 |
| 16. 相7/5 | 車3.3 |
| 18. 車8.3 | 炮1/2 |
| 20. 炮9-7 | 馬3/5 |
| 22. 炮3/1 | 馬t.3 |
| 24. 馬8/7 | 車3-9 |



- | | |
|----------|------|
| 9. 車9-8 | 象3.5 |
| 11. 炮2-9 | 炮4-7 |
| 13. 車8.6 | 炮2-4 |
| 15. 相5.7 | 炮4-1 |
| 17. 車2-8 | 馬2.3 |
| 19. 馬9.8 | 馬7.6 |
| 21. 炮7-1 | 馬6.5 |
| 23. 炮1/1 | 卒7.1 |
| 25. 兵3.1 | |

Trắng nhiều Tốt hơn, chiếm tiên.

Phương án 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 馬8.9 | 卒3.1 | 7. 炮8-7 | 馬2.1 |
| 8. 車9-8 | 車1-2 | 9. 車8.5 | 象3.5 |
| 10. 兵7.1 | 車3.3 | 11. 車8-7 | 象5.3 |
| 12. 車2.4 | 炮2.6 | 13. 車2-6 | 士4.5 |
| 14. 炮7/1 | 車2.7 | 15. 炮2-9 | 象3/5 |
| 16. 兵9.1 | 馬1.3 | 17. 車6.2 | 馬3/4 |
| 18. 仕4.5 | 馬4.2 | 19. 車6/4 | 車2/4 |

20. 兵9.1 炮2-1 21. 馬9.7 炮1/5

22. 兵9.1 車2-1

Đen ăn lại được một Tốt, cục diện hai bên tương đương.

Biến 2 :

5. 馬8.7

Phương án 1 :

5... 卒3.1

7. 兵7.1 車3.2

9. 炮8-9 車3.4

11. 馬8.9 車1-2

13. 車9.1 車3.4

15. 仕4.5 象3.5

6. 兵7.1 車9-3

8. 馬7.8 車3/1

10. 車2.1 馬2.3

12. 馬9.7 車3/4

14. 車2-7 車3-4

16. 車9-8 炮2.5

Thế trận hai bên cân bằng

Phương án 2 :

5... 象3.5

7. 兵7.1 車9-3

9. 馬8.9 馬2.1

11. 車8.4 象3/5

13. 車2-6 炮2.1

15. 兵9.1 馬1.3

17. 仕4.5 馬3.2

19. 兵9.1

6. 炮8-9 卒3.1

8. 馬7.8 象5.3

10. 車9-8 車1-2

12. 車2.1 士4.5

14. 車6.4 車3.5

16. 車8/2 炮2.3

18. 馬9/8 車2.5

Trắng nhỉnh hơn chút ít.

CỤC 3

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO SAU TỐT (1)

1. 相3.5 炮8-4

3. 車1-2 卒7.1

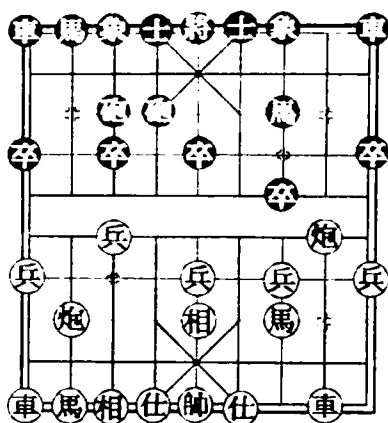
5. 炮2.2 (hình)

2. 馬2.3 馬8.7

4. 兵7.1 炮2-3

Biến 1 :

- 5... 馬 2.1
 6. 馬 8.7 卒 3.1
 7. 馬 7.6 卒 3.1
 8. 炮 2-1 象 7.9
 9. 炮 1-7 車 1-2
 10. 車 9-8 車 9.1
 11. 車 2.6 炮 3.1
 12. 車 2/2 車 9-4
 13. 炮 8.3 炮 4-5
 14. 炮 8.2 炮 3-4
 15. 仕 4.5 炮 4.1
 16. 馬 6/7 車 4.1
 18. 車 8.9 馬 1/2
 20. 兵 3.1 炮 4-3
 22. 馬 7.6 卒 7.1



17. 炮 8-5 象 3.5
 19. 車 2-6 士 4.5
 21. 車 6.3 士 5.4
 23. 炮 7-3

Tình hình bên Trắng có phần khá hơn.

Biến 2 :

- 5... 象 7.5
 7. 馬 7.8 車 9-8
 9. 車 9.1 炮 4-7
 11. 馬 8.9 炮 3-4
 13. 兵 3.1 車 2.4
 15. 兵 3.1 車 2/1
 17. 車 2.1 馬 1/3
 19. 炮 2-3 車 8.8
 21. 炮 1-2 馬 4/6
 23. 相 5.3
6. 馬 8.7 馬 2.1
 8. 兵 9.1 炮 4.5
 10. 炮 8-3 車 1-2
 12. 車 9-6 士 6.5
 14. 兵 7.1 卒 3.1
 16. 兵 9.1 馬 7/6
 18. 兵 3.1 馬 3.4
 20. 車 6-2 卒 5.1
 22. 炮 2.5 象 5/7

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3 :

- 5... 車 9.1 6. 馬 8.7 卒 3.1

Phương án 1 :

7. 馬 7.6 車 9-2 8. 車 9-8 車 2.3

- | | | | |
|----------|---------------------|----------|------|
| 9. 炮2-5 | 士4.5 | 10. 兵7.1 | 炮2-3 |
| 11. 馬6.5 | 馬7.5 | 12. 車2.6 | 車3/1 |
| 13. 炮8.4 | Trắng chiếm ưu thế. | | |

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 馬7.8 | 卒3.1 | 8. 相5.7 | 炮3/1 |
| 9. 相7/5 | 馬2.3 | 10. 炮2.4 | 馬3.5 |
| 11. 車9.1 | 炮3/1 | 12. 車2.4 | 車1.1 |
| 13. 車2-6 | 車1-4 | 14. 炮2/7 | 馬7.6 |
| 15. 車6/1 | 炮4.2 | 16. 炮2-7 | 炮3.8 |
| 17. 車9-7 | 炮4-2 | 18. 炮8-6 | 車4.5 |
| 19. 馬8/6 | 炮2-4 | 20. 炮6-8 | 馬3.2 |

Thế trận cả hai bên đều bình ổn.

CỤC 4

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO SAU TỐT (2)

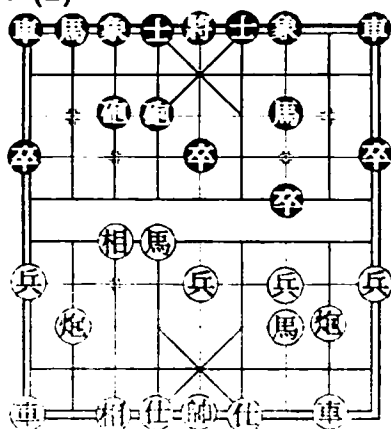
- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 炮8-4 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 卒7.1 |
| 4. 兵7.1 | 炮2-3 |
| 5. 馬8.7 | 卒3.1 |
| 6. 馬7.6 | 卒3.1 |
| 7. 相5.7 | (hình) |

Biến 1 :

- | | |
|-----------|---------|
| 7... 炮4.2 | 8. 炮8-7 |
|-----------|---------|

Phương án 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 8... 車9.1 | |
| 9. 車9-8 | 車9-4 |
| 11. 車8.7 | 馬7.8 |
| 13. 車8-6 | 車6.3 |
| 15. 車6/1 | 炮4.3 |
| 10. 相7/5 | 炮3-4 |
| 12. 馬6.4 | 車4-6 |
| 14. 炮7.3 | 士4.5 |
| 16. 車6/4 | 車6-3 |



17. 炮2-1 卒7.1 18. 兵3.1 馬2.3
19. 炮1.4 Trắng nhiều Tốt hơn, chiếm tiên thủ.

Phương án 2 :

- 8... 卒3.5 9. 車9-8 炮3-4
10. 車8.5 卒s.3 11. 車8-6 炮4-8
12. 炮2-1 卒9-8 13. 車6/1 炮8/1
14. 兵3.1 卒7.1 15. 車6-3 炮8-7
16. 車2.9 馬7/8 17. 馬3.4 馬2.4
18. 馬4.6 Trắng ưu hơn chút ít

Biến 2 :

- 7... 車9-8 8. 炮2.4 卒3.5
9. 炮8-5 炮4.2 10. 車9-8 炮3-4
11. 馬6/7 馬2.3 12. 車8.6 炮t-3
13. 馬3/5 卒4.5 14. 車8-7 車1-3
15. 馬7.6 炮4.7 16. 帥5-6 車3-4
17. 帥6-5 卒4.5 18. 車7.1 將5-4
19. 馬5.3 車4.4 20. 帥5.1 馬7.6 Đen chiếm ưu.

CỤC 5

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN TRỰC XA TRÁI

(1)

1. 相3.5 炮8-4
2. 馬2.3 馬8.7
3. 車1-2 卒7.1
4. 兵7.1 車9-8
5. 馬8.7 象3.5

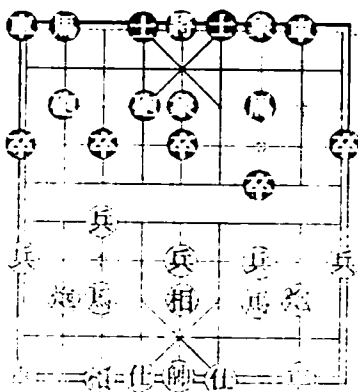
(hình)

Biến 1 :

6. 炮8-9 馬2.4

Phương án 1 :

7. 車9.1 卒8.6



8. 炮2/1	卒3.1	9. 兵7.1	車1-3
10. 車9-8	象5.3	11. 車8.5	馬7.6
12. 馬7.6	馬6.4	13. 炮2-7	象3/5
14. 車2.3	車3.8	15. 仕4.5	車3-4
16. 炮9.4	炮4-3	17. 相5/3	士4.5
18. 炮9.3	車4/2	19. 相3.5	車4.2
20. 相5/3	Đen có thế công, Trắng nhiều Tốt hơn, thế trận còn giằng co.		

Phương án 2 :

7. 車9-8	卒3.1	8. 兵7.1	車1-3
9. 車8.5	車8.6	10. 炮2/1	車3.4
11. 車8-7	象5.3	12. 馬7.6	炮2.5
13. 炮2-7	車8-7	14. 炮7.1	炮4-5
15. 仕4.5	卒7.1	16. 車2.8	士4.5
17. 車2-3	卒7-6		

Thế trận đối kháng, Đen có Tốt quá hà, có phần ưu hơn.

Biến 2 :

6. 車9.1 士4.5

Phương án 1 :

7. 車9-6	車8.6	8. 炮8.1	馬2.3
9. 炮8-7	炮2.5	10. 車6.3	車1-2
11. 兵3.1	車8/2	12. 炮2-1	車8.5
13. 馬3/2	車2.4	14. 炮7.3	卒9.1
15. 馬2.4	炮2/1	16. 兵3.1	車2-7
17. 車6/1	炮2/2	18. 車6-8	炮2-6
19. 兵5.1	車7.4	20. 馬4.3	炮6/3
21. 炮1.3	炮6-7	22. 馬3.1	炮4.2
23. 車8-2	炮4-8	24. 仕4.5	車7-6

Trắng có nhiều Tốt, Đen có thế công, thế trận hai bên vẫn giằng co.

Phương án 2 :

7. 炮2.4	馬2.1	8. 兵9.1	炮2-3
9. 馬7.8	炮4.3	10. 馬8.9	車1-2
11. 炮8-6	炮3/1	12. 炮2-3	車8.9
13. 馬3/2	炮3-1	14. 兵9.1	馬1/3
15. 馬2.4	炮4/2	16. 炮3-6	馬3.4
17. 馬9.7	車2.2	18. 兵9-8	炮1-3
19. 兵8-7	馬4.3	20. 相5.7	車2-3
21. 兵7.1	車3.1	22. 相7/5	

Thế trận hai bên cân bản cân bằng.

Biến 3:

6. 炮2.4

Phương án 1:

6... 馬2.1		7. 炮8-9	炮2-3
8. 車9-8	車1-2	9. 車8.9	馬1/2
10. 馬7.6	炮4.2	11. 炮2-3	車8.9
12. 馬3/2	炮3-1	13. 炮9.4	馬2.4
14. 炮9-8	炮4-1	15. 馬6/7	象7.9
16. 馬2.4	卒3.1	17. 兵7.1	象5.3
18. 馬4.6	炮s-5	19. 仕4.5	炮5.4
20. 馬7.6	炮5-9	21. 炮8-9	象3/1
22. 馬t.4	馬7/8	23. 馬4.5	馬8.6
24. 炮3-2	馬6.8	25. 兵9.1	炮1-3
26. 馬5.7	炮9/1	27. 馬7/9	炮9-6
28. 馬9.7			

Bên Trắng được Tượng chiếm tiên

Phương án 2:

6... 馬2.4		7. 車9.1	車1-3
8. 車9-6	士4.5	9. 兵5.1	馬7.6
10. 車6.4	馬6.7	11. 兵5.1	卒5.1
12. 車6-5	卒3.1	13. 兵7.1	炮2.2
14. 車5.1	炮4.5	15. 車5/3	炮4-7

16. 車5-3 車3.4
 18. 車3-8 車s/4
 20. 車8.2 車3-4
 22. 馬7.5 車4.2
 24. 車8-7 車4/2
 26. 車7/1 車8.2

17. 馬7.6 炮7-2
 19. 車8/1 炮2-4
 21. 馬6/7 馬4.5
 23. 馬5.4 馬5.3
 25. 馬4/5 車4-5

Đen chiếm ưu thế.

CỤC 6

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐÔI ĐEN TRỰC XA TRÁI (2)

1. 相3.5 炮8-4
 2. 馬2.3 馬8.7
 3. 車1-2 卒7.1
 4. 兵7.1 車9-8
 5. 馬8.7 馬2.1
 6. 兵9.1 炮2-3
 7. 馬7.8 炮4.3
 8. 炮2.2 炮3-5

(hình)

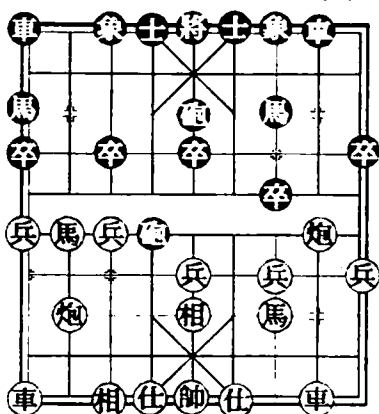
Biến 1:

9. 車9.3 馬7.6
 10. 仕4.5 車1.1
 12. 炮8-9 炮4/4
 14. 兵3.1 炮4-7
 16. 馬3/2 車2.3
 18. 馬2.1 卒9.1
 20. 炮1-3 炮7-9
 22. 兵5.1 炮5.3
 24. 炮3/5 卒3.1

Biến 2:

9. 仕4.5

Phương án 1.



11. 馬8/7 車1-2
 13. 車9-6 卒7.1
 15. 炮2-1 車8.9
 17. 兵3.1 馬6.7
 19. 兵3-4 馬7/6
 21. 炮9.4 士6.5
 23. 炮3.1 馬6/5
 25. 車6.3

Trắng chiếm ưu.

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 9... 炮4-2 | | 10. 炮2-8 | 炮8-9 |
| 11. 馬3/2 | 馬1/3 | 12. 車9.3 | 士4.5 |
| 13. 馬2.4 | 炮5-6 | 14. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 15. 馬4.2 | 卒7-8 | 16. 炮t-2 | 車1-2 |
| 17. 炮8-7 | 馬3.1 | 18. 炮2-3 | 象3.5 |
| 19. 炮3/4 | 車2.4 | 20. 馬2.3 | 馬7.6 |
| 21. 兵5.1 | 象7.9 | 22. 炮3-2 | 卒3.1 |
| 23. 炮2.5 | 車2.3 | 24. 車9-7 | B3.1 |

Trắng có phần nhỉnh hơn.

Phương án 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 9... 馬7.6 | | 10. 兵9.1 | 馬6.5 |
| 11. 兵7.1 | 馬5.7 | 12. 炮8-3 | 卒3.1 |
| 13. 馬8.6 | 卒1.1 | 14. 車9.5 | 車1.1 |
| 15. 車9/1 | 炮4-5 | 16. 馬6.4 | 卒5.1 |
| 17. 炮2.1 | 炮s-3 | 18. 相7.9 | 車8.3 |
| 19. 車2.4 | 車1-6 | 20. 馬4.6 | 車6-4 |
| 21. 炮2-5 | | | |

Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 7

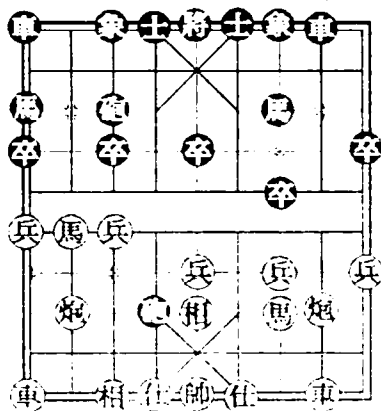
TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN TRỰC XA TRÁI (3)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮8-4 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 卒7.1 |
| 4. 兵7.1 | 車9-8 |
| 5. 馬8.7 | 馬2.1 |
| 6. 兵9.1 | 炮2-3 |
| 7. 馬7.8 | 炮4.5 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|---------|------|
| 8. 炮2-1 | 炮4-7 |
| 9. 車2.9 | 馬7/8 |



10. 炮8-3	車1.1	11. 車9.1	車1-8
12. 炮1.4	車8.2	13. 炮1.3	馬8.9
14. 車9-4	士4.5	15. 車4.4	車8/3
16. 炮1/1	馬9.8	17. 炮1/2	車8.3

Trắng dễ đi hơn

Biến 2 :

8. 車9.1	士4.5	9. 炮2.4	炮4-7
10. 炮8-3	車1-2	11. 馬8.9	炮3-5
12. 兵3.1	炮5.4	13. 仕4.5	車2.6
14. 兵3.1	馬7/9	15. 兵3.1	象7.5
16. 車2.3	馬9.8	17. 兵3-2	卒5.1
18. 車9-6	卒5.1	19. 車6.5	Trắng chiếm ưu.

Biến 3 :

8. 炮2.2	炮4-7	9. 炮8-3	炮3-5
10. 車9.3	馬7.6	11. 炮3.3	車8.4
12. 兵3.1	車1-2	13. 馬8.9	象7.9
14. 馬9.7	車2.2	15. 馬7/5	炮5.4
16. 仕4.5	車2-5	17. 炮3.4	象9/7
18. 兵3.1	車8/2	19. 馬5/4	馬6/4
20. 車2.3	炮5/1	21. 馬4.3	車5-6
22. 馬3/5	車6-5	23. 馬5.3	車5-6
24. 車9-5	車8.1	25. 馬3/5	車6-5

Đen nhiều quân chiếm ưu thế.

CỤC 8

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN TRỰC XA TRÁI (4)

1. 相3.5	炮8-4	2. 馬2.3	馬8.7
3. 車1-2	卒7.1	4. 兵7.1	車9-8
5. 馬8.7	馬2.1	6. 車9.1	士4.5
7. 車9-6	象3.5	(hình)	

Biến 1 :

8. 炮2.4 卒3.1

Phương án 1 :

9. 兵7.1 炮2-3

10. 馬7.8 炮3.7

11. 仕6.5 炮3-2

12. 炮2-9 車1-3

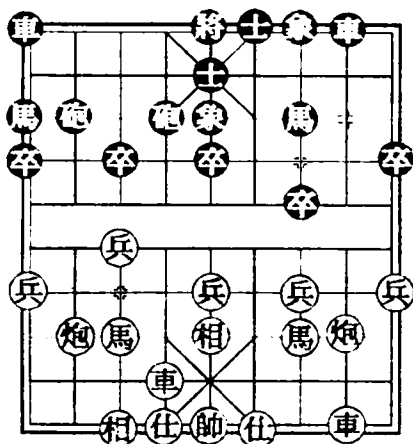
13. 車2.9 馬7/8

14. 車6-8 炮2/2

15. 車8.1 車3.4

16. 炮9-1 馬8.7

17. 炮1/2 馬1.2



Bên Đen có phần ưu hơn.

Phương án 2 :

9. 炮2-9 車1-3

11. 車6.5 馬8.7

13. 馬7.6 炮4.3

15. 車6-9 車1.1

17. 兵3.1 卒7.1

19. 相3/5 卒9.1

21. 兵9.1 馬7.8

10. 車2.9 馬7/8

12. 兵7.1 車3.4

14. 車6/2 車3-1

16. 兵9.1 炮2.4

18. 相5.3 馬1.3

20. 仕4.5 馬3.4

22. 炮9.3 馬8.7

Thế trận của Trắng có vẻ khá hơn.

Biến 2 :

8. 車6.3 車8.

10. 仕4.5 車1-3

12. 馬3.4 卒3.1

14. 馬7.8 炮2.5

16. 炮8-9 車7-2

18. 馬8/6 車t-3

9. 兵3.1 卒1.1

11. 兵3.1 車8-7

13. 兵7.1 車3.4

15. 炮2-8 車3.2

17. 炮9/2 車3-2

Đen chiếm ưu thế.

Biến 3 :

8. 車6.4 炮2/1

10. 車6/1 車1-3

9. 炮8-9 卒3.1

11. 炮2.2 卒3.1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 12. 炮2-7 | 車8.9 | 13. 馬3/2 | 車3.4 |
| 14. 車6-4 | 馬1.3 | 15. 炮7.2 | 車3.3 |
| 16. 車4-7 | 車3/2 | 17. 相5.7 | |

Sau đó hai bên đối song Xe, khiến cho cục diện bình ổn, thế cân bằng.

CỤC 9 TRẮNG BÌNH PHÁO THÔNG XE ĐỐI ĐEN PHI TƯỢNG PHẢI

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮8-4 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 卒7.1 |
| 4. 炮2-1 | 象3.5 |
- (hình)

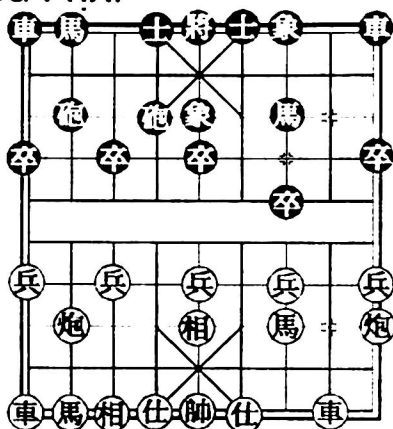
Biến 1:

5. 馬8.7

Phương án 1:

- 5... 馬2.4

- | | |
|----------|------|
| 6. 車2.4 | 車9-8 |
| 7. 車2.5 | 馬7/8 |
| 8. 車9.1 | 炮2-3 |
| 10. 炮8-9 | 車1-2 |
| 12. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 14. 馬3.4 | 車2.5 |
| 16. 馬4.5 | 車2-7 |
| 18. 炮9-5 | 馬2.3 |
| 20. 相3/5 | 炮4-3 |
| 22. 相5/7 | 炮3.5 |



- | | |
|----------|------|
| 9. 車9-6 | 士4.5 |
| 11. 車6.3 | 馬8.7 |
| 13. 車6-3 | 炮3.4 |
| 15. 炮9.4 | 馬4.2 |
| 17. 相5.3 | 馬7.5 |
| 19. 炮5-6 | 馬3.4 |
| 21. 仕4.5 | 炮t.3 |
| 23. 炮1-4 | 卒3.1 |

Trắng mất Tượng, Đen chiếm ưu thế.

Phương án 2:

- 5... 卒3.1 6. 送8-9 馬2.3

7. 車9-8	炮2.2	8. 兵7.1	卒3.1
9. 車2.4	卒3.1	10. 車2-7	炮2-3
11. 車7/1	馬3.4	12. 車7.1	馬7.6
13. 車7-2	車9.2	14. 車8.8	馬6.7
15. 炮1/1	車9-8	16. 車2.3	炮4-8
17. 馬7.8	馬4.3	18. 炮9.4	士4.5
19. 車8/2	馬3.5	20. 相7.5	馬7.5
21. 帥5.1	馬5.7	22. 炮1-2	炮3-5

23. 帥5-4 車1-4 Đen thí quân giành thế, chủ động

Biến 2 :

5. 馬8.9 馬2.3

Phương án 1:

6. 車9.1	士4.5	7. 車2.4	車9-8
8. 車2.5	馬7/8	9. 炮1.4	卒3.1
10. 車9-6	馬8.7	11. 炮1-3	炮2-1
12. 車6.3	車1-2	13. 炮8-7	車2.7
14. 炮7/1	馬3.2	15. 炮7-1	卒3.1
16. 車6-7	炮4.5	17. 馬3/2	炮4-3
18. 車7-4	馬2.3		

Đen chiếm lợi thế bên cánh phải.

Phương án 2 :

6. 炮8-7	車1-2	7. 車9-8	炮2.4
8. 車2.4	炮4.5	9. 兵7.1	炮2-7
10. 車8.9	馬3/2	11. 兵9.1	車9-8
12. 車2.5	馬7/8	13. 馬9.8	馬2.4
14. 炮1.4	馬8.7	15. 炮1-7	馬7.6
16. 炮1.3	士4.5	17. 馬3/2	炮4.1
18. 炮5-9	馬4.2	19. 炮7-8	馬6.4
20. 馬2.1	炮7-8	21. 仕4.5	馬2/4

Trắng nhiều Tốt, dễ đi hơn.

Biến 3 :

5. 兵7.1

Phương án 1 :

5... 馬2.4		6. 炮8-6	車9.1
7. 馬8.9	車1-2	8. 車9-8	炮2.4
9. 車2.4	炮2-7	10. 車8.9	馬4/2
11. 兵9.1	車9-2	12. 仕4.5	車2.3
13. 炮1.4	馬7.9	14. 車2.2	炮4-1
15. 車2-1	馬2.4	16. 車1/2	馬4.2
17. 車1-5	卒1.1	18. 兵9.1	馬2.1
19. 車5.2	車2.4	20. 車5/1	卒3.1

Đen được quân, chiếm ưu thế rõ.

Phương án 2 :

5... 炮2-3		6. 馬8.7	卒3.1
7. 車2.4	車9-8	8. 車2.5	馬7/8
9. 馬7.6	卒3.1	10. 相5.7	馬8.7
11. 馬3/5	炮3.2	12. 炮8.6	馬2.4
13. 車9-8	車1-3	14. 車8.6	士4.5
15. 相7.5	炮3-4	16. 馬5.7	車3-2

Thế trận hai bên cân bằng.

Phương án 3 :

5... 車9.1		6. 車2.4	車9-3
7. 兵3.1	卒7.1	8. 車2-3	卒3.1
9. 炮8-7	馬2.1	10. 馬8.9	炮2-3
11. 車9-8	車1-2	12. 車8.9	馬1/2
13. 兵9.1	炮4/1	14. 馬9.8	炮4-7
15. 車3-4	Bên Trắng có phần ưu hơn chút ít.		

CỤC 10

ĐEN TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE TRÁI

1. 相3.5	炮8-4	2. 馬8.7	馬8.7
3. 車9.1	(hình)		

Biến 1 :

3... 馬2.3

4. 兵7.1

5. 馬7.6

6. 馬2.4

7. 兵7.1

8. 車1-2

9. 馬6.4

10. 馬t.6

11. 炮2.2

12. 兵3.1

13. 炮8-6

15. 馬6/7

17. 炮2-6

19. 炮s-7

21. 相7/5

車9-8

象3.5

卒3.1

象5.3

馬3.4

車8.4

炮2-3

馬4.6

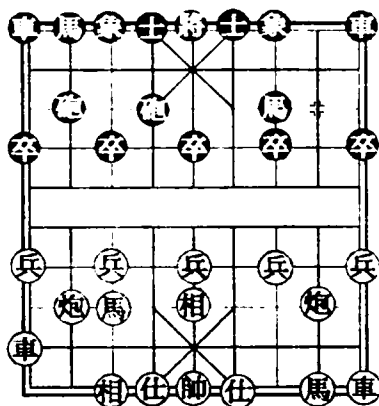
馬6.4

車1-2

車2-3

車8-4

炮3.3



14. 炮2/1

車2.7

16. 炮6.5

車3/2

18. 炮s.1

車3-2

20. 相5.7

車4/2

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

3... 車9-8

5. 兵7.1

4. 馬2.4

馬2.1

Phương án 1 :

5... 象3.5

7. 兵9.1

9. 炮2-3

11. 馬4.2

13. 馬2.3

炮2-3

車8-6

車1-3

象5.7

6. 車1-2

8. 馬7.8

10. 車2.4

12. 兵3.1

14. 馬8.9

士4.5

車8.4

卒7.1

卒7.1

Bên Trắng nhiều Tốt chiếm ưu

Phương án 2 :

5... 車8.4

7. 炮2-3

9. 相5.7

11. 車9-6

車8.5

象3.5

士4.5

6. 車1-2

8. 馬4/2

10. 相7/5

12. 車6.5

卒3.1

卒3.1

車1-3

卒1.1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. 車6-9 | ●3.4 | 14. 炮8/1 | 卒7.1 |
| 15. 馬2.4 | ●7.8 | 16. 炮8-7 | 車3-4 |
| 17. 車9-8 | ●2/2 | 18. 炮3/1 | ●2-4 |
| 19. 兵5.1 | ●1.2 | 20. 車8-5 | 車4.2 |
| 21. 車5-8 | ●2/4 | 22. 兵5.1 | ●4.5 |
| 23. 仕4.5 | ●8.7 | 24. 馬4.3 | 車4-7 |

Hai bên có thể trận đối kháng.

CỤC 11

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN TRỰC XA TRÁI

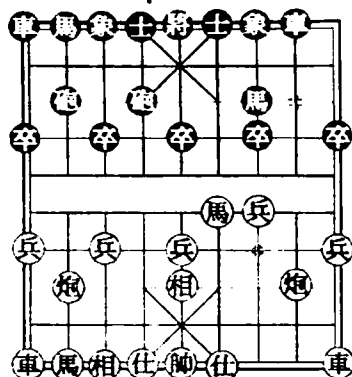
- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | ●8-4 |
| 2. 馬2.3 | ●8.7 |
| 3. 兵3.1 | ●9-8 |
| 4. 馬3.4 | (hình) |

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 4... 馬2.3 | |
| 5. 馬8.9 | ●3.5 |
| 6. 炮8-7 | ●1-2 |
| 7. 車9-8 | ●8.4 |
| 8. 車8.6 | ●2-1 |
| 9. 車8-7 | ●2.2 |
| 11. 車1-6 | ●4/2 |
| 13. 兵3.1 | ●8-7 |
| 15. 車7-9 | ●7.2 |
| 17. 兵9.1 | |

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 4... 卒3.1 | | 5. 馬8.9 | ●2.3 |
| 6. 車9.1 | ●3.5 | 7. 車9-6 | ●4.5 |
| 8. 車6.5 | ●8.4 | 9. 車6-7 | ●1-3 |
| 10. 仕4.5 | ●2.4 | 11. 兵7.1 | ●3.1 |
| 12. 炮8-7 | ●3/1 | 13. 車7-9 | ●1.3 |



- | | |
|----------|------|
| 10. 車1.1 | ●4.5 |
| 12. 炮2-4 | ●7.1 |
| 14. 仕6.5 | ●4-3 |
| 16. 車6.7 | ●3-4 |

Trắng nhiều Tốt chiếm ưu.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 14. 車9/2 | 炮2/1 | 15. 馬4.3 | 車3-2 |
| 16. 車1-3 | 馬3.4 | 17. 車9.1 | 炮2/1 |
| 18. 炮2-4 | 卒3.1 | 19. 炮7/1 | 車8.2 |

Bên Đen tiên thủ, chiếm ưu.

TIẾT 2 ĐEN QUÁ CUNG PHÁO BÊN PHẢI CỤC 12

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (1)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 炮2-6 |
| 2. 兵7.1 | 馬2.3 |
| 3. 炮8-6 | 車1-2 |
| 4. 馬8.7 | 馬8.7 |
| 5. 車9.1 | (hình) |

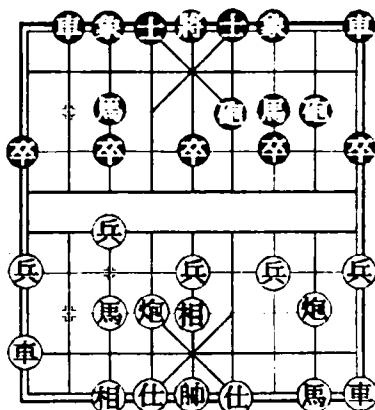
Biến 1:

- | | |
|-----------|---------|
| 5... 車2.6 | 6. 車9-4 |
|-----------|---------|

Phương án 1:

- 6... 車2-3

- | | |
|----------|------|
| 7. 炮6/1 | 卒7.1 |
| 8. 車4.5 | 馬3/5 |
| 9. 車4/2 | 卒9.1 |
| 11. 炮7-4 | 炮6.6 |
| 13. 炮2-3 | 馬7.8 |
| 15. 車1.4 | 車9.2 |
| 17. 車1.1 | 馬5.7 |
| 19. 車1-2 | 象3.5 |
| 21. 炮3.1 | |



- | | |
|----------|------|
| 10. 炮6-7 | 車3-4 |
| 12. 馬2.4 | 車9.3 |
| 14. 兵1.1 | 卒9.1 |
| 16. 車4-1 | 車4-3 |
| 18. 車1.1 | 炮8-9 |
| 20. 兵3.1 | 馬8.9 |

Hai Mã đen không phát huy tác dụng, trong lúc quân Trắng linh hoạt, nên Trắng có thể khá hơn.

Phương án 2:

6...♙6.5		7. ♘4.5	卒7.1
8. ♘4-3	♙9.2	9. ♘7.6	♙8.2
10. ♘2.4	♙2-4	11. ♘6.7	♙8/3
12. ♙4.5	♙8-6	13. ♘1.1	♙9-8
14. ♘3/1	♙s-7	15. ♘3-8	♙4/3
16. ♙2-3	♙7.5	17. ♙6-7	♙7-6
18. ♙3.5	♙8-7		

Thế trận hai bên đối kháng.

Phương án 3 :

6...♙6-4		7. 兵3.1	♙2-5
8. ♘7.8	♙9.1	9. ♙4.5	♙9-2
10. ♘8.7	♙5-4	11. ♘4.3	♙2.2
12. ♘4-6	♙4/1	13. ♘7/6	♙2.1
14. ♘2.3	♙4.5	15. ♙5.6	卒7.1
16. 兵3.1	♙2-7	17. ♘3.5	♙8.3
18. ♘1-3	♙7.5	19. 相5/3	♙8-5

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

5...♙6.5		6. ♘9-4	卒7.1
7. ♙4.5	♙7.5	8. ♘4.5	♙8/2
9. ♘7.6	♙9.2	10. ♘2.3	♙2.4
11. ♘6.7	♙8-6	12. ♘4-2	♘7.6
13. ♙2.3	♙2.2	14. ♙2-4	♙s.4
15. ♘2-4	♙t-4	16. ♘1-2	♙6/2
17. ♘2.4	♙5.6	18. ♘4-2	♙4/1
19. ♘t.3	♙6/5	20. ♙6-7	♙2-3
21. ♙7-8	♙4.3	22. ♘s-6	

Thế trận bên Trắng khá hơn chút ít.

Biến 3 :

5...♙2.4		6. ♘7.6	卒7.1
7. ♘9-7	♙7.5	8. ♘2.4	♙8.3
9. ♙2-3	♙9-8	10. ♘1-2	♙6.5

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. 車2.2 | 炮6.1 | 12. 炮3/2 | 卒9.1 |
| 13. 車2-4 | 炮6-9 | 14. 車4.4 | 炮8/2 |
| 15. 車4/2 | 炮9.3 | 16. 兵3.1 | 炮8.2 |

Thế trận bên Đen khá hơn.

Biến 4 :

- | | | | |
|-----------|------|---------------|------|
| 5... 象7.5 | | 6. 車9-4 | 卒7.1 |
| 7. 車4.5 | 士6.5 | 8. 馬7.6 | 車2.4 |
| 9. 馬2.3 | 炮8/2 | 10. 仕4.5 | 炮8-7 |
| 11. 炮2.4 | 卒3.1 | 12. 兵7.1 | 車2-3 |
| 13. 車1-2 | 車9-8 | 14. 馬6.5 | 馬3.5 |
| 15. 炮2-5 | 車8.9 | 16. 馬3/2 | 車3-6 |
| 17. 車4-2 | 車6-5 | 18. 馬2.3 炮6.4 | |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 5 :

- | | | | |
|-----------|------|--------------|------|
| 5... 卒7.1 | | 6. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 7. 車9-3 | 馬7.6 | 8. 車3.3 象7.5 | |
| 9. 馬2.3 | 車9-7 | 10. 車3.5 | 象5/7 |
| 11. 炮2-1 | 象3.5 | 12. 車1-2 | 炮8-7 |
| 13. 車2.5 | 炮7.2 | 14. 炮1.4 | 車2.4 |
| 15. 仕4.5 | 卒3.1 | 16. 車2/1 | 炮7/3 |
| 17. 車2.3 | 炮7.1 | 18. 兵7.1 | 車2-3 |
| 19. 車2/2 | 炮7.2 | 20. 車2.2 | 炮7/2 |
| 21. 車2/2 | 炮7.2 | 22. 車2.2 | 炮7/2 |

Hai bên bất biến thành hòa.

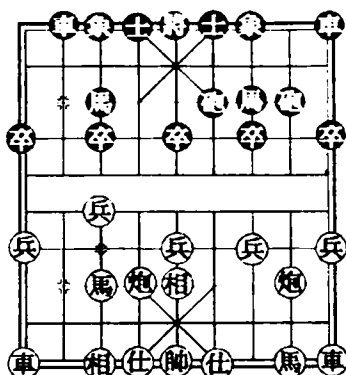
CỤC 13

TRĂNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (2)

- | | | | |
|---------|------|---------|-------------|
| 1. 相3.5 | 炮2-6 | 2. 兵7.1 | 馬2.3 |
| 3. 炮8-6 | 車1-2 | 4. 馬8.7 | 馬8.7 (hình) |

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 5. 兵3.1 | 車2.4 |
| 6. 車9.1 | 卒7.1 |
| 7. 車9-3 | 卒7.1 |
| 8. 車3.3 | 馬7.6 |
| 9. 馬2.3 | 象7.5 |
| 10. 炮2-1 | 卒3.1 |
| 11. 車1-2 | 炮8-7 |
| 12. 仕4.5 | 車9-7 |
| 13. 炮1.4 | 卒3.1 |
| 14. 車3-7 | 炮7/1 |
| 15. 馬7.6 | 馬6.4 |
| 17. 馬3.4 | 炮7-3 |
| 19. 兵9.1 | 車t-3 |
| 21. 車2.8 | |



- | | |
|----------|------|
| 16. 車7-6 | 車2-7 |
| 18. 馬4/6 | 士4.5 |
| 20. 車6.4 | 車3.2 |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. 馬2.3 | 卒7.1 | 6. 仕4.5 | 炮8.2 |
| 7. 炮2.2 | 馬7.6 | 8. 兵9.1 | 象7.5 |
| 9. 兵3.1 | 卒7.1 | 10. 相5.3 | 卒3.1 |
| 11. 相7.5 | 炮8-7 | 12. 炮2.1 | 炮7.3 |
| 13. 炮6-3 | 車9-8 | 14. 炮2/5 | 卒3.1 |
| 15. 炮2-4 | 馬6/4 | 16. 相5.7 | 馬4.3 |
| 17. 相3/5 | 馬t/4 | | |

Bên Đen nhỉnh hơn.

CỤC 14

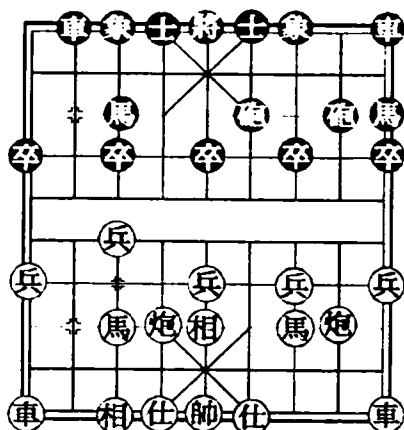
TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (3)

- | | | | |
|---------|--------|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮2-6 | 2. 兵7.1 | 馬2.3 |
| 3. 炮8-6 | 車1-2 | 4. 馬8.7 | 馬8.9 |
| 5. 馬2.3 | (hình) | | |

Biến 1 :

- | | | | |
|-----------|------|---------|------|
| 5... 炮8-7 | | 6. 車1-2 | 車9-8 |
| 7. 炮2.4 | 士6.5 | 8. 馬7.6 | 象3.5 |

- | | |
|----------|------|
| 9. 車9.1 | 車2.6 |
| 10. 馬6.7 | 卒9.1 |
| 11. 車9-2 | 炮6.2 |
| 12. 炮2-1 | 車8.8 |
| 13. 車2.1 | 炮6-7 |
| 14. 車2.6 | 炮t.3 |
| 15. 炮6-3 | 炮7.4 |
| 16. 炮3.4 | 車2-5 |
| 17. 炮3.1 | 車5-6 |
| 18. 炮3-7 | 車6/3 |
| 19. 車2/4 | |



Trắng nhiều quân chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 5... 車2.4 | 6. 車9-8 | 車2.5 |
| 7. 馬7/8 | 8. 仕4.5 | 車9-4 |
| 9. 車1-4 | 10. 車4.5 | 車4.5 |
| 11. 兵9.1 | 12. 兵3.1 | 車4-1 |
| 13. 兵1.1 | 14. 炮2-1 | 車1/1 |
| 15. 馬8.7 | 16. 馬7.6 | 車1-6 |
| 17. 馬6.4 | 18. 炮1.4 | |

Thế trận hai bên ngang bằng nhau.

Biến 3 :

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 5... 士6.5 | 6. 車9-8 | 車2.9 |
| 7. 馬7/8 | 8. 馬8.7 | 卒7.1 |
| 9. 炮2-1 | 10. 炮1.4 | 卒3.1 |
| 11. 兵7.1 | 12. 炮1-2 | 炮8-7 |
| 13. 車1-2 | 14. 馬7.6 | 炮6-4 |
| 15. 炮6.3 | 16. 炮2-9 | 車8.9 |
| 17. 馬3/2 | 18. 兵9.1 | 象3/5 |

CỤC 15

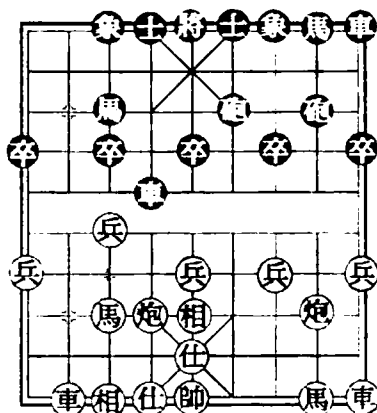
TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (4)

1. 相3.5 2-6
2. 兵7.1 馬2.3
3. 炮8-6 車1-2
4. 馬8.7 車2.4
5. 車9-8 車2-4
6. 仕4.5

(hình)

Biến 1 :

- 6... 象7.5
7. 馬2.3 馬8.9
8. 車1-4 士6.5
9. 車4.4 炮8-7
11. 馬7.6 車4-5
13. 兵3.1 車3-5
15. 兵3.1 車5-7
17. 車2.2 車9-6
19. 車8-7 炮7-6



10. 車4-2 卒3.1
12. 兵7.1 車5-3
14. 車8.3 卒7.1
16. 馬3.4 炮6.1
18. 炮6-7 馬9/7
20. 車2/1

Trắng chiếm tiên thủ.

Biến 2 :

- 6... 卒7.1
8. 炮2.4 象7.5
10. 車8.4 卒9.1
12. 車1-4 士6.5
14. 車4-3 車9.3
16. 兵5.1 車5-6
18. 炮3-9 馬3.1
20. 車8-5 車8/6
22. 車3.2 卒9-7
7. 馬2.3 馬8.7
9. 炮2-3 卒3.1
11. 炮3-2 馬7.8
13. 車4.4 卒7.1
15. 馬7.6 車4-5
17. 炮2-3 炮6-7
19. 車8.2 炮7.1
21. 兵5.1 車6.4
23. 車5-9 車6-7

Đen chiếm ưu thế rõ rệt

CỤC 16

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỔI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (5)

1. 相3.5 炮2-6
2. 兵7.1 馬2.3
3. 炮8-6 車1.1
4. 車9.1 車1-4
5. 車9-4 (hình)

Biến 1:

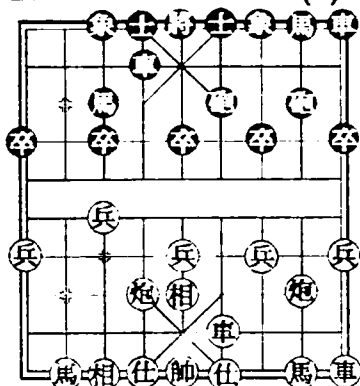
5...士6.5

6. 仕4.5 馬8.9
7. 馬2.3 炮8-7
8. 車1-2 車9-8
9. 炮2.4 車4.5
11. 兵3.1 車4/2
13. 炮2/2 車8.4
15. 馬6.7 卒7.1
17. 馬7/6 馬9/7
19. 兵3.1 車8-7
21. 馬3.4 炮6-8
23. 炮2.5 馬8.6
25. 炮6.6

Sau đó Trắng đổi 1 Xe lấy 2 Pháo, các quân linh hoạt, không chế cục diện.

Biến 2:

- 5...馬8.7
7. 馬8.7 卒7.1
9. 車4-3 炮8/1
11. 車3-2 馬5.3
13. 車2.2 車9.1
15. 車4.4 馬9.7
17. 車4.2 卒3.1
19. 炮2.4 象7.5
6. 仕4.5 車4.3
8. 車4.5 馬3/5
10. 馬2.3 炮8-7
12. 車1-4 士4.5
14. 車2-1 馬7/9
16. 馬7.6 車4-2
18. 兵7.1 車2-3
20. 炮2.3 炮7/1



10. 兵9.1 象7.5
12. 馬8.7 卒9.1
14. 馬7.6 車4-2
16. 車4.3 炮7.1
18. 炮2/2 炮7-6
20. 車4-2 炮t-8
22. 車t.2 馬7.8
24. 馬6.7 馬6/7

21. 炮2-1

馬7.8

Hai bên tranh giành còn lâu.

CỤC 17

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (6)

1. 相3.5

炮2-6

2. 兵7.1

馬2.3

3. 炮8-6

馬8.7

(hình)

Biến 1:

4. 馬8.7

卒7.1

5. 車9-8

象3.5

6. 炮2.4

馬7.6

7. 炮2-7

士4.5

8. 馬2.3

車1-4

9. 仕4.5

車9-8

11. 兵7.1

炮8.2

13. 車2-4

炮t-3

15. 馬7.6

炮3-4

17. 炮t/3

炮4-5

Biến 2:

4. 車9.1

卒7.1

6. 車9-3

馬7.6

8. 馬8.7

車2.6

10. 車3.1

馬6.4

12. 車3-2

車3.1

14. 車1-3

馬6.8

16. 車2.3

卒3.1

18. 車7.1

車3-2

20. 相7/5

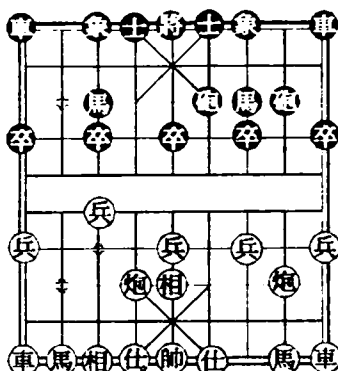
車7.6

22. 炮7.1

車7/2

24. 炮7.4

車2-3



10. 車8.5

馬6.7

12. 車1-2

炮6-8

14. 車8/1

炮8-6

16. 炮6-7

車8.5

Đen dễ đi hơn.

5. 兵3.1

卒7.1

7. 車3.3

車1-2

9. 馬2.3

車2-3

11. 車3.2

士4.5

13. 仕4.5

馬4.6

15. 車2/5

卒3.1

17. 車2-7

象7.5

19. 相5.7

車9-7

21. 炮6-7

車2/5

23. 馬3.2

車7-8

Thế trận hai bên ngang bằng.

CỤC 18

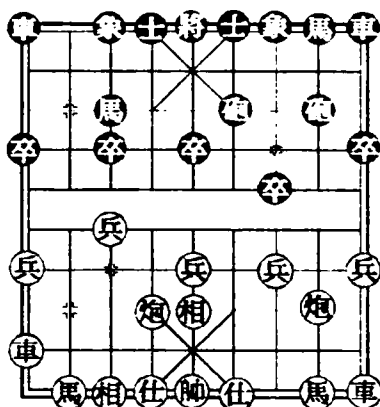
TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (7)

1. 相3.5 2-6
2. 兵7.1 2.3
3. 炮8-6 7.1
4. 車9.1 (hình)

Biến 1:

4... 士4.5

5. 炮2-3 3.5
6. 車9-2 8.7
7. 兵3.1 8.7
8. 車1-2 7.6
9. 兵3.1 5.7
10. 車t.4 7.5
12. 馬8.9 4.4
14. 兵7.1 4-3
16. 車7.3 2.2
18. 馬7.6 9.2
20. 兵9.1 4.2
22. 馬6.4 t.4



11. 車s.3 車1-4
13. 兵5.1 卒3.1
15. 車s-7 車3-2
17. 馬9.7 馬6.4
19. 仕6.5 車2/4
21. 炮6-8 馬2/3
23. 炮8-6

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2:

- 4... 車1-2 5. 馬8.7 車2.6
6. 車9-4 士4.5 7. 仕4.5 車2-3
8. 炮6/1 馬8.9 9. 馬2.1 炮8-7
10. 車1-2 車9-8 11. 炮6-7 車3-2
12. 車4.4 象7.5 13. 炮2-3 車8.9
14. 馬1/2 卒9.1 15. 炮3/1 炮7/1
16. 車4/1 車2/2 17. 車4-2 卒7.1
18. 兵3.1 炮7.7 19. 炮7-3 馬9.8
20. 炮3-1 炮6-9 21. 馬2.3

Bên Trắng chiếm tiên thủ.

Biến 3:

4... 馬8.7		5. 馬8.7	馬7.6
6. 馬2.4	象3.5	7. 炮2-4	炮6.5
8. 炮6-4	車9.2	9. 車1-2	炮8-6
10. 炮4-1	士4.5	11. 車9-6	車1-2
12. 車6.4	馬6/7	13. 仕4.5	卒3.1
14. 車6/1	馬7.6	15. 車6-2	車2.4
16. 車s.1	車9-7	17. 炮1-3	馬3.4
18. 馬7.6	馬6.4	19. 車t-6	卒3.1
20. 車6-7	車7.1		

Thế trận hai bên đối kháng.

CỤC 19

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (8)

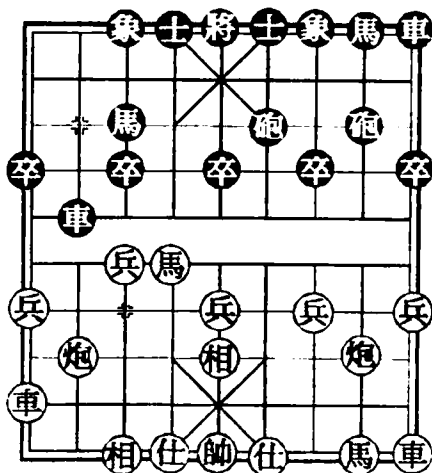
1. 相3.5	炮2-6
2. 兵7.1	馬2.3
3. 馬8.7	車1-2
4. 馬7.6	車2.4
5. 車9.1	(hình)

Biến 1:

5... 馬8.7	
6. 車9-4	卒7.1

Phương án 1:

7. 仕4.5	士6.5
8. 炮8-6	象7.5
9. 車4.5	炮8/2
10. 馬6.7	炮8-7
11. 馬2.1	車9-8
13. 車4/1	馬7.6
15. 炮2-4	車8.9
17. 馬2.4	炮7-9



12. 車1-2	車2-6
14. 炮2.5	炮7.2
16. 馬1/2	士5.6
18. 炮6-7	炮9.4

19. 馬7.5 象3.5

20. 炮7.5

Trắng dễ đi hơn.

Phương án 2 :

7. 炮8-6 士6.5

8. 車4.5 象7.5

9. 車4-3 車9.2

10. 馬2.3 炮8/2

11. 馬6.7 炮8-7

12. 車3-2 車2/1

13. 馬7/6 車2.3

14. 仕4.5 車2-4

15. 馬6.7 馬7.6

Đen đủ khả năng chống cự.

Biến 2 :

5... 車2-4

6. 車9-4 炮6-4

7. 馬6.4

Phương án 1 :

7... 象7.5

8. 仕4.5 馬8.7

9. 兵3.1 士6.5

10. 馬2.3 車9-7

11. 馬3.2 炮8.5

12. 炮8-2 卒3.1

13. 兵7.1 車4-3

14. 馬2.3 車7-8

15. 炮2-3 馬3.4

16. 車1-4 馬4.3

17. 馬3.5 象3.5

18. 馬4.3 炮4-7

19. 炮3.5 馬3.4

20. 車t.5

Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

7... 象3.5

8. 兵3.1 馬8.9

9. 仕4.5 卒9.1

10. 馬2.3 車9.1

11. 馬3.2 炮8-6

12. 馬4.2 車9-2

13. 兵1.1 車2.3

14. 兵1.1 車4-9

15. 車1.5 車2-9

16. 炮8.4 Trắng dễ đi hơn.

CỤC 20

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (9)

1. 相3.5 炮2-6

2. 兵7.1 馬2.3

3. 馬8.7 車1-2

4. 馬7.6 車2.6

5. 馬2.4 (hình)

Biến 1 :

5... 車2/2

Phương án 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 炮8-6 | 馬8.7 |
| 7. 車9.1 | 象7.5 |
| 8. 炮2-3 | 卒7.1 |
| 9. 車1-2 | 車9-8 |
| 10. 車2.6 | 炮8-9 |
| 11. 車2.3 | 馬7/8 |
| 12. 馬4.2 | 炮9.4 |
| 13. 兵3.1 | 炮6-9 |
| 15. 兵7.1 | 車2-3 |
| 17. 炮3/1 | 卒7.1 |
| 19. 馬4.2 | 炮s-8 |
| 21. 炮3-1 | 馬8.9 |

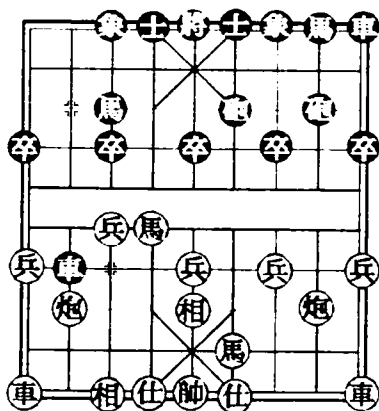
Phương án 2 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 馬6.7 | 馬8.7 |
| 8. 炮8-7 | 卒7.1 |
| 10. 馬4.6 | 車2-4 |
| 12. 車9-8 | 車9-8 |
| 14. 兵5.1 | 車4.2 |
| 16. 馬7/8 | 馬3.4 |
| 18. 炮4.5 | 士5.6 |
| 20. 車8.3 | 士6/5 |
| 22. 兵7-6 | |

Biến 2 :

5... 象7.5

- | | |
|----------|------|
| 7. 兵3.1 | 車2/2 |
| 9. 炮8-6 | 車9-8 |
| 11. 炮3.4 | 炮9/1 |



- | | |
|----------|------------------|
| 14. 車9-4 | 卒3.1 |
| 16. 仕4.5 | 炮t.1 |
| 18. 馬6.4 | 士4.5 |
| 20. 馬t/3 | 卒9.1 |
| 22. 炮1.4 | Trắng dễ đi hơn. |

- | | |
|----------|------|
| 7. 車9.1 | 象7.5 |
| 9. 車1-3 | 士6.5 |
| 11. 仕6.5 | 炮8-9 |
| 13. 炮2-4 | 車8.5 |
| 15. 炮7/1 | 車4-3 |
| 17. 馬8/9 | 車3-6 |
| 19. 兵7.1 | 馬4/6 |
| 21. 兵9.1 | 炮9.4 |

Trắng dễ đi hơn.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. 車1.2 | 炮9-8 | 14. 車1-2 | 馬7.8 |
| 15. 車2-3 | 車7/1 | 16. 炮6-3 | 車2-4 |
| 17. 馬6/7 | 馬8.9 | 18. 炮3/2 | 車4-6 |
| 19. 馬4/2 | 車6-8 | 20. 馬2.1 | 車8.3 |
| 21. 車7-1 | 炮6-9 | 22. 馬7.6 | |

Hai bên tranh chấp còn lâu.

CỤC 21

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (10)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 炮2-6 |
| 2. 兵7.1 | 馬2.3 |
| 3. 馬8.7 | 車1-2 |
| 4. 馬7.6 | (hình) |

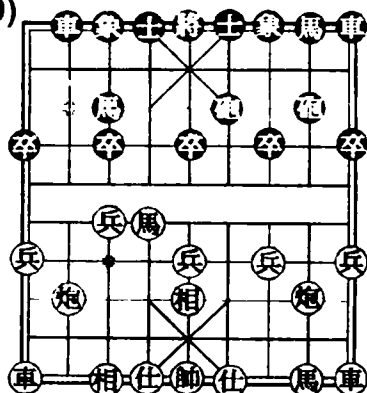
Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 4... 士4.5 | |
| 5. 車9.1 | 馬8.9 |
| 6. 兵1.1 | 車3.5 |
| 7. 馬2.1 | 炮8.4 |
| 8. 車9-4 | 炮8-5 |
| 9. 仕4.5 | 車9-8 |
| 11. 車1-2 | 車8.6 |
| 13. 炮4.5 | 士5.6 |
| 15. 車2.4 | 車9.1 |
| 17. 馬6.7 | 炮5-4 |
| 19. 馬1.2 | 炮4-3 |

Biến 2:

- | | |
|-----------|------|
| 4... 馬8.7 | |
| 5. 車9.1 | 士6.5 |
| 7. 車4.5 | 車2.4 |
| 9. 仕4.5 | 炮8/2 |
| 6. 車9-4 | 車7.1 |
| 8. 炮8-6 | 車7.5 |
| 10. 馬2.3 | 卒3.1 |

20. 馬7/6 Trắng chiếm ưu thế.



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. 炮2.2 | 車9.2 | 12. 兵7.1 | 車2-3 |
| 13. 車4-2 | 炮8.5 | 14. 車2/2 | 馬7.6 |
| 15. 馬6.4 | 車3-6 | 16. 車1-2 | 卒9.1 |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 3:

- | | | |
|-----------|---------|------|
| 4... 馬8.9 | 5. 兵1.1 | 士4.5 |
| 6. 馬2.1 | 炮8.4 | 炮8-9 |
| 8. 車1-4 | 車9-8 | 車8.4 |
| 10. 炮8-7 | 卒7.5 | 車2.3 |
| 12. 兵3.1 | 卒9.1 | 車8-9 |
| 14. 車4.1 | 車2.1 | 車2-6 |
| 16. 車4. | 車9-6 | |

Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 22

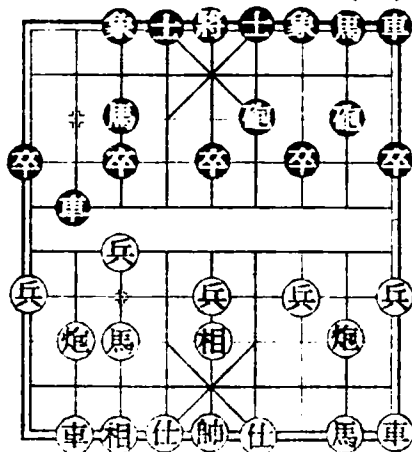
TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (11)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 車2-6 |
| 2. 兵7.1 | 馬2.3 |
| 3. 馬8.7 | 車1-2 |
| 4. 車9-8 | 車2.4 |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 5. 炮8-9 | 車2-6 |
| 6. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 7. 車8.8 | 士6.5 |
| 8. 車8-6 | 馬8.7 |
| 9. 車6/4 | 象7.5 |
| 10. 兵3.1 | 車9-7 |
| 11. 炮2-1 | 馬7.8 |
| 13. 馬3.2 | 車6.4 |
| 15. 仕4.5 | 卒3.1 |
| 17. 兵1.1 | 車6/5 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 兵3.1 | 車7.4 |
| 14. 炮1.4 | 卒3.1 |
| 16. 車6-7 | 車7.2 |
| 18. 炮1.3 | 馬3.4 |

19. 車7-6 馬4.6

21. 兵1.1 車7-9

20. 馬2/1 車7/5

22. 兵1-2 車9/1

Đen không khó đi.

Biến 2 :

5. 馬2.3 卒3.1

7. 相5.7 馬8.9

9. 車1-4 士6.5

11. 炮2-6 卒9.1

13. 相7.5 卒3.5

15. 馬9/8 車9-8

6. 仕4.5 卒3.1

8. 炮2.2 炮8-7

10. 馬7.8 車2-8

12. 炮8-7 車8-2

14. 馬8/9 車2.5

16. 馬8.9 炮7/1

Đen dễ đi hơn.

CỤC 23

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI

1. 相3.5 炮2-6

2. 兵3.1 馬2.3

3. 馬8.9 (hình)

Biến 1 :

3... 車1-2

4. 車9-8 車2.4

5. 炮8-7 車2-6

6. 馬2.3 卒7.5

7. 車8.4 馬8.7

8. 仕4.5 士6.5

9. 兵9.1 炮8/2

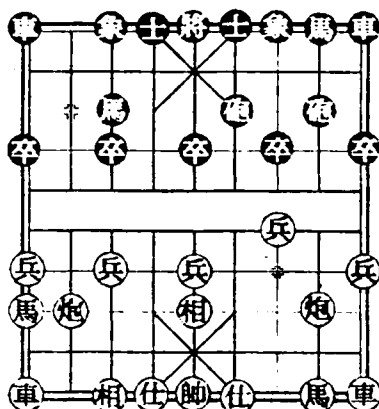
10. 炮2/2 炮8-6

12. 兵3.1 車6-7

14. 車1-3 卒3.1

16. 炮7-3 馬7/9

18. 炮t.7 馬9/7



11. 車1.2 車9-8

13. 馬3.2 車8-9

15. 炮2-3 車7.3

17. 車8-6 炮s-7

19. 馬2.4 車9-8

Trắng dễ đi hơn.

Biến 2 :

3... 炮8.9

4. 馬2.3

Phương án 1 :

4... 炮8-7

5. 馬3.2 車1-2

6. 車9-8 車2.4

7. 兵1.1 炮7/1

8. 車1.3 象7.5

9. 炮8-7 車2-6

10. 仕6.5 卒3.1

11. 車8.4 炮7-9

12. 兵9.1 士6.5

13. 兵7.1 車9-6

14. 馬2/3 車t-8

15. 炮2/2 馬9/7

Đen hoàn toàn có khả năng chống cự.**Phương án 2 :**

4... 象3.5

5. 兵1.1 士4.5

6. 車9-8 車1-4

7. 兵9.1 炮8-7

8. 馬3.2 炮7/1

9. 炮8-7 卒3.1

10. 車8.4 車4.4

11. 車1.3 炮7-9

12. 兵7.1 卒9.1

13. 兵1.1 炮9.3

14. 馬9.7 炮9-8

15. 兵7.1 車4.2

16. 車8-7 車9-8

17. 馬2/3 炮8-6

18. 炮2-1 車8.8

19. 炮1.5 象7.9

20. 仕6.5 象5/7

21. 炮7-8 卒5.1

22. 炮8.1 車4/6

23. 兵7.1 車4-2

24. 炮8-9

Bên Trắng chiếm ưu thế.**CỤC 24****TRẮNG NHẢY MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ
PHẢI (1)**

1. 相3.5

炮2-6

2. 馬8.7

馬2.3

3. 車9-8

車1-2

4. 炮8.4

卒3.1

5. 炮8-7

(hình)

Biến 1 :

5... 馬 8.9

6. 車 8.9

7. 炮 2.4

8. 馬 2.3

9. 炮 7-8

10. 仕 4.5

11. 車 1-4

12. 車 4.6

13. 兵 5.1

14. 相 5.7

15. 馬 7.5

16. 炮 2.1

17. 炮 2/1

19. 車 4-2

馬 3/2

卒 7.1

馬 2.1

炮 6-3

士 6.5

象 7.5

炮 8-7

卒 3.1

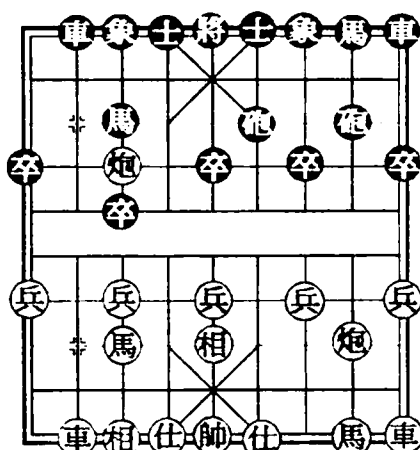
車 9-8

炮 7.1

炮 7/1

卒 9.1

車 8.3



18. 炮 2-5

馬 9.8

20. 炮 8-2

Bên Trắng có phần ưu hơn.

Biến 2 :

5... 卒 7.1

7. 兵 3.1

9. 車 8.9

11. 兵 7.1

13. 馬 2.4

15. 兵 7-6

17. 炮 2.4

19. 兵 6.1

21. 馬 4.3

馬 7.6

馬 3/2

馬 3/4

車 9-8

馬 2.3

象 5.7

炮 6.5

炮 3/4

6. 炮 2-3

8. 兵 3.1

10. 兵 7.1

12. 兵 3.1

14. 車 1-2

16. 炮 3-2

18. 兵 6.1

20. 兵 6.1

22. 馬 3.4

馬 8.7

馬 6.4

馬 4/3

炮 8.6

象 7.5

炮 8-7

馬 3.4

炮 6-3

Trắng thí quân giành thế công, chiếm ưu.

Biến 3 :

5... 象 3.5

7. 馬 2.4

9. 炮 7-8

11. 兵 7.1

卒 7.1

馬 8.7

車 9-8

6. 車 8.9

8. 馬 4.6

10. 兵 7.1

12. 炮 2-4

馬 3/2

馬 2.1

炮 8-9

象 5.3

- | | | | |
|----------|------|--------------------|------|
| 13. 車1-3 | 炮6-3 | 14. 馬7.6 | 車8.1 |
| 15. 兵3.1 | 車8-4 | 16. 馬t/4 | 炮9.4 |
| 17. 馬4.3 | 象3/5 | 18. 馬3.1 | 馬7.6 |
| 19. 兵3.1 | 馬6.4 | 20. 車3.3 | 炮9.3 |
| 21. 仕4.5 | 馬1.3 | 22. 兵5.1 | 車4-2 |
| 23. 炮8/5 | 車2-9 | Bên Đen dễ đi hơn. | |

CỤC 25 TRẮNG NHẢY MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (2)

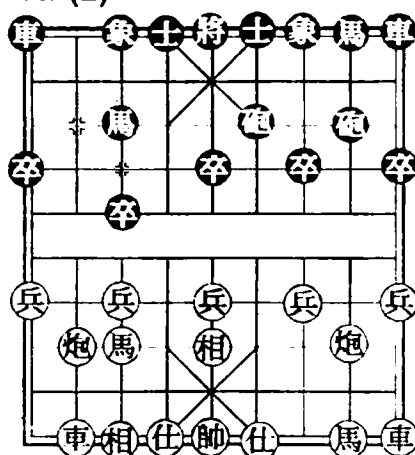
- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮2-6 |
| 2. 馬8.7 | 馬2.3 |
| 3. 車9-8 | 卒3.1 |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 4. 兵3.1 | 車1-2 |
| 5. 炮8.4 | 象3.5 |
| 6. 馬2.3 | 馬8.9 |
| 7. 仕4.5 | 士4.5 |
| 8. 車1-4 | 卒9.1 |
| 9. 車4.5 | 炮8/1 |
| 10. 車4/5 | 炮8.2 |

- | | |
|----------|------|
| 11. 車4.3 | 馬9/7 |
| 13. 車8.4 | 車4.4 |
| 15. 車2/1 | 車9.3 |
| 17. 炮3-2 | 車7-8 |
| 19. 兵7.1 | 卒9.1 |
| 21. 兵7.1 | 車6-3 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 炮8-3 | 車2-4 |
| 14. 車4-2 | 炮8.4 |
| 16. 炮3.1 | 車9-7 |
| 18. 車2.4 | 馬7.8 |
| 20. 馬3.4 | 車4-6 |
| 22. 馬7.6 | 卒9.1 |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2:

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 4. 炮8-9 | 馬8.9 | 5. 兵7.1 | 卒3.1 |
|---------|------|---------|------|

- | | | | |
|----------|------|----------------------------------|------|
| 6. 相5.7 | 炮8-7 | 7. 炮2-6 | 車9-8 |
| 8. 馬2.3 | 車8.4 | 9. 相7/5 | 車8-4 |
| 10. 仕4.5 | 士4.5 | 11. 車8.4 | 車1-2 |
| 12. 車8-7 | 車2.4 | 13. 車1-4 | 車4-3 |
| 14. 車7.1 | 車2-3 | 15. 馬7.6 | 車3.2 |
| 16. 兵3.1 | 車3-1 | Thế trận cả hai bên đều bình ổn. | |

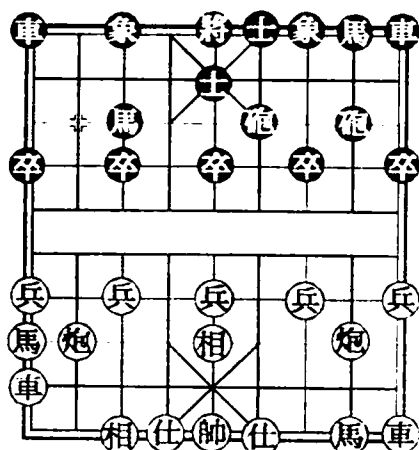
CỤC 26

TRẮNG NHẢY MÃ BIÊN ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮2-6 |
| 2. 馬8.9 | 馬2.3 |
| 3. 車9.1 | 士4.5 |
- (hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 4. 車9-6 | 象3.5 |
| 5. 兵9.1 | 卒7.1 |
| 6. 馬2.4 | 馬8.7 |
| 7. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 8. 車1-3 | 車1-4 |
| 9. 車6.8 | 士5/4 |
| 10. 車3.4 | 馬7.6 |
| 11. 炮2-4 | 炮6.5 |
| 13. 車3-4 | 馬6/7 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 炮8-4 | 車9.2 |
|----------|------|

- | | |
|----------|------|
| 14. 車4.2 | 士4.5 |
|----------|------|

Bên Trắng dễ đi hơn.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 車9-4 | 象3.5 | 5. 兵3.1 | 馬8.9 |
| 6. 兵1.1 | 炮8-7 | 7. 馬2.1 | 車9-8 |
| 8. 車1-2 | 車1-2 | 9. 兵9.1 | 車2.4 |
| 10. 車4.3 | 車2-5 | 11. 兵5.1 | 車5-2 |
| 12. 炮8-6 | 卒9.1 | 13. 兵3.1 | 卒9.1 |

14. 車4.1
16. 仕4.5
18. 車2.5
20. 車1/1

車2.4
馬7.8
車7.2

15. 兵3.1
17. 炮2.7
19. 車2-1

馬9.7
馬8/6
卒3.1

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 3:

4. 兵3.1
6. 車9-6
8. 車1.2
10. 馬2.3
12. 馬3.4
14. 兵3.1
16. 兵1.1
18. 炮2-3
20. 車6.5

車1-2
車8-7
車9-8
卒3.1
車2/6
車8-7
車7-9
車7.6
車5-4

5. 兵9.1
7. 車6.3
9. 炮8-6
11. 兵1.1
13. 車1.1
15. 車1-2
17. 車2.4
19. 炮6-3

馬8.9
車2.6
車8.4
卒3.5
炮7/1
卒9.1
卒7.1
車2-4

Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 27

TRẮNG HOÀNH XE TRÁI ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (1)

1. 相3.5
2. 車9.1
3. 車9-4

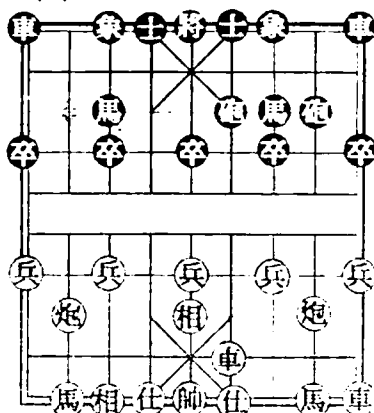
炮2-6
馬2.3
馬8.7

(hình)

Biến 1:

4. 馬2.1
5. 馬8.9
6. 仕4.5
7. 車4.5
8. 兵3.1
9. 車1-3
10. 車3.4
12. 車4/3

車1-2
士6.5
卒7.1
炮6-4
卒7.1
象7.5
卒3.1
車2.6



11. 兵9.1
13. 炮8-6

馬3.4
車9-6

- | | | | |
|----------|----------------------|----------|------|
| 14. 車4.6 | 馬7/6 | 15. 炮6.5 | 炮8-4 |
| 16. 車3.4 | 馬6.7 | 17. 炮2.7 | 卒3.1 |
| 18. 馬1.3 | Bên Trắng dễ đi hơn. | | |

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 炮8-6 | 士6.5 | 5. 兵7.1 | 車1-2 |
| 6. 馬8.7 | 車2.6 | 7. 車4.5 | 車2-3 |
| 8. 炮6/1 | 炮6-4 | 9. 炮6-7 | 車3-4 |
| 10. 仕4.5 | 象7.5 | 11. 兵3.1 | 車4.2 |
| 12. 炮2/1 | 車4/4 | 13. 馬2.4 | 卒7.1 |
| 14. 兵3.1 | 車4-7 | 15. 兵5.1 | 炮4.1 |
| 16. 車4.2 | 馬7.6 | 17. 馬4.5 | 炮8-6 |

Bên Đen hoàn toàn có thể kháng cự được.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 馬8.9 | 車1-2 | 5. 車4.5 | 卒7.1 |
| 6. 炮8-6 | 炮6-4 | 7. 馬2.3 | 卒3.1 |
| 8. 仕4.5 | 象7.5 | 9. 兵9.1 | 士6.5 |
| 10. 車1-4 | 炮8/2 | 11. 車t-2 | 炮8-6 |
| 12. 兵3.1 | 卒7.1 | 13. 相5.3 | 車2.4 |
| 14. 車2/3 | 卒3.1 | 15. 兵7.1 | 馬7.6 |
| 16. 車4-2 | 車9-7 | 17. 相3/5 | 馬3.4 |
| 18. 馬3/4 | 馬4.5 | 19. 炮2-4 | 炮4-3 |
| 20. 炮4.7 | 士5/6 | 21. 車t-4 | 車2.4 |

Bên Đen chiếm ưu thế.

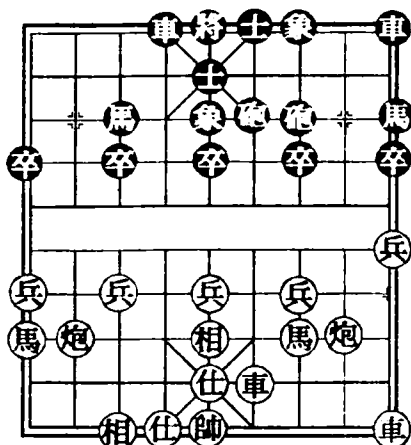
CỤC 28

TRẮNG HOÀNH XE TRÁI ĐỐI ĐEN NHẢY MÃ PHẢI (2)

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮2-6 | 2. 車9.1 | 馬2.3 |
| 3. 車9-4 | 士4.5 | 4. 馬8.9 | 馬8.9 |
| 5. 兵1.1 | 象3.5 | 6. 仕4.5 | 車1-4 |
| 7. 馬2.3 | 炮8-7 | (hình) | |

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 8. 車4.3 | 車9-8 |
| 9. 炮2-1 | 卒3.1 |
| 10. 炮8-6 | 卒7.1 |
| 11. 炮1.4 | 卒5.1 |
| 12. 車4.2 | 車4.5 |
| 13. 兵1.1 | 炮7.4 |
| 14. 車1.4 | 車4-9 |
| 15. 炮1/2 | 馬9.7 |
| 16. 兵1.1 | 車8.5 |
| 17. 車4-3 | 車8-9 |
| 18. 車3-4 | 卒1.1 |
| 19. 兵1-2 | 車9-8 |
| 21. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 23. 車7.2 | 車8.2 |
| 25. 兵3.1 | 炮9.5 |
| 27. 相3/5 | 炮9-5 |
| 29. 車7.1 | 車5-8 |



- | | |
|----------|------|
| 20. 車4-7 | 卒7.1 |
| 22. 車7/2 | 卒7-6 |
| 24. 兵2-3 | 炮6-9 |
| 26. 相5.3 | 車8-7 |
| 28. 相7.5 | 車7-5 |
| 30. 馬9.7 | B6.1 |

Đen tuy ít quân nhưng chiếm thế, dễ đi.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 車1-2 | 車9-8 | 9. 兵9.1 | 卒3.1 |
| 10. 車4.3 | 車8.6 | 11. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 12. 炮2-1 | 車8-7 | 13. 兵3.1 | 車7/2 |
| 14. 馬3.2 | 炮7/1 | 15. 馬2.1 | 車7.2 |
| 16. 馬1/2 | 馬9.8 | 17. 車4-8 | 馬8/6 |
| 18. 炮1-4 | 炮6.5 | 19. 炮8-4 | 車4.4 |
| 20. 車8-4 | 馬6.8 | 21. 車4.4 | 馬8/9 |
| 22. 馬2.4 | 車7-6 | 23. 炮4-3 | 象5.7 |
| 24. 炮3.6 | 馬9/7 | 25. 車4-3 | |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 炮2-1 | 車9-8 | 9. 炮1.4 | 車8.6 |
| 10. 車1.3 | 車8/3 | 11. 兵1.1 | 卒7.1 |
| 12. 兵9.1 | 卒3.1 | 13. 車4.3 | 馬3.4 |
| 14. 車4-6 | 馬4/3 | 15. 車6-4 | 馬3.4 |
| 16. 車4-6 | 馬4/3 | 17. 車6-8 | 馬9/7 |
| 18. 車1.1 | 炮7-9 | | |
| 19. 車8-2 | 車8-7 | | |
| 20. 兵3.1 | 車4.4 | | |

Thế trận hai bên tương đương.

CHƯƠNG 2

PHI TƯỢNG ĐỐI SĨ GIÁC PHÁO

TIẾT 1

ĐEN SĨ GIÁC PHÁO BÊN PHẢI

CỤC 29

TRẮNG LÊN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3 (1)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮2-4 |
| 2. 馬8.7 | 卒3.1 |
| 3. 車9-8 | 馬2.3 |
| 4. 兵3.1 | 車1-2 |
| 5. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 6. 馬3.4 | 車2.6 |

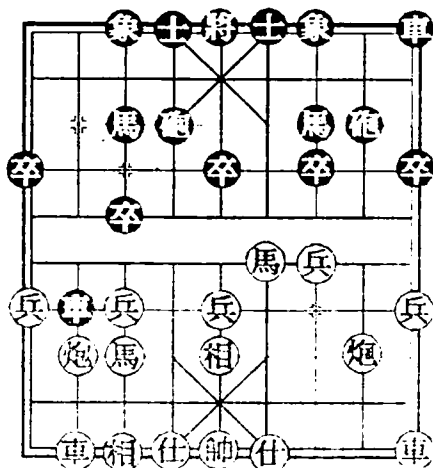
(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 7. 炮8/1 | 象7.5 |
| 8. 炮8-3 | 車2.3 |
| 9. 馬7/8 | 士6.5 |
| 10. 炮2-4 | 車9-8 |

Phương án 1:

- | | |
|----------|------|
| 11. 馬8.7 | 炮8-9 |
|----------|------|



- | | |
|----------|------|
| 12. 炮4.5 | 炮9/1 |
|----------|------|

13. 炮3.5	車8.4	14. 車1-3	卒1.1
15. 車3.3	馬3.2	16. 兵7.1	卒3.1
17. 相5.7	炮4-3	18. 相7/5	炮3.4
19. 兵5.1	炮3-9	20. 兵3.1	車8-7
21. 車3.2	象5.7	Thế trận hai bên cân bằng.	

Phương án 2 :

11. 車1-2	炮8-9	12. 車2.9	馬7/8
13. 馬8.7	炮9.4	14. 馬4.5	馬3.4
15. 兵7.1	卒3.1	16. 相5.7	馬8.6
17. 馬5/6	炮4.3	18. 馬7.6	卒7.1
19. 兵3.1	馬6.5	20. 炮3-6	馬5.4
21. 炮6.4	象5.7	Thế trận hai bên cân bằng.	

Biến 2 :

7. 炮2-3	象7.5	8. 車1-2	車9-8
9. 炮8-9	車2.3	10. 馬7/8	炮8-9
11. 車2.9	馬7/8	12. 炮3.4	炮9.4
13. 炮3-9	馬3.1	14. 炮9.4	馬8.7
15. 炮9/1	士6.5	16. 馬8.7	炮9-3
17. 仕6.5	卒3.1	18. 相5.7	馬7.6
19. 相7.5	馬6.4	20. 馬7/8	卒5.1
21. 仕5.4	Trắng có phần dễ đi hơn.		

Biến 3 :

7. 炮8-9	車2.3	8. 馬7/8	象7.5
9. 馬8.7	士6.5	10. 馬7/5	車9-6
11. 馬5.3	車6.4	12. 炮2/1	炮8/2
13. 炮2-4	車6-8	14. 炮4-3	車8.4
15. 車1.1	車8-9	16. 馬3/1	炮8-7
17. 馬1.2	炮7-9	18. 炮3.2	Trắng dễ đi hơn.

CỤC 30

TRẮNG LÊN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN ĐẦY TỐT 3 (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | ●2-4 |
| 2. 馬8.7 | ●3.1 |
| 3. 車9-8 | ●2.3 |
| 4. 兵3.1 | ●1-2 |
| 5. 馬2.3 | ●8.7 |
| 6. 馬3.4 | ●9.1 |

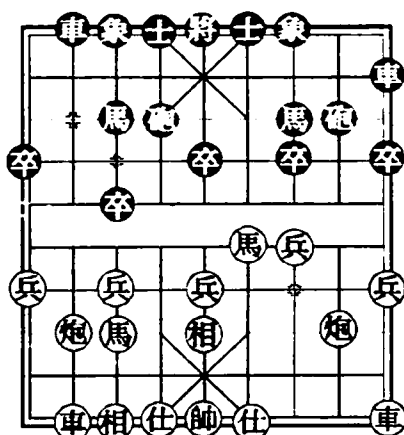
(hình)

Biến 1:

- | | |
|---------|------|
| 7. 炮2-4 | ●8.3 |
| 8. 馬4.3 | ●9-6 |
| 9. 仕6.5 | ●8.1 |

Phương án 1:

- | | |
|----------|------|
| 10. 兵3.1 | ●2.6 |
| 12. 馬7/8 | ●3.4 |
| 14. 車1-2 | ●4.5 |
| 16. 炮4-7 | ●6-3 |
| 18. 炮7-6 | ●1-9 |
| 20. 炮9-7 | ●3-2 |
| 22. 馬2.4 | ●8.6 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 炮8-9 | ●2.3 |
| 13. 馬8.7 | ●6.5 |
| 15. 炮9.4 | ●5.3 |
| 17. 兵3-4 | ●8-1 |
| 19. 兵4.1 | ●4.5 |
| 21. 馬3/2 | ●7.8 |
| 23. 兵4-5 | ●4-1 |

Đen nhiều Tốt, quân linh hoạt, có phần ưu hơn.

Phương án 2:

- | | |
|----------|------|
| 10. 車1-3 | ●8-3 |
| 12. 兵3-2 | ●6-8 |
| 14. 車3.6 | ●2/1 |
| 16. 炮4-3 | ●8-6 |
| 18. 馬4.5 | ●8.7 |
| 20. 兵5.1 | ●7.6 |

- | | |
|----------|------|
| 11. 兵3.1 | ●2.6 |
| 13. 馬3/4 | ●7.5 |
| 15. 炮4.1 | ●3.1 |
| 17. 車3/2 | ●7.8 |
| 19. 馬5.7 | ●6.3 |
| 21. 兵5.1 | ●6-5 |

Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 車1-3 | 車9-6 | 8. 馬4.3 | 車2.6 |
| 9. 炮8-9 | 車2.3 | 10. 馬7/8 | 車6.5 |
| 11. 馬8.7 | 炮8/1 | 12. 仕4.5 | 炮8-7 |
| 13. 炮2-3 | 車3.5 | 14. 車3-4 | 車6-7 |
| 15. 馬3/4 | 炮7-6 | 16. 炮3-4 | 炮6-9 |
| 17. 兵9.1 | 炮9.5 | | |

Đen dễ đi hơn.

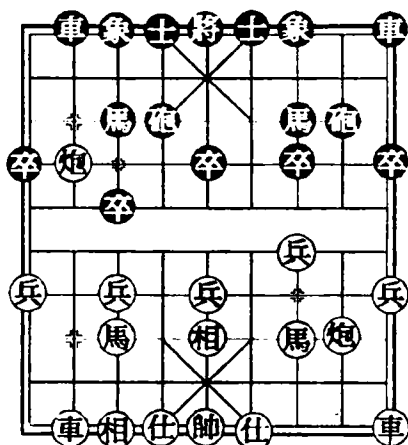
CỤC 31

TRẮNG LÊN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3 (3)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 炮2-4 |
| 2. 馬8.7 | 卒3.1 |
| 3. 車9-8 | 馬2.3 |
| 4. 兵3.1 | 車1-2 |
| 5. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 6. 炮8.4 | (hình) |

Biến 1 :

- | | |
|-----------|----------|
| 6... 馬3.4 | |
| 7. 仕4.5 | 車7.5 |
| 8. 車1-4 | 炮8-9 |
| 9. 車4.5 | 馬4/3 |
| 10. 馬3.2 | 卒7.1 |
| 11. 車4/1 | 馬3.4 |
| 13. 炮8-1 | 馬7.9 |
| 15. 車8/4 | 炮9.2 |
| 17. 兵1.1 | 炮9/2 |
| 19. 炮2-4 | 卒3.1 |
| 21. 車5-7 | 馬7.8 |
| 23. 帥5-4 | 炮9-6 |
| | 12. 車4-5 |
| | 14. 車8.9 |
| | 16. 車8.3 |
| | 18. 兵3.1 |
| | 20. 車8/3 |
| | 22. 車8-6 |
| | 24. 車6-4 |



Bên Đen thí quân giành thế công.

Biến 2 :

6...炮4.5		7. 車1-3	炮8-9
8. 炮2.1	車9-8	9. 炮2-3	馬7/5
10. 炮8-7	車2.9	11. 馬7/8	炮4/4
12. 車3-2	車8.9	13. 馬3/2	炮9.4
14. 馬2.3	車9-8	15. 仕4.5	卒9.1
16. 兵5.1	車3.5	17. 馬8.7	卒9.1
18. 炮3-5	馬5.7	19. 兵7.1	卒3.1
20. 相5.7	炮8/1	21. 馬3.2	卒9-8

Thế trận hai bên cơ bản cân bằng.

Biến 3:

6...車7.5		7. 馬3.4	士6.5
8. 炮2-4	炮8.3	9. 馬4.3	車9-6
10. 仕4.5	炮8.1	11. 車1-3	炮8-3
12. 兵3.1	炮3-9	13. 炮8.2	車6-8
14. 兵5.1	炮9.1	15. 兵3-4	卒3.1
16. 兵5.1	炮4.6	17. 馬7.5	卒3.1
18. 相5.3	炮9.1	19. 馬5/6	炮9-4
20. 車3.3	卒5.1	21. 車3-7	馬3.5
22. 炮4-6	炮4-1	23. 兵4-5	馬5.3

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 4:

6...炮8.4		7. 炮8-7	炮4.5
8. 車8.9	馬3/2	9. 炮7-3	炮8-3
10. 車1-2	車7.5	11. 仕6.5	炮4.1
12. 炮2-1	馬2.3	13. 車2.7	車9.1
14. 相7.9	馬7/5	15. 兵5.1	炮4/2
16. 兵3.1	馬5/7	17. 車2/3	車9-6

Thế trận hai bên đối kháng.

CỤC 32

TRẮNG LÊN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3 (4)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | ●2-4 |
| 2. 馬8.7 | ●3.1 |
| 3. 車9-8 | ●2.3 |
| 4. 兵3.1 | ●8.7 |
| 5. 馬2.3 | ●7.5 |
| 6. 馬3.4 | ●1.1 |
| 7. 炮2-4 | ●9-8 |

(hình)

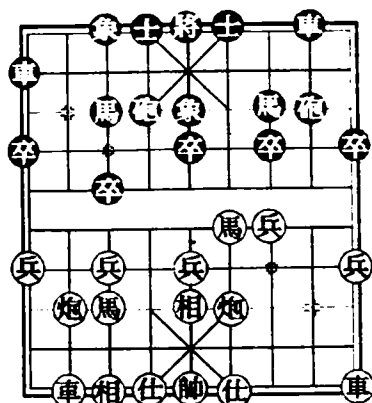
Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 8. 車1-2 | ●8.3 |
| 9. 炮8.5 | ●8-6 |
| 10. 車2.9 | ●7/8 |
| 12. 車8.4 | ●6.1 |

Đen dễ đi hơn.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|---------------------------|------|
| 8. 炮8.5 | ●4/1 | 9. 炮8.1 | ●8.3 |
| 10. 馬4.3 | ●8.4 | 11. 仕4.5 | ●3.4 |
| 12. 炮4.6 | ●8/2 | 13. 車8.7 | ●4-3 |
| 14. 馬7/8 | ●8.4 | 15. 車1-2 Trắng dễ đi hơn. | |



- | | |
|----------|------|
| 11. 炮8-6 | ●1-4 |
| 13. 炮6/3 | ●6-3 |

CỤC 33

TRẮNG LÊN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3 (5)

- | | | | |
|----------------|------|---------|------|
| 1. 相3.5 | ●2-4 | 2. 馬8.7 | ●3.1 |
| 3. 車9-8 | ●2.3 | 4. 炮8-9 | ●8.7 |
| 5. 兵3.1 (hình) | | | |

Biến 1 :

5... ●8-9

Phương án 1 :

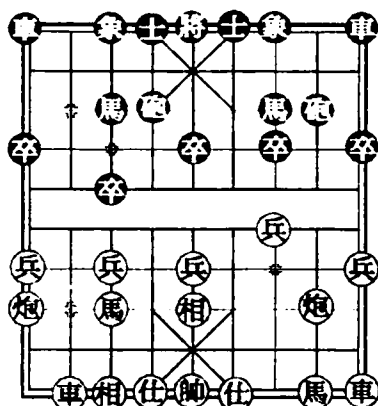
- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 6. 炮2-4 | ●9-8 | 7. 馬2.3 | ●8.6 |
|---------|------|---------|------|

- | | |
|----------|------|
| 8. 車1-3 | 士4.5 |
| 9. 仕4.5 | 車8-7 |
| 10. 兵9.1 | 馬3.4 |
| 11. 車8.4 | 象3.5 |
| 12. 兵9.1 | 卒7.1 |
| 13. 兵9-8 | 車1-2 |
| 14. 兵3.1 | 車7/2 |
| 15. 馬3/1 | 車7.5 |
| 16. 馬1/3 | 馬4.3 |

Đen không khó đi.

Phương án 2 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 炮9/1 | 象7.5 |
| 8. 車8-7 | 車2.2 |
| 10. 炮9-7 | 卒9/1 |
| 12. 馬2.3 | 車9-8 |
| 14. 馬7.6 | |



- | | |
|----------|------|
| 7. 車8.6 | 車1-2 |
| 9. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 11. 車7/2 | 馬3.4 |
| 13. 炮2.2 | 車8.4 |

Thế trận hai bên căn bản cân bằng.

Biến 2 :

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 5... 炮8.4 | 6. 馬2.3 | 象7.5 |
| 7. 兵7.1 | 卒3.1 | 車1.1 |
| 9. 車8.6 | 炮4.4 | 馬3/2 |
| 11. 馬7.6 | 馬2.1 | 車1-3 |
| 13. 馬6.4 | 車9-7 | 車3.3 |
| 15. 馬3.4 | 14. 馬4.6 | |

Bên Trắng chiếm tiên thủ.

CỤC 34

TRẮNG ĐẨY TỐT 3 ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ PHẢI (1)

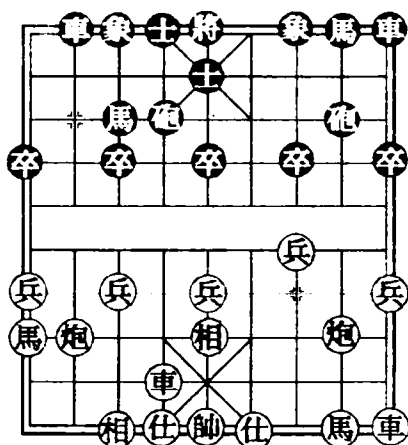
- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮2-4 | 2. 兵3.1 | 馬2.3 |
| 3. 車9.1 | 車1-2 | 4. 車9-6 | 士6.5 |
| 5. 馬8.9 | | | |

(hình)

Biến 1 :

- | | | |
|-----------|---------|------|
| 5... 炮8-5 | 6. 兵9.1 | 馬8.7 |
|-----------|---------|------|

- | | |
|----------|------|
| 7. 車6.3 | 車2.6 |
| 8. 馬2.4 | 車9-8 |
| 9. 車1-3 | 車8.4 |
| 10. 炮8-6 | 炮4.5 |
| 11. 馬4.6 | 車2/2 |
| 12. 炮2-4 | 車2-4 |
| 13. 車6.1 | 車8-4 |
| 14. 仕4.5 | 卒3.1 |
| 15. 兵7.1 | 炮5-4 |
| 16. 兵7.1 | 車4-3 |
| 17. 炮4-3 | 馬3.4 |
| 18. 兵3.1 | 馬4.5 |
| 19. 炮3.4 | 象7.5 |
| 21. 馬6.5 | 車3-2 |
| 23. 馬5/4 | 車2/1 |



- | | |
|----------|------|
| 20. 炮3-4 | 馬5/4 |
| 22. 炮4-9 | 卒5.1 |
| 24. 炮9/1 | |

Trắng nhiều Tốt hơn, chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|---------|----------|------|
| 5... 象7.5 | 6. 兵9.1 | 車2.4 | |
| 7. 車6.3 | 車2-8 | 8. 炮2.5 | 炮4-8 |
| 9. 馬2.3 | 卒3.1 | 10. 兵7.1 | 馬8.6 |
| 11. 仕4.5 | 炮8-6 | 12. 馬9.8 | 車9-7 |
| 13. 炮8-7 | 卒3.1 | 14. 車6-7 | 馬3.2 |
| 15. 馬3.4 | 車8-6 | 16. 馬4/6 | 卒7.1 |
| 17. 兵3.1 | 車7.4 | 18. 車1-2 | 炮6-9 |
| 19. 兵1.1 | 車7.2 | | |

Hai bên cùng cố tranh tiên

CỤC 35

TRẮNG ĐẨY TỐT 3 ĐỐI ĐEN TIỀN MÃ PHẢI (2)

- | | | | |
|---------|--------|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮2-4 | 2. 兵3.1 | 馬2.3 |
| 3. 馬8.9 | (hình) | | |

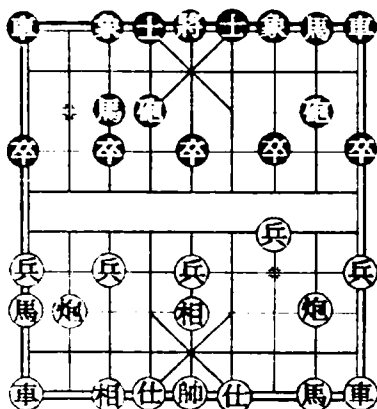
Biến 1 :

3... 車 1-2

Phương án 1 :

- | | |
|-----------|-------|
| 4. 車 9-8 | 炮 8-5 |
| 6. 馬 2.3 | 車 9-8 |
| 8. 兵 9.1 | 馬 3.4 |
| 10. 馬 3.5 | 車 8.5 |
| 12. 車 1-4 | 車 8/1 |
| 13. 馬 6.5 | 卒 7.5 |
| 14. 車 4.4 | 車 2/1 |
| 15. 車 4-6 | 士 6.5 |
| 16. 馬 9.8 | 卒 3.1 |
| 17. 車 6-7 | 車 2-4 |
| 18. 相 5/3 | 車 4.5 |
| 19. 車 8.2 | 炮 4.2 |
| 20. 馬 8.7 | 車 8-6 |
| 21. 車 8-4 | 車 6.3 |
| 22. 仕 5.4 | 車 4-2 |
| 23. 炮 8-9 | |

- | | |
|-----------|-------|
| 5. 仕 4.5 | 馬 8.7 |
| 7. 炮 2.2 | 卒 3.1 |
| 9. 炮 8.1 | 馬 4.5 |
| 11. 馬 5.6 | 車 2.4 |



Trắng nhìn hơn chút ít.

Phương án 2 :

- | | |
|-----------|-------|
| 4. 車 9.1 | 炮 8-5 |
| 6. 仕 4.5 | 馬 8.7 |
| 8. 車 6-7 | 車 8.6 |
| 10. 馬 2.4 | 車 2-6 |
| 12. 炮 2-4 | 車 6-8 |
| 14. 炮 6.1 | 車 6/1 |
| 16. 炮 3/2 | 車 6-4 |
| 18. 仕 6.5 | |

- | | |
|-----------|-------|
| 5. 車 9-6 | 士 4.5 |
| 7. 車 6.5 | 車 9-8 |
| 9. 炮 8-6 | 車 2.4 |
| 11. 車 1.1 | 炮 5-6 |
| 13. 炮 4-3 | 車 t-6 |
| 15. 炮 6/2 | 炮 4-5 |
| 17. 仕 5.6 | 車 4-2 |

Trắng chiếm tiên thủ.

Biến 2 :

3... 炮 8-5

- | | |
|----------|-------|
| 5. 炮 8-6 | 車 1-2 |
| 7. 炮 2.4 | 卒 5.1 |

- | | |
|----------|-------|
| 4. 馬 2.3 | 馬 8.7 |
| 6. 車 1-2 | 車 9-8 |
| 8. 仕 4.5 | 炮 5.1 |

9. 炮2/2	●5/2	10. 車9-8	車2.9
11. 馬9/8	●4-5	12. 炮6-7	車8.4
13. 炮7.4	●3.1	14. 馬8.7	卒5.1
15. 炮2-5	車8-3	16. 炮5.4	士4.5
17. 炮7-4	車3.2	18. 馬7/8	車3/3
19. 炮4/5	馬7.5	20. 車2.6	馬5.4

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 3 :

3...卒3.1

Phương án 1 :

4. 車9-8	車1-2	5. 馬2.3	馬8.7
6. 仕4.5	●7.5	7. 兵9.1	士6.5
8. 車1-4	●8-9	9. 炮2.2	車2.6
10. 兵7.1	卒3.1	11. 炮2-7	馬3/1
12. 炮8-7	車2.3	13. 馬9/8	車9-8
14. 炮t.2	車8.4	15. 炮t-3	卒1.1
16. 兵9.1	車8-1	17. 馬8.9	車1.2
18. 炮7/1	馬1.3	19. 車4.5	Trắng ưu

Phương án 2 :

4. 車9.1	馬3.4	5. 車9-4	車1-2
6. 炮8-6	卒7.5	7. 仕4.5	士6.5
8. 馬2.3	車2.5	9. 車4.4	馬4/3
10. 車1-4	馬8.7	11. 車t.1	車9-6
12. 車t-3	車6.9	13. 帥5-4	車8/2
14. 帥4-5	車2/1	15. 兵9.1	Trắng ưu.

CỤC 36

TRẮNG ĐẨY TỐT 7 ĐỐI ĐEN MÃ PHẢI QUY
BIÊN (1)

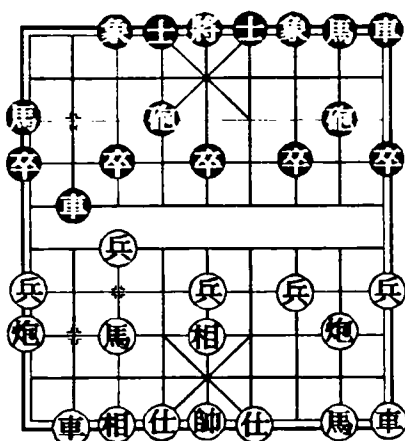
1. 相3.5	●2-4	2. 兵7.1	馬2.1
3. 馬8.7	車1-2	4. 車9-8	車2.4

5. 炮8-9 (hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 5...卒1.1 | |
| 7. 兵3.1 | 馬8.7 |
| 8. 馬2.3 | 車9.1 |
| 9. 仕4.5 | 車9-6 |
| 10. 車1-4 | 車6.8 |
| 11. 仕5/4 | 炮8.4 |
| 12. 馬3.4 | 炮8-7 |
| 13. 仕4.5 | 炮3.5 |
| 14. 炮2.4 | 炮4-1 |
| 15. 炮9.3 | 炮7-1 |
| 16. 炮2/1 | 炮t.3 |
| 17. 兵3.1 | 馬2.1 |
| 18. 炮9/5 | 馬1.3 |
| 19. 兵3.1 | 馬7/5 |

6. 車8.5 馬1.2



20. 馬4.6

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

5...車2-4 6. 馬2.3

Phương án 1 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6...卒7.1 | | 7. 仕4.5 | 馬8.7 |
| 8. 兵9.1 | 士6.5 | 9. 車8.8 | 炮7.5 |
| 10. 馬7.8 | 卒1.1 | 11. 兵9.1 | 車4-1 |
| 12. 炮2.4 | 車9-6 | 13. 炮2-7 | 馬7.6 |
| 14. 炮7-1 | 馬6.4 | 15. 車1-2 | 馬4.6 |
| 16. 仕5.4 | 炮8-7 | 17. 炮9-7 | 車1.2 |
| 18. 炮1-2 | 炮7-8 | 19. 車8-6 | 車1-3 |
| 20. 炮2-1 | | | |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|---------|------|
| 6...馬8.7 | | 7. 兵9.1 | 士6.5 |
| 8. 仕4.5 | 炮7.5 | 9. 車8.3 | 卒7.1 |

- | | | | |
|----------|------|-----------------------------|------|
| 10. 兵5.1 | ●9-6 | 11. 炮2-1 | ●8.4 |
| 12. 兵3.1 | ●8/6 | 13. 馬7.5 | ●8.6 |
| 14. 馬5/7 | ●8/6 | 15. 馬7.5 | ●8.6 |
| 16. 馬5/7 | ●8/6 | Hai bên bất biến thành hòa. | |

Biến 3 :

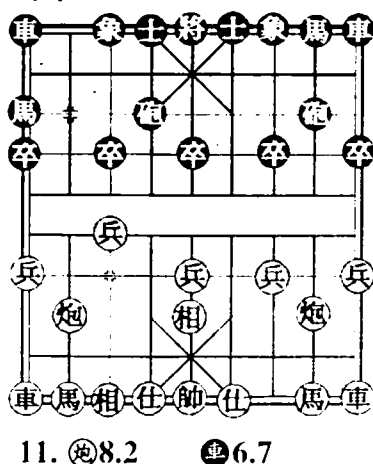
- | | | |
|-----------|----------|---|
| 5... 炮2-6 | 6. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 7. 兵9.1 | 8. 仕4.5 | 士6.5 |
| 9. 炮2.2 | 10. 炮2-6 | 車9-8 |
| 11. 炮6/2 | 12. 車8.4 | 卒1.1 |
| 13. 車8-9 | 14. 炮9/1 | 車8.7 |
| 15. 車1-3 | 16. 炮9-6 | 車4.3 |
| 17. 仕5.6 | 18. 車9.1 | 馬2.3 |
| 19. 車9/4 | 20. 車9.2 | 馬7.8 |
| 21. 車9-7 | ●9.4 | Bên Trắng nhiều quân, nhưng
bên Đen lại có thế, cuộc chiến còn giằng co. |

CỤC 37 TRẮNG ĐẨY TỐT 7 ĐỐI ĐEN MÃ PHẢI QUY BIÊN (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | ●2-4 |
| 2. 兵7.1 | 馬2.1 |
- (hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 3. 炮8.4 | 馬8.7 |
| 4. 馬8.7 | 炮8-9 |
| 5. 炮2.2 | 卒7.1 |
| 6. 馬2.3 | 車9-8 |
| 7. 車1-2 | 象7.5 |
| 8. 仕4.5 | 車1.1 |
| 9. 馬7.6 | 車1-6 |
| 10. 車9-8 | 士6.5 |



12. 炮2.3 車6/3
14. 炮8.4 馬7.6
16. 馬3/2 士5.4
18. 馬2.3 卒1.1

13. 炮8/4 車6/2
15. 炮2-6 車8.9
17. 馬6.4 車6.1

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

3. 炮8-6 車1-2
5. 馬2.4 象7.5
7. 兵3.1 車9-7
9. 車9-8 車2-7
11. 馬4/2 車s-8
13. 相5/3 炮4-7
15. 相7.5 卒1.1
17. 炮6.1 車8.1

4. 馬8.7 卒7.1
6. 車1-3 馬8.6
8. 兵3.1 車2.4
10. 炮2-3 炮8-7
12. 炮3.5 車7.5
14. 馬2.1 車8.6
16. 兵1.1 馬6.8
18. 馬7.6 馬8.7

Hai bên cùng cố giành tiên thủ.

CỤC 38

ĐEN SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI TRẮNG HOÀNH XE TRÁI

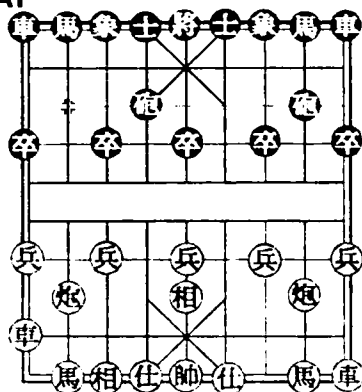
1. 相3.5 炮2-4
2. 車9.1 (hình)

Biến 1 :

- 2... 馬2.3
3. 車9-6 馬8.7
4. 馬8.9

Phương án 1 :

- 4... 車1-2
5. 兵9.1 車2.4
6. 車6.3 車2-6
7. 馬9.8 卒3.1
9. 炮2-7 象7.5
11. 車1-2 車9-8



8. 炮2/1 士6.5
10. 馬2.3 卒7.1
12. 炮8-7 炮8.1

13. 兵7.1	卒3.1	14. 車6-7	馬3/1
15. 仕4.5	卒1.1	16. 馬8.7	車8-3
17. 車2.9	馬7/8	18. 車7.2	卒1.1
19. 車7.2	車6-1	20. 車7-8	卒1.1
21. 相5.7	卒5-6	22. 炮1.7	車5/3
23. 炮7.8	卒6.1	24. 炮7-2	Trắng chiếm ưu

Phương án 2 :

4... 士6.5		5. 車6.3	車7.5
6. 兵3.1	卒3.1	7. 仕4.5	車8.2
8. 車6-8	卒1.1	9. 馬2.3	車1.3
10. 車1-4	車9-6	11. 車4.9	士5/6
12. 炮8-6	士6.5	13. 炮2/2	卒5.1
14. 炮2-3	車8/4	15. 車8-4	馬3.2
16. 車4-8	馬2/3	17. 兵7.1	卒3.1
18. 車8-7	馬3.2	19. 車7-8	馬2/1

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2 :

2... 馬2.1		3. 車9-6	士6.5
4. 兵9.1	車1-2	5. 馬8.9	車2.4
6. 車6.3	卒1.1	7. 馬9.8	車2-6
8. 兵9.1	車6-1	9. 馬2.3	馬8.7
10. 兵3.1	車7.5	11. 車6.1	車1.2
12. 炮8-6	車1-2	13. 炮6.5	士5.4
14. 車6/1	士4/5	15. 仕4.5	車9-6
16. 馬8.6	卒5.1	17. 炮2-1	炮8.2
18. 車1-2	車6.4	19. 車6-4	車6.1
20. 馬3.4	炮8-4	21. 馬4.6	車2/2
22. 馬6.5	車3.5	23. 車2.7	馬7/6
24. 炮1.4			

Trắng thí quân chiếm thế, dễ đi hơn.

Biến 3 :

2... 馬8.7		3. 車9-6	士6.5
-----------	--	---------	------

4. 馬8.9	馬2.3	5. 炮8-7	車1-2
6. 兵3.1	車2.4	7. 炮2-3	車2-8
8. 馬2.4	卒7.5	9. 炮3.4	卒3.1
10. 車1-3	車9-6	11. 兵3.1	車8-7
12. 車3.5	卒5.7	13. 炮7.3	卒3.5
14. 炮7/1	車6.3	15. 炮7-3	卒7/9
16. 炮s.3	車4-7	17. 炮3/6	車6.4
18. 車6.3	炮8.6	19. 馬4.6	炮8.1
20. 仕6.5	車6-7	Đen dễ đi hơn.	

Biến 4 :

2... 炮8-5		3. 馬8.7	馬2.3
4. 車9-4	車1-2	5. 炮8-9	馬8.7
6. 車4.4	車9-8	7. 馬2.4	士6.5
8. 仕4.5	炮5-6	9. 車1-2	炮6.6
10. 車4/4	卒3.1	11. 車4-2	車8.6
12. 兵3.1	卒7.5	13. 炮2-4	車8-9
14. 車t.5	車2.6	15. 車t-3	馬3.4

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 5 :

2... 卒7.5		3. 車9-6	馬2.1
4. 馬8.9	士6.5	5. 兵9.1	車1-2
6. 車6.3	車2.4	7. 馬9.8	車2-6
8. 馬8.9	卒7.1	9. 兵3.1	馬8.7
10. 馬2.3	馬7.8	11. 炮2.5	炮4-8
12. 兵3.1	車6-7	13. 馬3.4	車9-6
14. 馬4.2	車7-8	15. 車1-3	車6.6
16. 炮8.1	卒9.1	17. 仕6.5	炮8-9

Đen dễ đi hơn.

CỤC 39

TRẮNG TIỀN MÃ BIÊN ĐỐI ĐEN ĐẦY TỐT BIÊN (1)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 炮2-4 |
| 2. 馬8.9 | 卒1.1 |
| 3. 車9-8 | 馬2.1 |
| 4. 炮8-7 | 象7.5 |
| 5. 兵3.1 | 車1.1 |
| 6. 馬2.3 | 車1-6 |
| 7. 仕4.5 | 士6.5 |
| 8. 車8.4 | 馬8.7 |
| 9. 兵9.1 | (hình) |

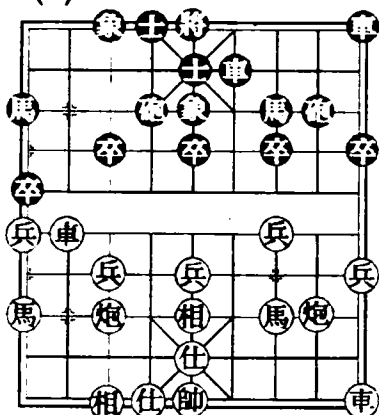
Biến 1:

9...車6.3

- | | |
|----------|------|
| 10. 車1-4 | 車9-6 |
| 12. 車4.9 | 士5/6 |
| 14. 馬9.8 | 卒7.1 |
| 16. 車6.1 | 車7.2 |
| 18. 炮2-4 | 炮8-9 |
| 20. 炮7.1 | 車6.2 |
| 22. 馬3.4 | 車7-8 |

Biến 2:

- | | |
|----------|------|
| 9...卒1.1 | |
| 11. 車1-4 | 車9-6 |
| 13. 車t.1 | 車6.4 |
| 15. 兵3.1 | 象5.7 |



- | | |
|----------|-----------|
| 11. 兵9.1 | 車t-1 |
| 13. 車8-6 | 士6.5 |
| 15. 兵3.1 | 車1-7 |
| 17. 炮2/2 | 車7-6 |
| 19. 兵7.1 | 炮9/2 |
| 21. 炮4-3 | 車6-7 |
| 23. 炮3.6 | Trắng ưu. |

- | | |
|----------|------|
| 10. 車8-9 | 車6.3 |
| 12. 車9-4 | 卒7.1 |
| 14. 車4.5 | 馬7.6 |
- Cờ thế hai bên bình ổn.

CỤC 40

TRẮNG TIỀN MÃ BIÊN ĐỐI ĐEN ĐẦY TỐT BIÊN (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮2-4 |
| 2. 馬8.9 | 卒1.1 |

3. 車9-8 馬2.1

4. 炮8-6

(hình)

Biến 1 :

4... 炮8-5

Phương án 1 :

5. 仕4.5 馬8.7

6. 車8.4 車9-8

7. 兵9.1 卒1.1

8. 車8-9 車1-2

9. 馬2.1 車2.4

11. 車1-4 士6.5

13. 馬1.2 卒7.1

15. 炮6.2 炮5-2

17. 炮6-8 炮2-4

Phương án 2 :

5. 馬2.3 馬8.7

7. 炮2-1 車1-2

9. 仕4.5 馬2.1

11. 炮1/2 炮5-6

13. 車4.4 車8.4

15. 車4-9 炮6/2

17. 馬9.8 卒7.1

19. 馬8.6 炮4.5

21. 炮3.7 炮7-4

Đen không khó đi.

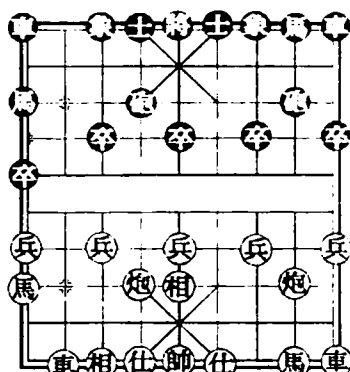
Biến 2 :

4... 象7.5

6. 車8.4 車1-6

8. 兵9.1 卒1.1

10. 仕4.5 車6.3



10. 兵1.1 車8.6

12. 車9-2 車8/1

14. 車4.3 炮4.1

16. 車4.1 象7.5

Thế trận hai bên giằng co.

6. 兵3.1 車9-8

8. 車8.9 馬1/2

10. 車1-4 士6.5

12. 炮1-3 象7.5

14. 兵9.1 卒1.1

16. 車9-4 炮6-7

18. 兵3.1 炮7.4

20. 馬3.2 卒5.1

22. 仕5.6 馬1.2

5. 兵3.1 車1.1

7. 馬2.3 士6.5

9. 車8-9 馬8.7

11. 車1-4 車9-6

12. 車9-4 卒7.1
14. 車t.5 士5/6
16. 馬3.4 炮4.1
18. 車4/3 馬7.6
20. 炮4.3 炮6.3

13. 兵3.1 車t-7
15. 車4.6 馬1.2
17. 車4.2 車7-6
19. 炮2-4 炮8-6

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 3 :

- 4... 卒7.1
6. 車8.4 卒7.5
8. 車3.2 馬8.7
10. 炮6/1 車2.8
12. 仕4.5 車2/4
14. 車3-4 車7-8
16. 馬2.4 車t.2
18. 車4.1 炮7/2

5. 兵3.1 卒7.1
7. 車8-3 車1-2
9. 炮2-3 車9-7
11. 炮6-4 炮8/1
13. 炮4-3 車2-8
15. 炮s.6 炮4-7
17. 炮3.4 卒5.1

Thế trận hai bên còn giằng co.

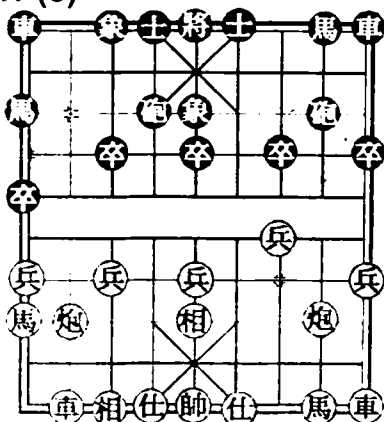
CỤC 41 TRẮNG TIẾN MÃ BIÊN ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT BIÊN (3)

1. 相3.5 炮2-4
2. 馬8.9 卒1.1
3. 車9-8 馬2.1
4. 兵3.1 卒7.5

(hình)

Biến 1 :

5. 炮8-6 車1.1
6. 車8.4 車1-6
7. 馬2.3 士6.5
8. 炮2-1 馬8.7
9. 車1-2 車9-8
10. 車2.6 炮8-9
12. 炮1.4 馬8.7



11. 車2.3 馬7/8
13. 炮1-2 車6.3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 14. 炮2/6 | 卒7.1 | 15. 兵3.1 | 車6-7 |
| 16. 兵9.1 | 卒1.1 | 17. 車8-9 | 馬7.6 |
| 18. 炮2-3 | 車7-8 | 19. 車9-8 | 炮9-7 |
| 20. 炮3.7 | 炮4-7 | 21. 車8-5 | 馬6.7 |

Thế trận hai bên căn bản cân bằng.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. 馬2.3 | 馬8.7 | 6. 仕4.5 | 車1-2 |
| 7. 車1-4 | 炮8-9 | 8. 炮2.2 | 車9-8 |
| 9. 兵9.1 | 卒1.1 | 10. 炮2-9 | 車2.6 |
| 11. 炮8-6 | 車2.3 | 12. 馬9/8 | 車8.4 |
| 13. 馬8.9 | 卒7.1 | 14. 車4.4 | 卒7.1 |
| 15. 車4-3 | 炮9/2 | 16. 馬9.8 | 炮9-7 |
| 17. 車3-4 | 馬1.2 | | |

Thế trận hai bên cân bằng.

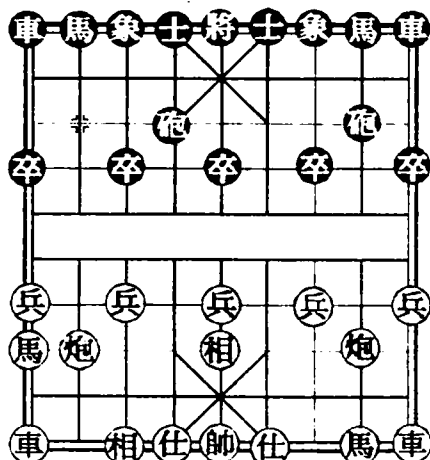
CỤC 42

ĐEN SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI TRẮNG TIẾN MÃ BIÊN

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 炮2-4 |
| 2. 馬8.9 | (hình) |

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 2... 馬2.1 | |
| 3. 兵9.1 | 車1-2 |
| 4. 車9.1 | 炮4.5 |
| 5. 馬2.4 | 炮4-8 |
| 6. 炮8-2 | 車2.4 |
| 7. 炮2-3 | 馬8.9 |
| 8. 馬4.6 | 車9-8 |
| 9. 車9-2 | 炮8.4 |
| 10. 仕4.5 | 卒1.1 |
| 11. 兵9.1 | 車2-1 |
| 13. 車4.8 | 士4.5 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 車1-4 | 卒9.1 |
| 14. 兵3.1 | 炮3.5 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. 車2.1 | 炮8/3 | 16. 車2.1 | 馬9.8 |
| 17. 車2-4 | 炮8-9 | 18. 炮3.4 | 馬8.9 |
| 19. 車t-1 | 炮9/1 | 20. 車4.3 | 士1-4 |
| 21. 炮3-2 | 馬1.2 | 22. 兵3.1 | 車4-7 |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

2... 馬2.3

Phương án 1 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. 兵7.1 | 車1-2 | 4. 車9-8 | 卒7.1 |
| 5. 馬2.4 | 卒7.5 | 6. 炮8-7 | 車2.9 |
| 7. 馬9/8 | 馬8.7 | 8. 炮2-1 | 馬7.6 |
| 9. 車1-2 | 炮8-6 | 10. 馬4.6 | 馬6.7 |
| 11. 馬6.5 | 馬7.9 | 12. 炮7-1 | 卒7.1 |
| 13. 車2.6 | 卒5.1 | 14. 馬5/7 | 車9-7 |
| 15. 炮1.4 | 炮4.4 | 16. 兵1.1 | 炮6.4 |
| 17. 馬8.9 | 炮6-9 | 18. 馬9/7 | 卒7-6 |
| 19. 馬s.6 | 炮9-4 | 20. 車2-7 | 馬3/2 |
| 21. 兵7.1 | | | |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. 車9-8 | 車1-2 | 4. 兵3.1 | 炮8-5 |
| 5. 馬2.3 | 馬8.7 | 6. 仕4.5 | 車9-8 |
| 7. 車1-2 | 車8.4 | 8. 炮2-1 | 車8.5 |
| 9. 馬3/2 | 車2.4 | 10. 炮8-7 | 車2-8 |
| 11. 馬2.3 | 卒3.1 | 12. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 13. 車8.6 | 馬3.2 | 14. 炮7.7 | 士4.5 |
| 15. 炮7-9 | 士5.6 | 16. 炮1/2 | 馬2.4 |
| 17. 炮1-4 | 炮4-3 | | |

Hai bên đối công, tranh chấp còn lâu

Phương án 3 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 3. 車9.1 | 車1-2 | 4. 兵9.1 | 士6.5 |
|---------|------|---------|------|

- | | | | |
|----------|------------------|----------|------|
| 5. 車9-6 | 馬8.7 | 6. 兵3.1 | 車2.4 |
| 7. 車6.3 | 卒7.1 | 8. 馬9.8 | 車2-6 |
| 9. 馬2.3 | 卒7.5 | 10. 炮2.4 | 卒3.1 |
| 11. 炮2-9 | 馬3.1 | 12. 馬8.9 | 車9-8 |
| 13. 仕4.5 | 炮8.4 | 14. 炮8-7 | 卒3.1 |
| 15. 車6-7 | 卒7.1 | 16. 車7-3 | 炮8-3 |
| 17. 馬9.8 | 炮3/5 | 18. 車1-4 | 車6-3 |
| 19. 車4.4 | Trắng dễ đi hơn. | | |

Biến 3 :

- | | | |
|-----------|---------------------------|----------|
| 2... 炮8-5 | 3. 車9.1 | 馬8.7 |
| 4. 車9-6 | 士4.5 | 5. 仕4.5 |
| 6. 車6.5 | 卒3.1 | 7. 車6-7 |
| 8. 馬2.1 | 車1.2 | 9. 車1-2 |
| 10. 炮2-3 | 車8-4 | 11. 車2.4 |
| 12. 兵9.1 | Bên Trắng chiếm tiên thủ. | |

TIẾT 2 ĐEN SĨ GIÁC PHÁO BÊN TRÁI CỤC 43

TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (1)

- | | | | |
|---------|------|----------|------|
| 1. 相3.5 | 炮8-6 | 2. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 3. 兵7.1 | 馬8.7 | 4. 馬8.7 | 車9-8 |
| 5. 車1-2 | 馬2.3 | 6. 馬7.6 | 車1.1 |
| 7. 炮8-6 | 炮2.3 | 8. 馬6.7 | 車1-4 |
| 9. 仕4.5 | 炮2.1 | 10. 車9-8 | 炮2-7 |

(hình)

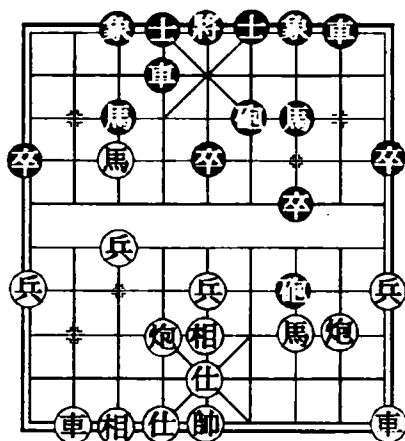
Biến 1 :

11. 炮2.2

Phương án 1 :

- 11... 車4.5 12. 炮2-5 卒7.5

- | | |
|----------|------|
| 13. 車2.9 | 馬7/8 |
| 14. 車8.5 | 士4.5 |
| 15. 兵9.1 | 馬8.7 |
| 16. 兵9.1 | 炮7-6 |
| 17. 兵9.1 | 卒7.1 |
| 18. 兵9-8 | 卒7.1 |
| 19. 兵8.1 | 車4/3 |
| 20. 兵7.1 | 卒5.1 |
| 21. 炮5-9 | 馬3/4 |
| 22. 炮9.2 | 車4.2 |
| 23. 炮9.3 | 卒7.1 |
| 24. 馬7.5 | |



Bên Trắng thắng thế rõ rệt.

Phương án 2 :

- | | | |
|------------|----------|----------|
| 11... 卒7.5 | 12. 車2-4 | 車8.5 |
| 13. 車4.7 | 車4.2 | 14. 兵7.1 |
| 15. 車4/3 | 卒7.1 | 車8/1 |
| 17. 車8.3 | 卒7.1 | 16. 車4-7 |
| 19. 炮6-3 | 馬7.6 | 卒7.1 |
| | | 18. 車8-9 |

Hai bên tranh giành tiên thủ.

Biến 2 :

11. 兵7.1

Phương án 1 :

- | | | |
|------------|----------|----------|
| 11... 車8.6 | 12. 車8.4 | 車4.5 |
| 13. 兵7-8 | 馬7.6 | 14. 兵8.1 |
| 15. 車8/1 | 炮7-2 | 車4-2 |
| 17. 炮2-1 | 車8.3 | 16. 兵1.1 |
| 19. 兵8-7 | 馬3/5 | 炮6.1 |
| | | 18. 馬3/2 |
| | | 炮6-3 |
| | | 20. 馬2.3 |

Trắng dễ đi hơn.

Phương án 2 :

- | | | |
|------------|----------|----------|
| 11... 車8.5 | 12. 兵5.1 | 車4.5 |
| 13. 炮2.1 | 車4/3 | 14. 車8.3 |
| | | 馬7.6 |

15. 車8-7 象3.5
 17. 炮8.2 車4.2
 19. 炮8-7 車4-5
 21. 兵7-6 炮6.1

16. 炮6-8 卒7.1
 18. 兵7-6 象5.3
 20. 兵6-7 車8/3
 22. 炮7-3

Trắng dễ đi hơn.

Phương án 3:

11. 兵7.1 車4.5
 13. 兵8.1 象7.5
 15. 馬3/2 車4-5
 17. 馬4.3 車6-7
 19. 車8-4 士4.5
 21. 兵8.1

12. 兵7-8 卒8.5
 14. 炮2-1 車8.4
 16. 馬2.4 車5-6
 18. 車8.4 車7-9
 20. 兵8.1 馬3/4

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 44

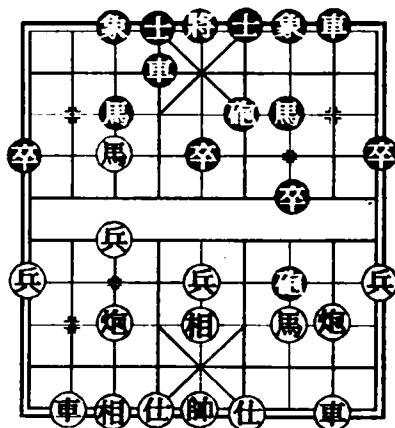
TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẦY TỐT 7 (2)

1. 相3.5 象8-6
 2. 馬2.3 卒7.1
 3. 兵7.1 馬8.7
 4. 馬8.7 車9-8
 5. 車1-2 馬2.3
 6. 馬7.6 車1.1
 7. 炮8-7 車1-4
 8. 馬6.7 象2.4
 9. 車9-8 象2-7

(hình)

Biến 1:

10. 仕4.5 車8.6
 11. 炮2-1 車8.3
 13. 馬2.3 車4.5
 15. 炮7-6 士6.5
 17. 炮1.4 卒7.1



12. 馬3/2 卒7.5
 14. 車8.4 車4-3
 16. 兵9.1 馬7.6
 18. 兵7.1 卒7-8

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 19. 兵7-6 | ●7/3 | 20. 馬7/6 | ●6.7 |
| 21. 兵6.1 | ●7.4 | 22. 炮6-3 | ●3.4 |
| 23. 車8/1 | ●3-2 | 24. 馬6/8 | ●4.6 |

Hai bên đối công, giằng co còn lâu.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 炮2.4 | ●7.1 | 11. 車8.5 | ●4.6 |
| 12. 炮7-9 | ●7.5 | 13. 仕4.5 | ●4-3 |
| 14. 車2-4 | ●8.3 | 15. 車4.7 | ●5.1 |
| 16. 車8.1 | ●4.5 | 17. 車4/4 | ●3/1 |
| 18. 炮9-8 | ●8-5 | 19. 馬7/8 | ●3-2 |
| 20. 車8-5 | ●3.5 | | |

Bên Đen nhiều quân, chiếm ưu.

CỤC 45

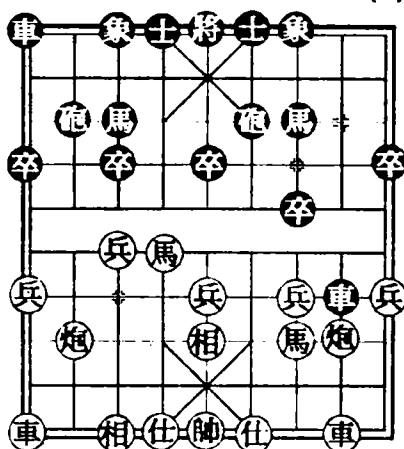
TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (3)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | ●8-6 |
| 2. 馬2.3 | ●7.1 |
| 3. 兵7.1 | ●8.7 |
| 4. 馬8.7 | ●9-8 |
| 5. 車1-2 | ●2.3 |
| 6. 馬7.6 | ●8.6 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 7. 車9.1 | ●1.1 |
| 8. 炮8-6 | ●2.3 |
| 9. 馬6.7 | ●1-4 |
| 10. 車9-4 | ●2/3 |
| 11. 仕4.5 | ●4.3 |
| 13. 炮2-1 | ●8-7 |
| 15. 炮1/1 | ●4-3 |
| 17. 炮1-3 | ●7.1 |
| 19. 車4-3 | ●5.7 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 車4.5 | ●6-4 |
| 14. 炮6-8 | ●4/1 |
| 16. 馬7.5 | ●3.5 |
| 18. 炮3.2 | ●7.1 |
| 20. 炮8-7 | ●3-7 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 21. 車3-4 | 馬3.2 | 22. 車2.8 | 炮7-4 |
| 23. 兵7.1 | 車4-3 | 24. 車2-6 | 車3.3 |

Bên Đen chiếm ưu thế.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 炮8-7 | 馬3.5 | 8. 車9-8 | 車1-2 |
| 9. 車8.4 | 炮2-1 | 10. 車8.5 | 馬3/2 |
| 11. 炮2-1 | 車8.3 | 12. 馬3/2 | 炮1.4 |
| 13. 炮7.4 | 馬2.3 | 14. 炮7-6 | 馬3.4 |
| 15. 炮1.4 | 馬7.8 | 16. 馬2.4 | 馬4.6 |
| 17. 馬4.2 | 馬8.7 | 18. 馬2.1 | 馬7/9 |
| 19. 兵1.1 | | | |

Thế trận bên Trắng nhỉnh hơn.

CỤC 46

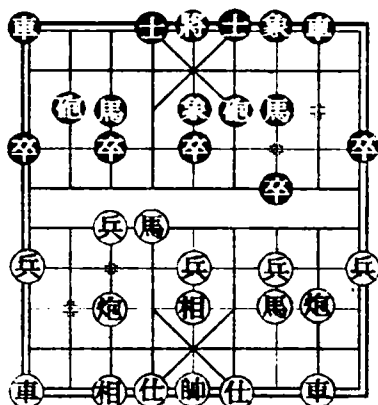
TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (4)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 炮8-6 |
| 2. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 3. 兵7.1 | 馬8.7 |
| 4. 馬8.7 | 車9-8 |
| 5. 車1-2 | 馬2.3 |
| 6. 馬7.6 | 炮3.5 |
| 7. 炮8-7 | (hình) |

Biến 1:

7... 車8.5

- | | |
|----------|------|
| 8. 兵3.1 | 車8/1 |
| 9. 兵3.1 | 車8-7 |
| 10. 車9-8 | 車1-2 |
| 12. 馬6.7 | 馬7.6 |
| 14. 炮2/6 | 炮6-3 |
| 16. 炮2-3 | 車7.5 |
| 18. 兵7.1 | 馬t/1 |
| 20. 車2.6 | 炮5.3 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 車8.6 | 炮6.1 |
| 13. 炮2.5 | 車7/2 |
| 15. 車8-7 | 馬6.4 |
| 17. 炮7-3 | 馬4/3 |
| 19. 炮s-7 | 馬3/5 |
| 21. 車2-5 | |

Sau đó Trắng thí quân giành tiên thủ.

Biến 2 :

7...♙1.1		8. ♘9-8	●2/2
9. ♖7.1	●5.3	10. 炮2.4	●7.5
11. 仕4.5	●2-3	12. ♘8.4	♙8.2
13. ♖3.1	♙7.1	14. 相5.3	♙4.5
15. 相3/5	●3/1	16. ♘2.4	♙3.1
17. 炮2-3	♙8.3	18. 馬3.2	♙3.1
19. 相5.7	♙3.4	20. ♘8.5	♙5/4

Đen hoàn toàn có khả năng kháng cự.

Biến 3 :

7...♙4.5		8. ♘9-8	●2-1
9. 炮2.4	●1.4	10. ♘8.3	●1/2
11. 炮2-3	♙8.9	12. 馬3/2	♙1-4
13. 馬6.7	♙4.4	14. 仕4.5	♙7/8
15. 馬2.4	♙8.9	16. 炮3.1	♙9.7
17. 馬7.5	●7.5	18. 炮7.5	●6-3
19. 炮3-7	●1-2	20. 炮7/1	♙7/8
21. 馬4.2	Trắng dễ đi hơn.		

Biến 4 :

7...♙1-2	8. ♘9-8
----------	---------

Phương án 1 :

8...♙8.1		9. ♘8.3	●2-1
10. ♘8.6	♙3/2	11. 炮2.4	♙8-4
12. ♘2.4	●1.4	13. 炮7-6	♙4-8
14. 馬6.5	♙7/9	15. 炮2.1	♙2.4
16. 馬5/4	●1/1	17. 兵3.1	♙7.1
18. 相5.3	●6-7	19. 炮6.3	●7.5
20. 炮6-5	♙4.5	21. 馬4/3	♙4.5
22. ♘2/3	♙8-7	Trắng dễ đi hơn.	

Phương án 2 :

8...♘8.6		9. 炮2-1	♘8.3
10. 馬3/2	♙2-1	11. 車8.9	馬3/2
12. 炮7.4	♙1.4	13. 炮7-1	♙1-7
14. 炮t-9	馬2.3	15. 炮9-7	馬7.8
16. 兵1.1	♙7.2	17. 兵1.1	馬8.7
18. 炮1-3	♙6-8	19. 仕4.5	炮7-9
20. 馬2.4	♙9.1	21. 仕5.6	馬7.9
22. 馬4.2	馬9.8	23. 馬2/1	馬8/7
24. 馬6.4	♙7/8	25. 相5.3	卒7.1
26. 相7.5	Trắng dễ đi hơn.		

Phương án 3 :

8...♘8.5		9. 馬6.7	♙2.4
10. 兵3.1	♘8/1	11. 兵3.1	♘8-7
12. 炮2/1	馬7.8	13. 炮2-3	♘7-4
14. 車2.4	♙6-8	15. 車2-6	♘4-6
16. 車6/1	馬8.6	17. 馬3.4	♙2-5
18. 車6-5	♘2.9	19. 馬4/2	♘6-2
20. 馬2/4	♘t/3	21. 炮7.1	♙8.1

Hai bên thế trận đối công.

CỤC 47

TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (5)

1. 相3.5	♙8-6	2. 馬2.3	♙7.1
3. 兵7.1	馬8.7	4. 馬8.7	♘9-8
5. 車1-2	馬2.3	6. 馬7.6	♙3.5 (hình)

Biến 1 :

7. 炮2.4	♙4.5	8. 炮8-6	♙2.3
9. 馬6.7	♘1-4	10. 仕4.5	炮2.1
11. 車9-8			

Phương án 1 :

11...♙2-7

- | | |
|----------|------|
| 12. 兵9.1 | 車8.2 |
| 13. 車2.3 | 卒7.1 |
| 14. 相5.3 | 馬7.6 |
| 15. 炮2/1 | 車4-2 |
| 16. 車8.9 | 馬3/2 |
| 17. 相7.5 | 馬2.1 |
| 18. 馬7.6 | 車8.1 |
| 19. 馬3/1 | 卒6/1 |
| 20. 馬6/8 | 卒6.1 |
| 21. 馬8.6 | 馬1/3 |

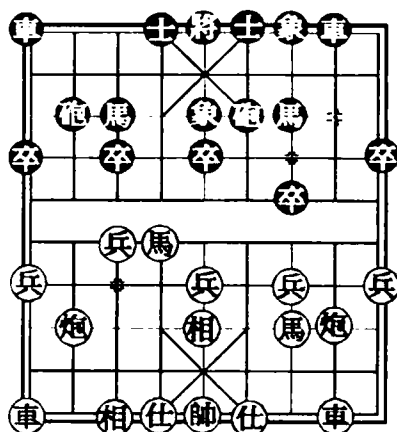
Hai bên có thể đổi công.

Phương án 2 :

- | | |
|------------|------|
| 11... 卒2-3 | |
| 13. 兵5.1 | 馬3/1 |
| 15. 炮2-9 | 車8.9 |
| 17. 炮9.2 | 車3-1 |
| 19. 炮t/2 | 車1.3 |

Biến 2 :

- | | |
|----------|------|
| 7. 炮8-9 | 車8.6 |
| 9. 車9-8 | 卒2-1 |
| 11. 車8.6 | 馬3/2 |
| 13. 馬3/2 | 馬2.3 |
| 15. 炮1-3 | 馬7.8 |
| 17. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 19. 炮3-2 | 卒9.1 |
| 21. 馬6.7 | 馬2.1 |
| 23. 炮6.3 | 炮1-9 |
| 25. 炮1-9 | |



- | | |
|----------|------|
| 12. 馬7.9 | 車4-3 |
| 14. 車8.3 | 炮3.1 |
| 16. 馬3/2 | 卒6-1 |
| 18. 炮9-6 | 炮1-3 |

Thế trận cả hai bên bình ổn.

- | | |
|----------|------|
| 8. 炮2/1 | 士4.5 |
| 10. 車8.3 | 車1-2 |
| 12. 炮2-1 | 車8.3 |
| 14. 炮9-7 | 馬3/2 |
| 16. 馬2.3 | 炮1.4 |
| 18. 炮3.3 | 馬2.4 |
| 20. 炮7-6 | 馬4.2 |
| 22. 馬7/9 | 卒1.1 |
| 24. 炮6-1 | 炮9-7 |

Thế trận hai bên căn bản cân bằng.

CỤC 48

TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (6)

1. 相3.5 ●8-6
2. 馬2.3 卒7.1
3. 兵7.1 馬8.7
4. 馬8.7 車9-8
5. 車1-2 炮2.3
6. 馬7.6 (hình)

Biến 1:

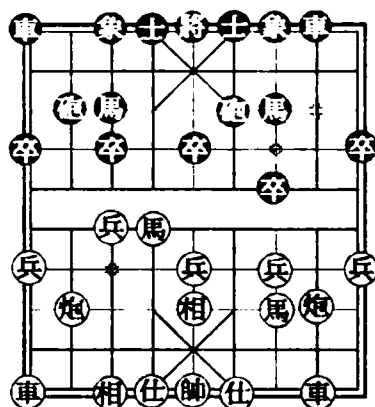
6...●2/1

7. 炮2.4 ●7.5
8. 車9.1 ●2-6
9. 車9-2 車1-2
10. 炮8-6 卒3.1
12. 炮2.1 ●t-8
14. 車t.1 ●6-5
16. 車s.4 ●3/5
18. 炮7-6 馬4/3
20. 相9.7 馬7.5
22. 馬6.4 車2/2
24. 車2-3 車7-9

26. 車3/3 Trắng dễ đi hơn.

Biến 2:

- 6...●8.5
8. 兵3.1 車8-7
10. 炮8-6 車7-8
12. 車8.6 馬7.6
14. 炮2-3 炮2-1
16. 仕4.5 炮1.4
18. 車7-6 士4.5
20. 炮6.2



11. 兵7.1 ●5.3
13. 車t.6 車8-7
15. 仕4.5 車2.5
17. 炮6-7 馬3.4
19. 相7.9 卒5.1
21. 車t-4 馬5.3
23. 車2.3 炮s.4
25. 兵3.1 卒7.1

Bên Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 49

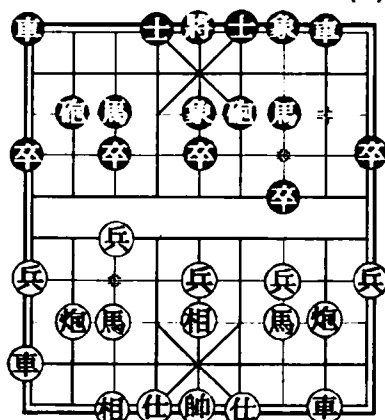
TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (7)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | ●8-6 |
| 2. 馬2.3 | ●7.1 |
| 3. 兵7.1 | ●8.7 |
| 4. 馬8.7 | ●9-8 |
| 5. 車1-2 | ●2.3 |
| 6. 車9.1 | ●3.5 |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 7. 車9-4 | ●4.5 |
| 8. 車4.5 | ●1-4 |
| 9. 車4-3 | ●8.2 |
| 10. 兵3.1 | ●7.1 |
| 12. 馬3/2 | ●7/8 |
| 14. 車3/2 | ●4-1 |
| 16. 炮8/1 | ●3.1 |
| 18. 炮8-7 | ●3-8 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 炮2-1 | ●8.7 |
| 13. 馬2.3 | ●4.6 |
| 15. 馬3.4 | ●1/2 |
| 17. 兵7.1 | ●1-3 |
| 19. 炮1-3 | |

Bên Trắng giành được tiên thủ.

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 車9-6 | ●4.5 | 8. 炮2.4 | ●6.5 |
| 9. 炮2-7 | ●8.9 | 10. 馬3/2 | ●1-4 |
| 11. 車6.8 | ●5-4 | 12. 馬2.4 | ●7.6 |
| 13. 炮8.1 | ●6-3 | 14. 炮7/4 | ●3.4 |
| 15. 炮7/1 | ●4.5 | 16. 炮7-5 | ●5.3 |
| 17. 炮5.5 | ●3/4 | 18. 炮5/2 | ●2-1 |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 3:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 7. 馬7.6 | ●4.5 | 8. 炮8-6 | ●2/2 |
| 9. 車9-8 | ●2-4 | 10. 炮6-7 | ●4.4 |
| 11. 炮2.4 | ●1-4 | 12. 仕6.5 | ●5.1 |

13. 馬6/4 ●6.3
15. 車2-4 ●8.3
17. 車8.8 ●3/2

14. 車2.4 ●4.2
16. 炮7-6 ●4-2
Hai bên giằng co còn lâu.

CỤC 50

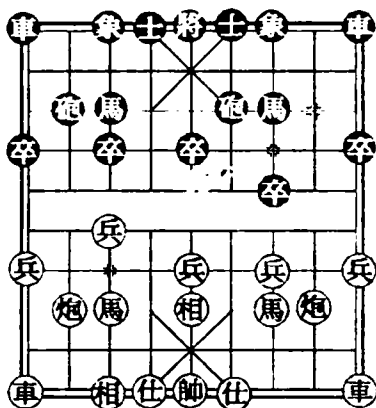
TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (8)

1. 相3.5 ●8-6
2. 馬2.3 卒7.1
3. 兵7.1 馬8.7
4. 馬8.7 馬2.3

(hình)

Biến 1 :

5. 馬7.6 ●3.5
6. 車1-2 車9.1
7. 炮2.5 ●6-8
8. 車2.7 車9-7
9. 炮8-7 車1-2
10. 車9-8 ●2.5
12. 車2-4 馬6.7
14. 馬7.9 車2.2
16. 兵7-8 ●2-7
18. 相7.5 車t-1
20. 兵5.1 車1-4



11. 馬6.7 馬7.6
13. 兵7.1 車7-4
15. 炮7.5 車4-2
17. 炮7/4 馬7.5
19. 車4/5 ●7.1
21. 炮7-5

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

5. 車1-2 ●3.5

6. 炮2-1

Phương án 1 :

- 6... 馬7.6
8. 炮8.2 士4.5
10. 兵9.1 車9-7
12. 炮8-3 車7.2

7. 兵3.1 ●2.2
9. 仕4.5 車9.2
11. 炮1/1 卒7.1
13. 車9-8 車1-2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 14. 炮1-3 | 車7-8 | 15. 車2.5 | 炮2-8 |
| 16. 車8.9 | 馬3/2 | 17. 炮t-4 | 卒3.1 |
| 18. 炮4.3 | 士5.6 | 19. 馬3.4 | 炮8.3 |
| 20. 馬7.8 | 卒3.1 | 21. 馬8.9 | 卒3-4 |
| 22. 炮3-4 | 炮8/4 | | |

Thế trận cả hai bên đều bình ổn.

Phương án 2 :

- | | | |
|----------|----------|------|
| 6...士4.5 | 7. 炮8-9 | 車1-2 |
| 8. 車9-8 | 馬7.6 | 卒3.1 |
| 10. 兵7.1 | 象5.3 | 象3/5 |
| 12. 車2.4 | 炮6.1 | 馬3.4 |
| 14. 車8.1 | 卒7.1 | 馬4.6 |
| 16. 車8-4 | 馬6.7 | 馬7.9 |
| 18. 車3-8 | 車2-3 | 車3.7 |
| 20. 車4-2 | 馬9/7 | 士5/4 |
| 22. 車8/6 | 車9.1 | |
| | 23. 車2/4 | |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 51

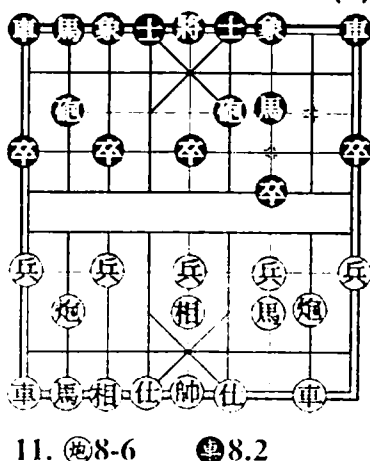
TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (9)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮8-6 |
| 2. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 3. 車1-2 | 馬8.7 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 4. 馬8.9 | 車9-8 |
| 5. 車9.1 | 象3.5 |
| 6. 車9-4 | 卒1.1 |
| 7. 炮2.4 | 士4.5 |
| 8. 車4.3 | 馬2.1 |
| 9. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 10. 車4-3 | 馬1.2 |



12. 炮2-3	車8.7	13. 馬3/2	車1-4
14. 仕4.5	馬2.1	15. 車3.1	卒1.1
16. 車3-9	車4.5	17. 炮3-7	炮2-4
18. 馬2.3	車4.5	19. 仕5.6	象5/3
20. 仕6.5	車6-2	Thế trận hai bên cân bằng.	

Biến 2 :

4. 炮2-1	馬2.3	5. 兵7.1	象3.5
6. 馬8.7	士4.5	7. 炮8.2	卒3.1
8. 兵7.1	象5.3	9. 炮8-1	車9-8
10. 車2.9	馬7/8	11. 車9-8	炮2-1
12. 車8.4	車1-2	13. 兵3.1	車2.5
14. 炮t-8	卒7.1	15. 相5.3	馬8.7
16. 相3/5	馬3.4	Thế trận hai bên cân bằng.	

Biến 3 :

4. 兵7.1	車9-8	5. 馬8.7	馬2.3
6. 馬7.6	車1.1	7. 炮8-6	炮2.3
8. 馬6.7	車1-4	9. 仕4.5	炮2.1
10. 車9-8	炮2-7	11. 兵7.1	車4.5
12. 兵7-8	車8.5	13. 兵8.1	象7.5
14. 炮2-1	車8.4	15. 馬3/2	車4-5
16. 馬2.4	車5-6	17. 馬4.3	車6-7
18. 車8.4	Bên Trắng giành được tiên thủ.		

CỤC 52

TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN MÃ TRÁI QUY BIÊN

1. 相3.5	炮8-6	2. 馬2.3	馬8.9
3. 車1-2	(hình)		

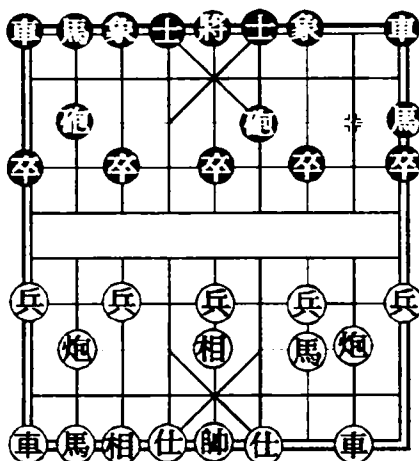
Biến 1 :

3... 車9-8		4. 炮2.4	馬2.3
5. 炮8.2	象3.5	6. 炮8-2	車8-9
7. 馬8.7	車1-2	8. 車9-8	炮2.4

9. 兵7.1 車9.1
10. 仕4.5 車9.4
11. 車2-4 士4.5
12. 車4.6 Trắng ưu

Biến 2:

- 3... 炮2-5
4. 炮8-6 馬2.3
5. 馬8.7 車1-2
6. 兵7.1 車2.6
7. 仕4.5 車9-8
8. 炮2.1 車8.4
9. 兵3.1 車2/2
10. 車9-8 車2.5
11. 馬7/8 卒3.1
13. 車2-4 士4.5



12. 兵7.1 車8-3
14. 馬8.9 Trắng dễ đi hơn.

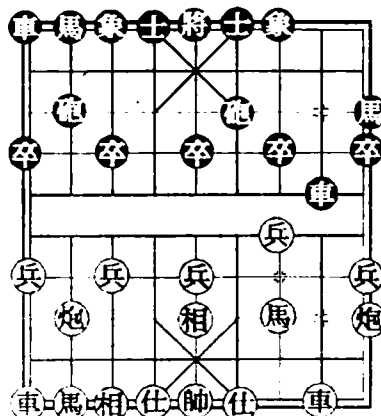
CỤC 53

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN MÃ TRÁI QUY BIÊN

1. 相3.5 炮8-6
2. 兵3.1 馬8.9
3. 馬2.3 車9-8
4. 車1-2 車8.4
5. 炮2-1 (hình)

Biến 1:

- 5... 車8.5
6. 馬3/2 炮2-5
7. 馬2.3 馬2.3
8. 馬8.9 車1-2
9. 車9-8 卒7.1
10. 兵3.1 車2.4



11. 炮1/2 車2-7

12. 炮1-3	車7-8	13. 炮8-7	卒3.1
14. 車8.4	馬3/5	15. 仕4.5	炮6-7
16. 馬3.4	車8.5	17. 馬4/3	車8/5

Bên Đen có phần nhỉnh hơn.

Biến 2 :

5... 車8-6

Phương án 1 :

6. 馬8.7	馬2.3	7. 車9.1	卒2-1
8. 兵7.1	車1-2	9. 炮8/1	卒3.1
10. 炮8-3	卒7.5	11. 車2.4	炮6-7
12. 兵7.1	車6-3	13. 馬3.4	卒9.1
14. 兵3.1	車3-7	15. 炮1-3	車7.3
16. 馬4/3	卒7.5	17. 馬7.6	車2.5
18. 馬6/4	車2-8	19. 馬4.2	卒7/3
20. 車9-7	馬3.2	21. 車7.5	Trắng dễ đi

Phương án 2 :

6. 炮8-6	馬2.3	7. 馬8.7	卒3.1
8. 車9-8	車1-2	9. 車8.6	卒3.5
10. 炮1.4	士4.5	11. 仕4.5	馬3.4
12. 車8/3	車2-3	13. 炮1/2	卒2-3
14. 馬7/9	馬4.3	15. 車2.3	車3-4
16. 炮1.2	卒6.1	17. 炮1-4	車6/1
18. 車8.3	卒4.6	19. 車8/3	卒3/2
20. 兵1.1	車6.1	21. 車2-1	Trắng dễ đi hơn.

Phương án 3 :

6. 馬8.9	馬2.3	7. 仕4.5	士4.5
8. 炮8-6	車1-2	9. 車9-8	卒2.5
10. 兵9.1	卒9.1	11. 車2.4	車6-2
12. 兵7.1	卒3.5	13. 馬3.4	卒t-6
14. 馬4/6	卒2/4	15. 車8.3	車6.2
16. 兵5.1	車6-5	17. 兵3.1	卒7.1

Phương án 4 :

Bên Đen dễ đi hơn.

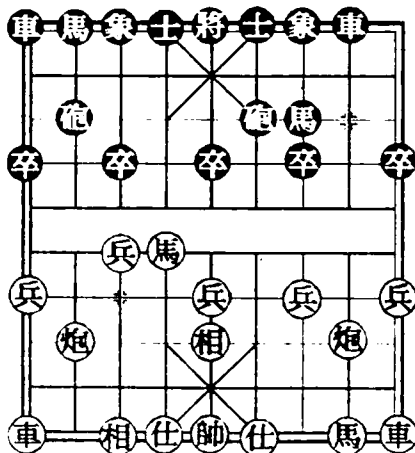
7. ④8.7 ④3.1

19. ⑦7/8 ⑧t-2

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ TRÁI

(hình)

18. 馬 4.2



17. ③3/1 ④2-1

Bên Trắng nhiều Tốt chiếm ưu.

Biến 2 :

4... 炮2-5

6. 炮8-7 車1.1

8. 馬2.4 車1-6

10. 車8-6 車8.4

12. 車6.1 車6/1

5. 車9-8 馬2.3

7. 車1.1 炮6.5

9. 車8.3 車6.4

11. 馬6.7 炮5-6

Đen không khó đi.

Biến 3 :

4... 馬2.3

6. 馬6.7 士4.5

8. 馬2.1 車1-4

10. 車9.1 卒7.1

12. 車4-6 車4.8

14. 車6-1 炮2.4

16. 車1.1 炮2-3

18. 兵5.1 炮6.4

5. 車1.1 車8.4

7. 車1-4 象3.5

9. 兵1.1 卒7.1

11. 兵3.1 馬7.6

13. 車9-6 馬6.7

15. 炮2-3 馬7.9

17. 炮8-7 車8.2

19. 仕6.5 車8/2

Đen hoàn toàn có thể kháng cự được.

CỤC 55

ĐEN SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI TRẮNG TIẾN MÃ BIÊN

1. 相3.5 炮8-6

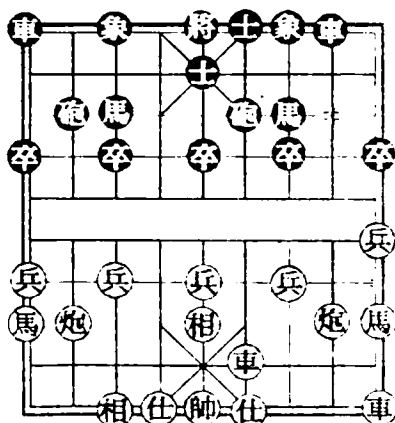
2. 馬8.9 馬8.7

3. 車9.1 車9-8

4. 車9-4 馬2.3

5. 馬2.1 士4.5

6. 兵1.1 (hình)



Biến 1 :

6... 炮2.4

7. 仕4.5 車8.6

8. 車1-2 炮2-5

9. 車4.2 炮5/2

10. 車4.3 炮6-4

11. 車4-3 象3.5

12. 炮2-4	車8.3	13. 馬1/2	卒1.1
14. 炮8.2	炮5.1	15. 炮8-7	馬3.1
16. 炮7-6	車1-2	17. 馬2.3	車2.5
18. 炮4.2	馬1.3	19. 兵9.1	車2.2
20. 炮4/2	車2.1	21. 炮4/1	車2/1
22. 兵9.1	馬3.4	Đen chiếm ưu thế.	

Biến 2 :

6... 炮2-1		7. 車4.3	車8.6
8. 兵9.1	卒3.5	9. 車1-2	卒3.1
10. 炮2-4	車8.3	11. 馬1/2	炮6.5
12. 炮8-4	卒7.1	13. 兵3.1	卒7.1
14. 車4-3	馬3.4	15. 車3-6	車1-4
16. 馬9.8	卒3.1	17. 車6-7	馬7.6
18. 馬8/7	車4-3	19. 車7.5	卒5/3
20. 兵7.1	卒3.5	Đen dễ đi hơn.	

CHƯƠNG 3 PHI TƯỢNG ĐỐI TIẾN MÃ

TIẾT 1 ĐEN TIẾN MÃ PHẢI CỤC 56

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN TIẾN TỐT 3 (1)

1. 相3.5	馬2.3	2. 兵3.1	卒3.1
3. 馬2.3	馬3.4	(hình)	

Biến 1 :

4. 炮2.4	馬8.7	5. 馬8.9	車1.1
6. 仕4.5	車1-6	7. 車9.1	車6.3
8. 炮8.3	車6-8	9. 車9-6	車8/1
10. 車6.4	卒7.5	11. 炮8.1	車9-8
12. 車1-3	車1.3		

- | | |
|----------|------|
| 13. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 14. 相5.7 | 士6.5 |
| 15. 相7.5 | 炮8.2 |
| 16. 車6/1 | 車t-6 |
| 17. 車3-4 | 車6.3 |
| 18. 仕5/4 | 炮8.2 |
| 19. 兵9.1 | 車8.4 |
| 20. 炮8-3 | 卒1.1 |
| 21. 兵9.1 | 車8/1 |
| 22. 兵3.1 | 卒5.7 |
| 23. 車6-2 | 車8-7 |
| 24. 車2/1 | 卒7/5 |

Biến 2 :

4. 仕4.5

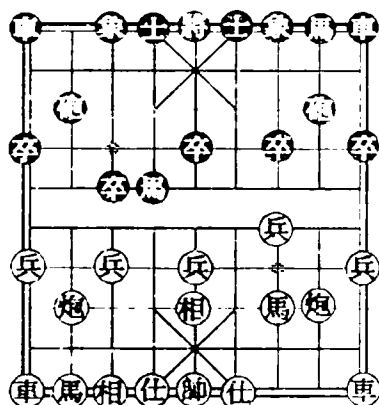
Phương án 1 :

4...卒2-3

- | | |
|----------|------|
| 6. 車1-4 | 馬8.7 |
| 8. 炮6.2 | 炮3-4 |
| 10. 車4.5 | 馬4/5 |
| 12. 炮2-3 | 炮4/1 |
| 14. 馬9/8 | 卒5.1 |
| 16. 馬8.9 | 炮4-9 |
| 18. 車4/3 | 車8.2 |
| 20. 馬3/1 | 卒7.5 |

Phương án 2 :

- | | |
|----------|------|
| 4...炮8-4 | |
| 6. 炮2.3 | 馬4.3 |
| 8. 車9.1 | 卒3.5 |
| 10. 車9.1 | 車1-3 |
| 12. 相7/5 | 車3.3 |
| 14. 炮2/5 | 車9.1 |



Thế trận hai bên ngang bằng.

- | | |
|----------|------|
| 5. 馬8.9 | 車1-2 |
| 7. 炮8-6 | 炮8-9 |
| 9. 炮6.3 | 炮9-4 |
| 11. 炮2/2 | 車9-8 |
| 13. 車9-8 | 車2.9 |
| 15. 車4.2 | 車8.2 |
| 17. 馬9/7 | 士6.5 |
| 19. 馬7.6 | 馬5.6 |

Thế trận hai bên bình ổn.

- | | |
|----------|------|
| 5. 馬8.9 | 馬8.7 |
| 7. 炮8.4 | 卒3.1 |
| 9. 相5.7 | 馬3.1 |
| 11. 車9-6 | 士4.5 |
| 13. 炮8/2 | 車3.1 |
| 15. 車1.2 | 車9-6 |

16. 車6.4 炮4/2
18. 兵1.1 卒1.1
20. 車6/4 炮2/3

17. 車1-2 車6.5
19. 炮8-7 炮2.5
21. 炮2-3 炮4.2

Đen không khó đi.

Biến 3 :

4. 馬8.7 炮8-3

Phương án 1 :

5. 車9.1 馬8.7
7. 車9-6 炮2.2
9. 仕4.5 車1.1
11. 車2-4 車6.8
13. 仕6.5 卒3.1
15. 炮6-5 車6.3
17. 馬3.2 炮2-3
19. 炮2-4 炮t-6
21. 炮4.2 車7-6

6. 車1-2 車3.5
8. 炮8.2 車9.1
10. 炮8-6 車9-6
12. 仕5/4 車1-6
14. 相5.7 卒7.1
16. 兵3.1 車6-7
18. 馬2/4 馬4.6
20. 車6.4 車7.2
22. 炮4-3 炮6-8

Bên Đen chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

5. 兵7.1 卒3.1
7. 馬7.6 車9-8
9. 馬6.4 卒7.1
11. 兵3-4 車8.6
13. 炮8-5 炮4-5
15. 馬3/2 馬5/3
17. 炮s.5 炮5.5
19. 帥5.1 車1-2
21. 馬2.3 馬4.2
23. 帥5/1 馬4/3

6. 相5.7 馬8.7
8. 車1-2 炮3-4
10. 兵3.1 馬7.6
12. 炮2/1 馬4.5
14. 炮2-5 車8.3
16. 車9.2 炮2.5
18. 相7.5 馬3.4
20. 兵4-5 車2.4
22. 馬3.4 馬2.4

24. 馬4/6 Trắng chiếm ưu

Biến 4 :

4. 馬8.9 炮8-5

Phương án 1 :

- | | | | |
|----------|---------------------------|----------|------|
| 5. 車9.1 | 馬8.7 | 6. 車9-6 | 馬4.5 |
| 7. 馬3.4 | 車9-8 | 8. 車1-3 | 卒3.1 |
| 9. 馬4.6 | 馬5/4 | 10. 車6.4 | 卒3.1 |
| 11. 車3.3 | Bên Trắng chiếm tiên thủ. | | |

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|--------------------|------|
| 5. 炮8-6 | 車1-2 | 6. 車9-8 | 炮2.5 |
| 7. 炮6.2 | 馬4/3 | 8. 炮6/2 | 車9.1 |
| 9. 車1-2 | 馬3.4 | 10. 炮2-1 | 馬8.7 |
| 11. 車2.5 | 馬4.5 | 12. 仕4.5 | 車2.1 |
| 13. 馬3.4 | 卒7.1 | 14. 車2-3 | 馬7.6 |
| 15. 炮1-4 | 炮5-6 | 16. 馬4/6 | 象3.5 |
| 17. 車3.1 | 炮6.5 | 18. 炮6-4 | 炮2-6 |
| 19. 車8.8 | 車9-2 | 20. 仕5.4 | 馬6.4 |
| 21. 車3-2 | 卒1.1 | Bên Đen dễ đi hơn. | |

Biến 5 :

- | | | | |
|----------|--------------------------------|----------|------|
| 5. 車1-2 | 馬8.7 | 6. 兵7.1 | 象7.5 |
| 7. 兵7.1 | 象5.3 | 8. 馬8.9 | 象3/5 |
| 9. 車9.1 | 炮3-4 | 10. 車9-7 | 炮2-1 |
| 11. 炮8.6 | 車1.1 | 12. 車2.8 | 士6.5 |
| 13. 車7-8 | 車9-6 | 14. 車2-4 | 車6-8 |
| 15. 車4-2 | 車8-6 | 16. 炮8/1 | 車6.6 |
| 17. 馬3.2 | 車6-8 | 18. 馬2.1 | 車8-5 |
| 19. 馬1.3 | 炮4-7 | 20. 炮8-3 | 炮1-7 |
| 21. 車8-4 | Bên Trắng chiếm ưu thế rõ rệt. | | |

CỤC 57

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN TIẾN TỐT 3 (2)

- | | | | |
|---------|--------|---------|------|
| 1. 相3.5 | 馬2.3 | 2. 兵3.1 | 卒3.1 |
| 3. 馬2.3 | (hình) | | |

Biến 1 :

3... 象7.5

4. 馬8.9

Phương án 1 :

4... 車1.1

5. 車9.1 車1-6

6. 車1.1 馬8.7

7. 車1-4 車9.1

8. 兵9.1 卒7.1

9. 兵3.1 卒5.7

10. 車9-7 馬3.2

11. 炮8.5 卒8-2

12. 車4.7 車9-6

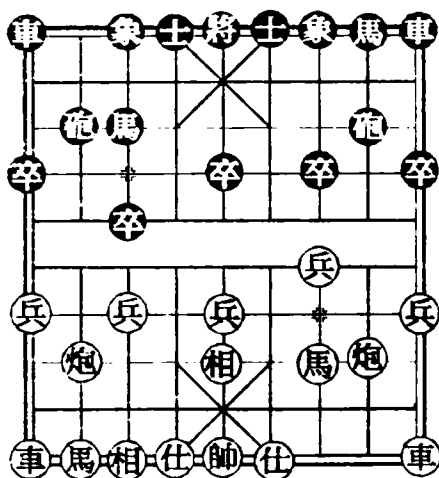
13. 兵7.1 卒3.1

14. 車7.3 卒7/5

16. 炮2-4 車6-7

18. 仕4.5 卒9.1

20. 車5.2 炮2-5



15. 馬3.4 車6.3

17. 車7-5 卒2/1

19. 馬4.5 馬7.5

21. 車5-9

Thế trận hai bên căn bản cân bằng.

Phương án 2 :

4... 馬8.7

6. 車1.1 車1-6

8. 車9-7 車6.3

10. 車1-4 車6.4

12. 車4-6 炮2-1

14. 炮8-6 炮1.4

16. 馬7.8 車6.8

18. 兵7.1 馬3.2

20. 馬8/7 馬3.4

22. 車6/1 車6-8

24. 炮3.2 車8-7

26. 帥4.1 炮8-4

5. 車9.1 車1.1

7. 炮2/2 卒1.1

9. 炮2-3 車9-8

11. 車7-4 士6.5

13. 車6.3 車8-6

15. 馬9/7 炮8.4

17. 仕4.5 炮8.1

19. 兵7.1 馬2.3

21. 馬3/2 炮8/2

23. 車6-9 炮8.4

25. 帥5-4 車7.1

Bên Đen chiếm ưu thế.

Phương án 3 :

4... 卒1.1		5. 炮8-6	●2-1
6. 車9-8	●車1-2	7. 車8.9	馬3/2
8. 車1.1	馬2.3	9. 兵7.1	卒3.1
10. 車1-7	馬3.4	11. 車7.3	炮1-4
12. 炮6-7	●炮8.2	13. 炮2/1	馬8.7
14. 炮2-7	●卒3.1	15. 兵9.1	車9-8
16. 車7.2	卒7.1	17. 車7-6	

Bên Trắng tiên thủ.

Biến 2 :

3... 車1.1		4. 馬8.9	馬8.7
5. 炮8-6	●車1-4	6. 仕4.5	馬3.2
7. 馬3.4	卒7.5	8. 車1-4	士6.5
9. 炮2.3	●車4.4	10. 炮2-8	車9-6
11. 馬4/3	●車6.9	12. 帥5-4	車4-2
13. 炮6.3	卒3.1	14. 車9-8	車2.4
15. 馬9/8	●炮2.7	16. 兵7.1	

Trắng dễ đi hơn.

Biến 3 :

3... 炮8-5		4. 馬8.7	馬8.7
5. 車1-2	馬3.4	6. 炮2-1	●卒5-3
7. 車9.1	卒3.5	8. 兵7.1	卒3.1
9. 車9-6	●卒3.5	10. 車6.4	車1-3
11. 炮1/1	車3.4	12. 車6.1	卒7.1
13. 兵3.1	●炮3-7	14. 炮8-3	車3-7
15. 炮3.5	●炮2-7	16. 相5.7	

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 4 :

3... 馬8.9		4. 馬8.9	卒3.5
5. 炮8-6	●車1-2	6. 車9-8	車9.1
7. 兵9.1	●車9-7	8. 車8.4	卒7.1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. 兵3.1 | 車7.3 | 10. 兵1.1 | 炮2-1 |
| 11. 車8-6 | 士4.5 | 12. 炮2/2 | 炮8-6 |
| 13. 炮2-3 | 車7-8 | 14. 仕4.5 | 車2.7 |
| 15. 車1.3 | 馬3.2 | 16. 兵5.1 | |

Thế trận hai bên đối kháng.

CỤC 58

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO BIÊN

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 馬2.3 |
| 2. 兵3.1 | 炮2-1 |
| 3. 馬8.7 | 車1-2 |
| 4. 車9-8 | 卒3.1 |
| 5. 馬2.3 | 炮8.4 |

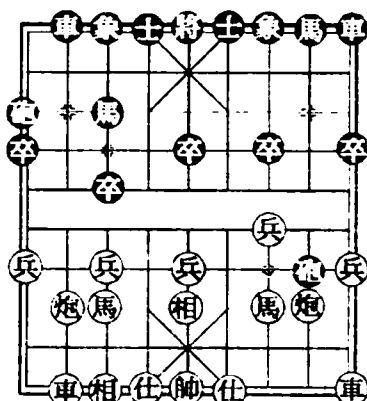
(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 馬3.4 | 馬8.9 |
| 7. 炮8.5 | 車9.1 |
| 8. 兵3.1 | 炮8-3 |
| 9. 兵3-4 | 車9-8 |
| 10. 炮2-3 | 象7.5 |
| 12. 車1-4 | 炮1/1 |
| 14. 馬4.3 | 馬9.7 |
| 16. 相7.9 | 馬3.4 |
| 18. 相9.7 | 馬4.5 |
| 20. 車8-7 | 車2.4 |

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 兵7.1 | 卒3.1 | 7. 相5.7 | 馬8.7 |
| 8. 炮8.5 | 炮8/2 | 9. 相7/5 | 象7.5 |
| 10. 炮8/4 | 士6.5 | 11. 馬3.4 | 車2.4 |
| 12. 車1-3 | 車2-6 | 13. 炮2.2 | 馬3.2 |
| 14. 炮8/2 | 車6-3 | 15. 馬7.6 | 馬2.3 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 仕4.5 | 車8.4 |
| 13. 兵4.1 | 炮1-6 |
| 15. 兵4-3 | 炮6-3 |
| 17. 炮3.2 | 卒3.1 |
| 19. 馬7.5 | 車2.2 |
- Đen dễ đi hơn.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 16. 炮8-4 | 馬3.4 | 17. 車8.3 | 炮8-5 |
| 18. 仕4.5 | 炮1-3 | 19. 相7.9 | 車9-8 |
| 20. 馬4.3 | 馬4/3 | 21. 車3.2 | 車8.3 |
| 22. 馬3/5 | 卒5.1 | 23. 馬6/4 | |

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 59 TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU BÊN TRÁI (1)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 馬2.3 |
| 2. 兵7.1 | 炮8-5 |
| 3. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 4. 車1-2 | 車9-8 |
| 5. 炮2.4 | (hình) |

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 5... 炮2.7 | |
| 6. 車9-8 | 車1-2 |
| 7. 炮8.4 | 車8.1 |
| 8. 車2.1 | |

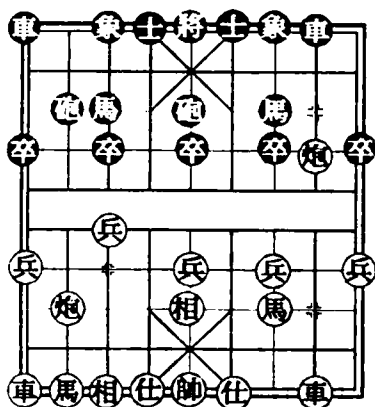
Phương án 1 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 8... 車8-6 | | 9. 車8.3 | 車6.6 |
| 10. 車2-3 | 炮5.4 | 11. 車8-5 | 車2.3 |
| 12. 兵3.1 | 車6/3 | 13. 炮2/6 | 炮3.5 |
| 14. 馬3.2 | 卒5.1 | 15. 馬2.3 | 車2.1 |
| 16. 車3-6 | 馬3.5 | 17. 車6.5 | 車6/1 |
| 18. 炮2-3 | 卒5.1 | 19. 車5.1 | 車2.2 |

Trắng có phần nhỉnh hơn.

Phương án 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 8... 卒7.1 | | 9. 車8.5 | 馬7/5 |
| 10. 炮8.2 | 車8.1 | 11. 車8-4 | 馬5.7 |
| 12. 車4.3 | 卒1.1 | 13. 仕4.5 | 卒3.1 |



14. 炮8-6	卒3.1	15. 炮6/1	士4.5
16. 炮2-3	士5.4	17. 車2.6	炮5-8
18. 炮3.3	士6.5	19. 車4-2	炮8-9
20. 炮3-1	將5-6	21. 車2.1	將6.1
22. 車2/1	將6/1	23. 車2/1	馬7.6
24. 車2-1	Bên Trắng chiếm ưu thế.		

Phương án 3 :

8... 馬3/1		9. 炮8.1	卒7.1
10. 車8.5	馬7/5	11. 車8/4	卒3.1
12. 炮8/1	馬1/3	13. 炮2.1	車2.1
14. 兵3.1	卒7.1	15. 相5.3	卒5.1
16. 相7.5	卒3.1	17. 兵7.1	馬3.4
18. 兵7.1	馬4.2	19. 兵7-8	馬5/3
20. 車2.3	車8-7	21. 仕4.5	

Trắng có Tốt quá hà , có phần nhỉnh hơn.

Biến 2 :

5... 卒7.1		6. 馬8.7	車1.1
7. 車9.1	車1-4	8. 車9-4	卒5.1
9. 車4.5	炮5.1	10. 車4/2	車4.5
11. 仕4.5	炮5-4	12. 炮2-7	車8.9
13. 馬3/2	象3.5	14. 兵7.1	炮4/2
15. 兵7-6	卒5.1	16. 車4-5	炮4-5
17. 車5-6	車4/1	18. 馬7.6	

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 60

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU BÊN TRÁI (2)

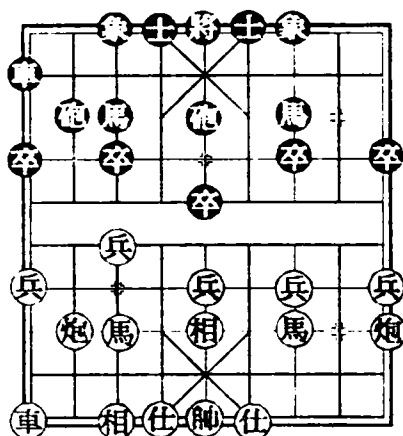
1. 相3.5	馬2.3
2. 兵7.1	炮8-5

- | | |
|---------|------|
| 3. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 4. 車1-2 | 車9-8 |
| 5. 馬8.7 | 車8.4 |
| 6. 炮2-1 | 車8.5 |
| 7. 馬3/2 | 車1.1 |
| 8. 馬2.3 | 卒5.1 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 9. 兵3.1 | 車1-8 |
| 10. 炮1/1 | 車8.7 |
| 11. 炮8.4 | 卒5.1 |
| 12. 車9.1 | 車8-1 |
| 13. 馬7/9 | 馬3.5 |
| 15. 馬9.7 | 卒7.1 |
| 17. 馬5.3 | 馬5.6 |
| 19. 炮8/1 | 炮5.6 |



- | | |
|----------|------|
| 14. 炮1-5 | 卒5.1 |
| 16. 馬3.5 | 卒7.1 |
| 18. 馬3.4 | 馬6/4 |
| 20. 仕4.5 | 馬7.5 |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. 炮8-9 | 馬3.5 | 10. 車9-8 | 炮2-4 |
| 11. 仕6.5 | | | |

Phương án 1 :

- | | | | |
|------------|----------|----------|------|
| 11... 卒7.1 | 12. 車8.5 | 卒5.1 | |
| 13. 兵5.1 | 炮5.3 | 14. 馬3.5 | 炮4-5 |
| 15. 兵3.1 | 車1-4 | 16. 兵3.1 | 馬5.6 |
| 17. 兵3-4 | 馬7.8 | 18. 兵4-5 | 馬6.8 |
| 19. 炮1-2 | 炮t-8 | 20. 馬5.3 | 馬s.6 |
| 21. 兵5.1 | 炮8.2 | 22. 馬3/2 | 馬6/5 |
| 23. 馬7.5 | 炮5.4 | 24. 車8-5 | 車4.5 |
| 25. 車5.1 | 士4.5 | 26. 兵1.1 | 卒1.1 |
| 27. 車5/2 | 象3.5 | | |

Đen có thể trận nhỉnh hơn.

Phương án 2 :

11...♙5.1

13. ♘8.3 ♙7.1

15. ♖3.1 ♙1-4

17. ♔1/1 ♙7.5

19. ♔1-4 ♙s-9

21. ♗5.3 ♙3.1

23. ♘8-5 ♙6.4

12. ♖5.1 ♙5.3

14. ♘3.5 ♙4-5

16. ♖3.1 ♙5.6

18. ♖3-2 ♙6.5

20. ♘5.3 ♙5-7

22. ♖7.1 ♙5.3

24. ♗3/5 ♙9-2

Bên Đen chiếm ưu thế.

Biến 3 :

9. ♘7.6 ♙5.1

11. ♘3.5 ♙5.1

13. ♘9-8 ♙1-2

15. ♔7/1 ♙5.6

17. ♘8-6 ♙4.5

19. ♘7/5 ♙5.1

21. ♙5.1 ♙4.5

10. ♘6.7 ♙5.4

12. ♔8-7 ♙2.4

14. ♘8.2 ♙7.5

16. ♔7-5 ♙6.4

18. ♔1.4 ♙2-4

20. ♘6.1 ♙5.1

22. ♘5/6 ♙3.5

Đen dễ đi hơn.

Biến 4 :

9. ♘9.1 ♙1-4

11. ♖3.1 ♙5.1

13. ♗4.5 ♙3.1

15. ♖7.1 ♙5.3

17. ♘7.5 ♙4.5

19. ♔8-6 ♙7.1

21. ♘3-6 ♙4/2

23. ♘3.4 ♙2-1

10. ♘9-4 ♙4.5

12. ♖5.1 ♙3.5

14. ♖5.1 ♙5.2

16. ♘4.4 ♙3/4

18. ♔1-2 ♙5-3

20. ♘4-3 ♙3.5

22. ♘5.6 ♙4.5

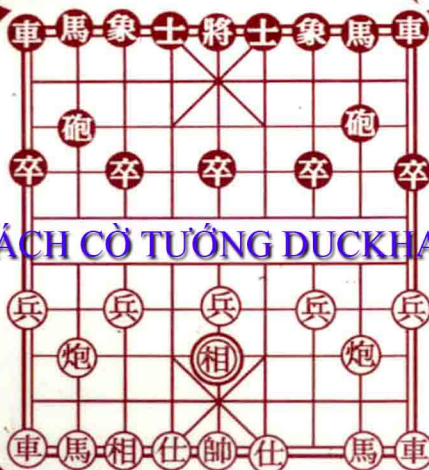
Thế trận hai bên cân bằng.

HẾT TẬP 1



TỦ SÁCH CHUYÊN SÂU KHAI CUỘC

PHI TƯỢNG CỤC



TỦ SÁCH CỜ TƯỚNG DUCKHAI2691

TẬP 2

KÝ HIỆU DÙNG ĐỂ ĐỌC VÀ GHI CHÉP NƯỚC ĐI TRONG CỜ TƯỚNG

Bàn cờ Tướng được vẽ như ở hình bên. Các cột của bên Trắng được đánh số từ 9 tới 1, các cột bên Đen được đánh số 1 đến 9 (ngược lại).

Ký hiệu và cách ghi nước đi :

Dấu chấm (.) là tiến

Dấu gạch (-) là đi ngang (bình)

Dấu gạch chéo (/) là lùi (thoái)

Mỗi nước đi được ghi theo thứ tự :

- Số thứ tự nước đi
 - Tên quân cờ
 - Vị trí và sự dịch chuyển quân cờ
- Ví dụ : Nước đầu. Trắng đi Pháo 2 bình 5 (vào Pháo đầu), bên Đen Mã 8 tiến 7 thì ghi :

1.P2-5 M8.7 (xem hình)

Nước thứ hai :

2.P8.1 B7.1

Trắng đưa Pháo ở cột 8 lùi 1 bước (đếm 1 ô về phía mình), Đen đưa Tốt cột 7 lên một bước (đếm 1 ô về phía đối phương)

Trường hợp 2 Pháo(Mã, Xe)

nằm trên một đường thì ghi Pt là

Pháo trước, Ps là Pháo sau.

Nếu có 3 Tốt nằm trên cùng một cột thì

ký hiệu Bt (Binh trước), Bg (Binh giữa), Bs (Binh sau)

Ký hiệu các quân cờ :

Tướng = Tg

Sĩ = S

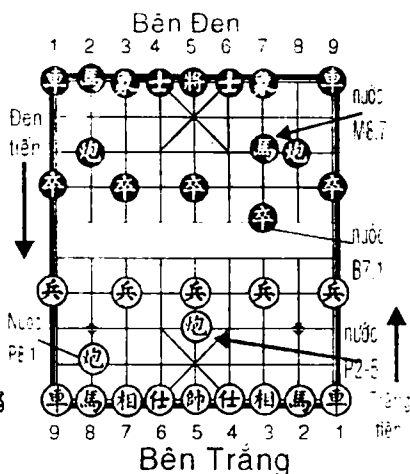
Tượng = T

Xe = X

Pháo = P

Mã = M

Tốt = B (bình)



CHƯƠNG 3

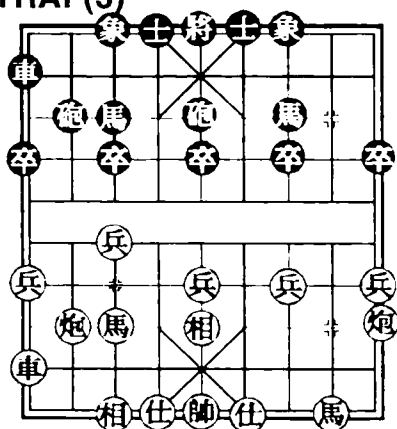
PHI TƯỢNG ĐÔI TIẾN MÃ

(Tiếp theo tập 1)

CỤC 61

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU
BÊN TRÁI (3)

- | | |
|---------|-------|
| 1. 相3.5 | ● 2.3 |
| 2. 兵7.1 | ● 8-5 |
| 3. 馬2.3 | ● 8.7 |
| 4. 車1-2 | ● 9-8 |
| 5. 馬8.7 | ● 8.4 |
| 6. 炮2-1 | ● 8.5 |
| 7. 馬3/2 | ● 1.1 |
| 8. 車9.1 | |
- (hình)



Biến 1 :

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 8... 車1-4 | 9. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 10. 炮8.2 | 11. 兵3.1 | 馬3.5 |
| 12. 兵3.1 | 13. 車9-4 | 車4.5 |
| 14. 仕4.5 | 15. 炮1/2 | 卒5.1 |
| 16. 馬3.5 | 17. 馬5.4 | |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2 :

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 8... 車1-8 | 9. 馬2.4 | 卒7.1 |
| 10. 車9-6 | 11. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 12. 車6.3 | 13. 車6-3 | 馬7.6 |
| 14. 馬7.8 | 15. 炮1-4 | 馬6.5 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 16. 車3-5 | 馬5.7 | 17. 車5-3 | 馬7/9 |
| 18. 車3-4 | 炮6-7 | 19. 馬8.7 | 炮1/1 |
| 20. 車4/1 | 馬9/7 | 21. 車4.4 | 馬7.6 |
| 22. 車4-3 | 馬6/5 | 23. 馬7.5 | 象7.5 |
| 24. 車3-5 | 士4.5 | 25. 車5-7 | |

Bên Trắng có thể thắng rõ.

CỤC 62

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU BÊN TRÁI (4)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 馬2.3 |
| 2. 兵7.1 | 炮8-5 |
| 3. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 4. 車1-2 | 炮2.7 |
| 5. 車9-8 | 車1-2 |

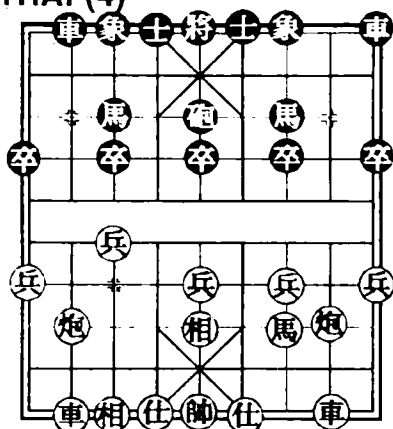
(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 6. 炮8.4 | 車9.1 |
| 7. 炮2.6 | 卒7.1 |
| 8. 仕4.5 | 車2.2 |
| 9. 炮2/1 | 士4.5 |
| 10. 車2.6 | 車9.1 |
| 12. 車2-3 | 車9-8 |

Biến 2:

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 炮8-6 | 卒7.1 | 7. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 8. 相5.3 | 馬7.6 | 9. 馬3.4 | 車9-8 |
| 10. 炮2.6 | 炮5.4 | 11. 車2.7 | 炮5/1 |
| 12. 車8.3 | 卒3.5 | 13. 相3/1 | 卒5.1 |
| 14. 車2/2 | 卒5.7 | 15. 車2/2 | 馬3.5 |
| 16. 炮2-5 | 馬5/7 | 17. 炮5/4 | 卒5.1 |
| 18. 車2.6 | 馬7/8 | 19. 馬4/2 | 卒7.5 |



11. 炮2-5 卒3.5

Thế trận hai bên cân bằng.

20. 馬 2/4

卒 5-4

21. 馬 4.3

馬 8.6

22. 馬 3.5

卒 4-3

Thế trận hai bên cân bản cân bằng.

CỤC 63

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU BÊN TRÁI (5)

1. 相 3.5

馬 2.3

2. 兵 7.1

炮 8-5

3. 馬 2.3

馬 8.7

4. 車 1-2

車 9.1

5. 馬 8.7

卒 5.1

(hình)

Biến 1 :

6. 炮 8.4

卒 5.1

7. 仕 4.5

卒 3.1

8. 兵 5.1

卒 3.1

9. 兵 5.1

卒 3.1

10. 馬 7.5

卒 3-4

12. 車 9-8

馬 2.4

14. 兵 5.1

炮 5-8

16. 車 8.7

象 3.5

18. 車 4.6

車 1.2

20. 車 8-4

Biến 2 :

6. 炮 2-1

馬 3.5

8. 車 9.1

車 1-4

10. 炮 1/1

車 6.6

12. 仕 4.5

車 6/6

14. 車 5.1

車 4-2

16. 兵 5.1

卒 3.1

11. 馬 5.4

馬 3.2

13. 炮 8-5

馬 7.5

15. 車 2-4

馬 4/6

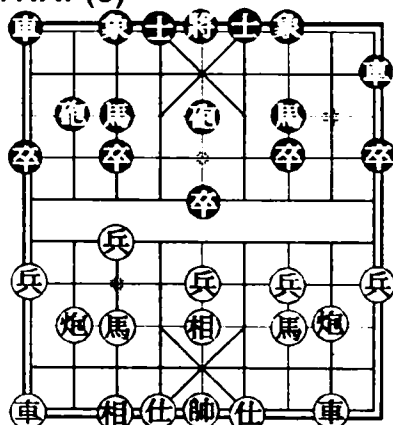
17. 車 8/3

馬 6/7

19. 車 4-3

馬 7/5

Bên Trắng chiếm ưu thế.



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 18. 兵5.1 | 馬7.5 | 19. 車t-7 | 車2-3 |
| 20. 車7.4 | 車6-3 | 21. 仕5.6 | 馬5.4 |
| 22. 馬3.5 | | | |

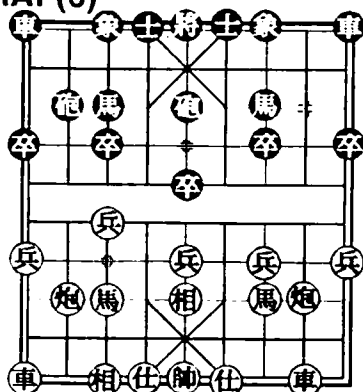
Bên Trắng dễ đi hơn.

CỤC 64 TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU BÊN TRÁI (6)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 馬2.3 |
| 2. 兵7.1 | 炮8-5 |
| 3. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 4. 車1-2 | 卒5.1 |
| 5. 馬8.7 | (hình) |

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 5... 車1.1 | |
| 6. 炮8-9 | 卒5.1 |
| 7. 車9-8 | 炮2-1 |
| 8. 炮2.4 | 車1-4 |
| 9. 兵5.1 | 馬3.5 |
| 11. 車8.7 | 馬5.7 |
| 13. 車2-4 | 車9-8 |
| 15. 車8-7 | 車8-5 |



- | | |
|----------|------|
| 10. 車2.4 | 車4.5 |
| 12. 兵5.1 | 馬t.6 |
| 14. 炮2-7 | 車8.4 |
| 16. 炮7.3 | 士4.5 |

Bên Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 5... 車9.1 | 6. 炮8.4 | 卒7.1 |
| 7. 車9.1 | 車1.1 | 車9-8 |
| 9. 車9-2 | 車8.7 | 卒5.1 |
| 11. 車2.5 | 卒5.1 | 炮5.1 |
| 13. 仕4.5 | 炮5-2 | 馬3.5 |
| 15. 車7-8 | 炮2-5 | 車1-4 |
| 17. 馬6.5 | 象7.5 | |
| | 18. 車8/3 | |

Thế trận hai bên ngang nhau.

CỤC 65

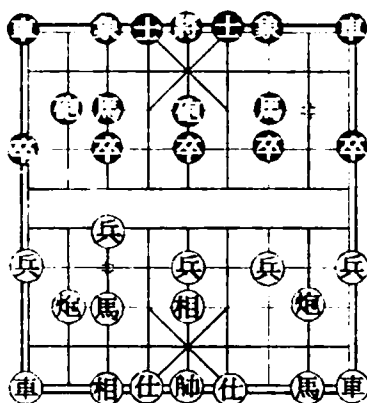
TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU BÊN TRÁI (7)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 馬2.3 |
| 2. 兵7.1 | 炮8-5 |
| 3. 馬8.7 | 馬8.7 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 4. 炮2-4 | 車9-8 |
| 5. 仕4.5 | 車1.1 |
| 6. 馬2.3 | 車8.4 |
| 7. 車1-2 | 車8.5 |
| 8. 馬3/2 | 車1-6 |
| 9. 炮8-9 | 卒5.1 |
| 10. 車9-8 | 炮2/1 |
| 12. 兵5.1 | 馬7.5 |
| 14. 炮4-5 | 炮2-5 |
| 16. 馬7.5 | 馬5.4 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 馬2.3 | 卒5.1 |
| 13. 炮4.3 | 炮5.3 |
| 15. 炮5.3 | 炮5/4 |
| 17. 車8.5 | 馬3.5 |

Đen dễ đi hơn.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 車9.1 | 車9-8 | 5. 車1.2 | 車1.1 |
| 6. 炮8/1 | 炮2.2 | 7. 炮8-2 | 炮2-9 |
| 8. 炮s.8 | 車1-8 | 9. 炮s-4 | 炮9.3 |
| 10. 馬2.1 | 車8/1 | 11. 炮4.5 | 馬3/1 |
| 12. 車9-8 | 車8.7 | 13. 車8.7 | 車8-6 |
| 14. 炮4.1 | 馬7/5 | 15. 車8-9 | 車6/6 |
| 16. 仕6.5 | 車6.2 | 17. 兵1.1 | 卒5.1 |
| 18. 車9/2 | 炮5-9 | | |

Biến 3 :

- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 4. 馬2.4 | 車9.1 | 5. 馬7.6 | 車9-6 |
| 6. 車1.1 | 卒5.1 | 7. 馬6.7 | 馬7.5 |

Thế trận hai bên cân bằng.

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 炮8.4 | 炮5/1 | 9. 炮8-5 | 馬3.5 |
| 10. 車9-8 | 炮2-3 | 11. 仕4.5 | 卒5.1 |
| 12. 兵5.1 | 炮5.4 | 13. 車8.3 | 馬5/4 |
| 14. 車8-5 | 炮5/4 | 15. 兵7.1 | 車1-2 |
| 16. 炮2/2 | 馬4.3 | 17. 炮2-4 | 炮3-6 |
| 18. 兵7.1 | 炮6.7 | 19. 帥5-4 | |

Thế trận còn giằng co.

CỤC 66

ĐEN TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI TRẮNG ĐÂY TỐT 7

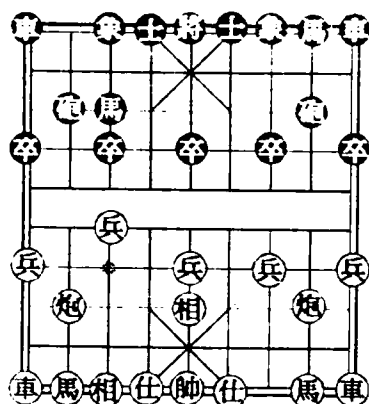
1. 相3.5 馬2.3
2. 兵7.1 (hình)

Biến 1:

- 2... 馬7.1
3. 馬8.7 馬8.7
4. 車9.1

Phương án 1:

- 4... 炮8-9
5. 馬2.3 車9-8
6. 車1-2 象3.5
7. 炮2.5 車8.1
8. 車9-6 車1.1
10. 車6.5 車8-4
12. 車7-8 炮9/1
14. 馬7.8 馬3.4
16. 兵7-6 車4-3
18. 仕4.5 車3.3
20. 兵3.1 馬6.7
22. 兵3.1 車5-7



9. 炮8-9 炮2/2
11. 車6-7 車4.1
13. 炮2.1 炮2-3
15. 兵7.1 馬4.6
17. 車2.7 車1-6
19. 炮9-7 車3.1
21. 炮7-3 車3-5
23. 炮3-4 炮9.5

Đen có ưu thế cánh trái, thế nhỉnh hơn.

Phương án 2:

4...♙1.1		5. ♖2.4	♘3.5
6. ♘2.3	♙8-9	7. ♗1-2	♙9-8
8. ♗9-2	♙1-4	9. ♗t.3	♙4.3
10. ♖2-7	♙8.5	11. ♗2.4	♙2-1
12. ♖8-9	♙9.1	13. ♖4.5	♙4.5
14. ♗3.1	♙7.1	15. ♗2-3	♙7.8
16. ♗3-2	♙9-8	17. ♗2-6	

Thế trận cả hai bên đều bình ổn.

Biến 2 :

2...♙8.9		3. ♘2.3	♘3.5
4. ♘8.7	♙8-6	5. ♗1-2	♙9-8
6. ♖2.5	♙6.5	7. ♖2-7	♙8.9
8. ♘3/2	♙6-3	9. ♖8.4	♙3.1
10. ♖8-7	♙1-2	11. ♗9-8	♙2.4
12. ♗7.1	♙3/1	13. ♖4.5	♙3-1
14. ♘2.4	♙9.1	15. ♖t-1	♘7.9
16. ♗7-6	♙1.1		

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 3 :

2...♘3.5		3. ♘8.7	♘8.9
4. ♘2.3	♙9.1	5. ♖4.5	♙9-4
6. ♗3.1	♙9.1	7. ♗1.1	♙9.1
8. ♗1:4	♙2.2	9. ♖8-9	♙1-2
10. ♗9-8	♙8-6	11. ♗1-2	♙4.5
12. ♘3.4	♙2-6	13. ♗8.9	♙3/2
14. ♖9.4	♙2.3	15. ♖9/2	♙s.3
16. ♖9-4			

Bên Trắng có phần nhỉnh hơn.

Biến 4 :

2...♘7.5		3. ♘8.7	♗1.1
4. ♖8-9	♙2/1	5. ♗9.1	♙8.6
6. ♘2.3	♙6.4	7. ♘7.6	♙4.5
8. ♗9-8	♙7.1	9. ♖4.5	♙2-7

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 車1-4 | 車1-4 | 11. 馬6.4 | 車4.5 |
| 12. 兵5.1 | 士6.5 | 13. 炮2.1 | 車4/1 |
| 14. 兵5.1 | 卒5.1 | 15. 車8.5 | 炮8-6 |
| 16. 馬4.5 | 象3.5 | 17. 炮2.4 | 車4/3 |
| 18. 車8-7 | | | |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 67

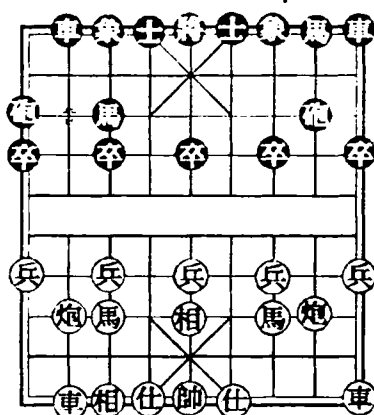
TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN TAM BỘ HỔ

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 馬2.3 |
| 2. 馬2.3 | 炮2-1 |
| 3. 馬8.7 | 車1-2 |
| 4. 車9-8 | (hình) |

Biến 1 :

4...卒7.1

- | | |
|----------|------|
| 5. 兵7.1 | 車2.6 |
| 6. 炮2.4 | 卒3.1 |
| 7. 兵7.1 | 車2-3 |
| 8. 炮8.4 | 車3/2 |
| 9. 炮8-7 | 馬3/5 |
| 10. 馬7.6 | 車3-4 |
| 12. 馬6/8 | 馬8.7 |
| 14. 車8-3 | 馬7.6 |
| 16. 車1-2 | 車9-8 |
| 18. 馬3/2 | 象7.5 |
| 20. 車3-4 | 卒1.1 |
| 22. 車4-7 | 象4-2 |
| 24. 馬3.4 | 象4.1 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 車8.4 | 炮8-4 |
| 13. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 15. 仕4.5 | 馬5.7 |
| 17. 炮2-3 | 車8.9 |
| 19. 馬2.3 | 炮1.4 |
| 21. 炮7/4 | 炮1/1 |
| 23. 馬8/6 | 車2-4 |
| 25. 車7-6 | 馬6.4 |

Hai bên về cân bằng có thể trận cân bằng.

Biến 2 :

- | | | |
|----------|---------|---------|
| 4...卒3.1 | 5. 炮2-1 | 車8-4 |
| 6. 車1-2 | 象8.7 | 7. 兵3.1 |
| | | 象7.5 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 馬3.4 | 士6.5 | 9. 炮8.4 | 車9-6 |
| 10. 馬4.3 | 炮4.1 | 11. 馬3.1 | 象5/7 |
| 12. 馬1.3 | 車6.1 | 13. 炮8.2 | 炮4/2 |
| 14. 車8.7 | 車6-7 | 15. 車8-9 | 馬3.2 |
| 16. 車9-8 | 馬2.3 | 17. 炮1-3 | 車7-8 |
| 18. 車2.8 | 炮4-8 | 19. 車8-3 | 車2.1 |
| 20. 車3.2 | 士5/6 | 21. 車3/3 | |

Bên Trắng chiếm ưu thế

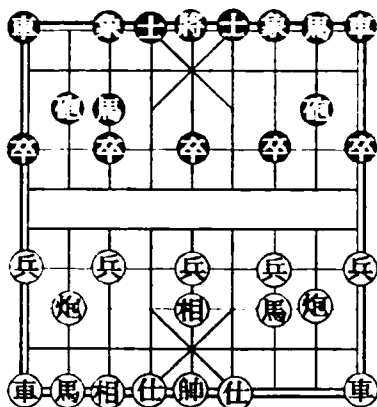
CỤC 68

ĐEN TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI

1. 相3.5 馬2.3
2. 馬2.3 (hình)

Biến 1:

- 2... 炮8-5
3. 馬8.7 馬8.7
4. 兵3.1 車9-8
5. 車1-2 車8.6
6. 馬3.4 車1.1
7. 車9.1 卒5.1
8. 兵3.1 車8-6
9. 馬4.6 卒7.1
10. 炮2-3 馬3.5
12. 炮3-4 車1-4
14. 炮8-5 馬7.5
16. 車9-8 炮2-1
18. 仕6.5 卒3.1
20. 車9-2 馬8.9
22. 車2-6



11. 炮8.4 車6-7
13. 馬6.5 象7.5
15. 車2.6 馬5/7
17. 車8.6 車4-6
19. 車2-9 馬7.8
21. 炮4.7 車6/1

Sau đó bên Trắng thi quân giành thế công.

Biến 2:

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 2... 卒7.1 | | 3. 兵7.1 | 馬8.7 |
| 4. 馬8.7 | 車9.1 | 5. 炮2.4 | 馬7.8 |
| 6. 車9.1 | 象3.5 | 7. 車9-4 | 士4.5 |
| 8. 炮2-7 | 車1-4 | 9. 車4.5 | 車9-8 |
| 10. 車4-2 | 馬8.7 | 11. 兵1.1 | 卒2/1 |
| 12. 兵1.1 | 卒9.1 | 13. 車1.5 | 卒8-7 |
| 14. 車2-3 | 卒7-6 | 15. 車3-4 | 車4.4 |
| 16. 車4/3 | 馬7/6 | 17. 車4-1 | 卒2-4 |
| 18. 車t/1 | 車4-2 | 19. 炮8-9 | 卒2/1 |

Bên Đen chiếm ưu thế.

CỤC 69

ĐEN TIẾN MÃ PHẢI ĐỔI TRẮNG TIẾN MÃ TRÁI

1. 相3.5 馬2.3

2. 馬8.9 (hình)

Biến 1:

2... 炮8-5

3. 馬2.3 馬8.7

4. 車1-2 卒7.1

5. 車9.1 炮2-1

6. 車9-4 車1-2

7. 炮8-7 車9-8

8. 炮2.4 卒3.1

9. 炮2-3 炮5.4

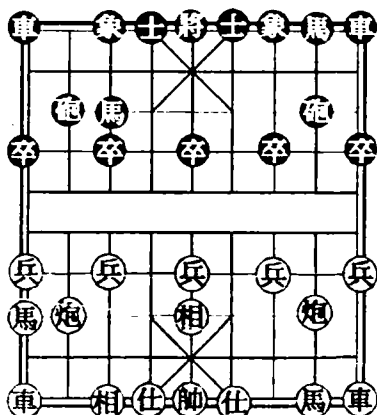
10. 仕4.5 車8.9

12. 車4.3 車2.7

14. 炮3-2 馬3.4

16. 炮2/4 炮5-4

18. 兵7.1 卒3.1



11. 馬3/2 象7.5

13. 馬2.4 炮5-1

15. 車4-6 炮t/2

17. 車6-2 車2/6

19. 車2-7 車2-6

Bên Đen nhiều Tốt, phần tiên.

Biến 2:

2...卒3.1

3. 卒9.1

Phương án 1 :

3...馬8.7

4. 兵3.1 炮2-1

5. 卒9-6 車1-2

6. 馬2.4 象7.5

7. 炮2-3 車9-8

8. 卒1-2 炮8-9

9. 卒6.5 車8.9

10. 馬4/2 炮1.4

11. 仕4.5 炮1-5

12. 馬2.4 炮5/2

13. 卒6-7 馬7/8

14. 炮8.4 馬8.6

15. 馬4.5 士6.5

16. 馬5.4 卒1.1

17. 炮3-4 炮9-6

18. 炮4.5 士5.6

19. 炮8-5 馬3.5

20. 卒7-5 炮5-4

21. 馬4.6 士4.5

22. 卒5-3

Bên Đen có mã linh hoạt, chiếm ưu thế hơn.

Phương án 2 :

3...炮8-5

4. 兵7.1 卒3.1

5. 卒9-7 馬3.4

6. 卒7.3 炮2-4

7. 仕4.5 馬8.7

8. 馬2.4 象3.1

9. 炮8-6 炮4.5

10. 炮2-6 車9-8

11. 卒7-6 馬4/3

12. 馬9.7 車1-2

13. 炮6-7 馬7/5

14. 卒6.4 車2.6

15. 炮7.5 車2-3

16. 炮7/3 車8.4

17. 卒1.1 炮5-2

18. 炮7-8 車3-2

19. 炮8-5 卒5.1

20. 炮5-7 車2-3

21. 卒1.1 車8-6

Thế trận hai bên cân bằng.

TIẾT 2 ĐEN TIẾN MÃ TRÁI CỤC 70

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3 (1)

1. 相3.5 馬8.7

2. 兵3.1 卒3.1

3. 馬2.3 馬2.3

4. 馬8.9 (hình)

Biến 1 :

4... 象3.5

5. 車9.1 士4.5

6. 車9-7 卒7.1

7. 兵3.1 象5.7

Phương án 1 :

8. 兵7.1 卒3.1

9. 車7.3 馬3.4

10. 炮8-6 炮8.2

11. 馬3.2 炮8.3

13. 車7-6 車1-4

15. 車6.5 士5/4

12. 炮6-2 象7.5

14. 車1.1 馬4/2

16. 車1-6 士6.5

Thế trận hai bên cân bằng.

Phương án 2 :

8. 車1-3 象7.5

10. 車7.3 馬3.4

12. 車3.1 車1-3

14. 車3-8 炮2-4

16. 車8.4 士6.5

18. 炮2/2 車6.8

20. 馬7.6 車7/1

22. 馬4/3

9. 兵7.1 卒3.1

11. 炮8-6 炮8.2

13. 車7.5 象5/3

15. 炮6.5 士5.4

17. 仕6.5 車9-6

19. 馬9.7 車6-7

21. 馬6/4 炮8-2

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

4... 象7.5

5. 車9.1 車1.1

Phương án 1 :

6. 車9-6 卒7.1

8. 炮8-7 象3.5

10. 兵7.1 象5.3

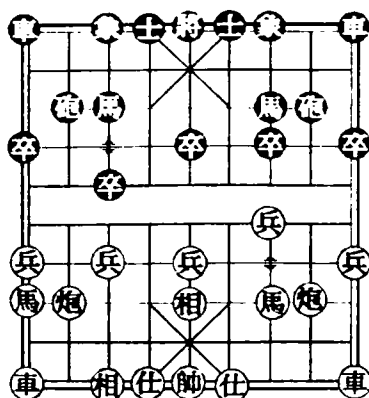
12. 炮7.5 馬2/3

7. 兵3.1 象5.7

9. 兵7.1 馬3.2

11. 車6.5 炮2-3

13. 車6-7 象7/5



14. 馬3.4	車1-6	15. 車1-3	車6.4
16. 車3.7	車6-8	17. 炮2.5	馬3/5
18. 車3/1	車8/3	19. 車3-5	馬5/7
20. 車7/1	士6.5	21. 車7.1	

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

6. 車9-4	車1-4	7. 仕4.5	卒1.1
8. 車4.3	士6.5	9. 炮8-6	炮2-1
10. 兵9.1	卒1.1	11. 車4-9	車4.2
12. 車9-4	炮8/2	13. 炮2-1	炮8.6
14. 車4/1	炮8/6	15. 車1-2	炮8-6
16. 車2.6	馬3.1	17. 馬3.2	車4.2
18. 馬2.3	馬1.2	19. 馬9.8	車4-2
20. 炮6.6	Bên Trắng chiếm ưu thế.		

Biến 3 :

4...卒1.1

Phương án 1 :

5. 車9.1	象7.5	6. 車9-6	車1.3
7. 炮2.4	士6.5	8. 車6.3	車9-6
9. 兵3.1	象5.7	10. 仕4.5	馬3.2
11. 炮8-6	象3.5	12. 車1-4	車6.9
13. 帥5-4	炮8/2	14. 馬3.4	炮8-7
15. 相5/3	卒3.1	16. 車6-7	車1-4
17. 兵9.1	卒1.1	18. 車7-9	炮7-6
19. 帥4-5	炮6.4	20. 車9-7	車4.2
21. 車7-6	馬2.4	22. 馬9.8	

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

5. 炮8-6	馬3.2	6. 車9.1	車1.1
7. 車9-4	車1-4	8. 仕4.5	象7.5
9. 車4.3	士6.5	10. 兵9.1	卒1.1

- | | | | |
|----------|------|--------------------------|------|
| 11. 車4-9 | 炮8.4 | 12. 馬3.2 | 馬2.3 |
| 13. 馬9.7 | 炮8-3 | 14. 馬2.3 | 車4.3 |
| 15. 炮2-4 | 車9-8 | 16. 車1-3 | 炮3-9 |
| 17. 炮6-7 | 車8.8 | 18. 炮7-6 | 車8/5 |
| 19. 馬3/4 | 車4-8 | 20. 炮4-2 | 車t-9 |
| 21. 炮2-1 | 車9-6 | Hai bên ở thế đối kháng. | |

Biến 4:

- | | | |
|-----------|---------|----------|
| 4... 車1.1 | 5. 車9.1 | 車1-6 |
| 6. 車9-6 | 車6.3 | 卒7.1 |
| 8. 車6.3 | 卒7.5 | 士6.5 |
| 10. 炮2/2 | 炮2.2 | 車6.4 |
| 12. 車6-8 | 卒7.1 | 馬7.6 |
| 14. 炮2-4 | 車6-8 | 15. 兵7.1 |

Bên Trắng tiên thủ.

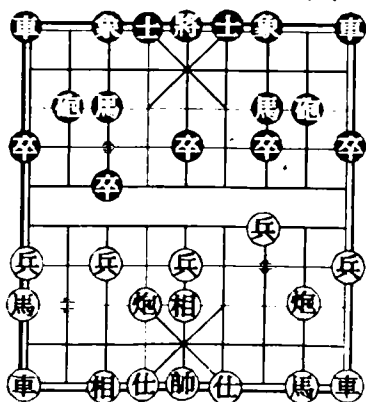
CỤC 71

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3 (2)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 馬8.7 |
| 2. 兵3.1 | 卒3.1 |
| 3. 馬8.9 | 馬2.3 |
| 4. 炮8-6 | (hình) |

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 4... 馬3.2 | |
| 5. 車9.1 | 卒7.5 |
| 6. 車9-4 | 車1.1 |
| 7. 車4.5 | 士6.5 |
| 8. 馬2.3 | 車9-6 |
| 9. 車4-3 | 車1-4 |
| 10. 仕4.5 | 車4.3 |
| 12. 炮2.5 | 車8/2 |
| 14. 馬3/2 | 車6.6 |
| 11. 兵9.1 | 車4-8 |
| 13. 車1-2 | 車8.7 |
| 15. 馬2.3 | 車6-7 |



- | | | | |
|----------|------------------|----------|------|
| 16. 兵1.1 | 卒3.1 | 17. 兵7.1 | 馬2.4 |
| 18. 馬9.8 | 馬4.6 | 19. 車3-4 | 卒2.2 |
| 20. 馬3/2 | 馬6.7 | 21. 車4/5 | 馬t/8 |
| 22. 馬2.3 | Trắng dễ đi hơn. | | |

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 4... 卒3.4 | | 5. 車9-8 | 卒2-4 |
| 6. 仕4.5 | 卒1.2 | 7. 車8.4 | 卒8-9 |
| 8. 馬2.4 | 卒9-8 | 9. 車1-2 | 卒8.6 |
| 10. 炮2-4 | 卒8-6 | 11. 車2.5 | 卒7.1 |
| 12. 車2/1 | 卒7.1 | 13. 車8-3 | 卒4.5 |
| 14. 馬4.2 | 卒6/4 | 15. 炮4-6 | 卒7.6 |
| 16. 車2.1 | 卒4.5 | 17. 車3.5 | 卒6-8 |
| 18. 車2.2 | 卒1-8 | 19. 車3/3 | 卒8.1 |
| 20. 車3-2 | 卒6/8 | 21. 兵9.1 | |

Hai bên tranh chấp còn lâu dài.

Biến 3 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 4... 卒1-2 | | 5. 車9-8 | 卒7.5 |
| 6. 車8.6 | 卒7.1 | 7. 兵3.1 | 卒5.7 |
| 8. 車8-7 | 卒3/5 | 9. 馬2.3 | 卒2-3 |
| 10. 馬3.4 | 卒8.1 | 11. 車7/1 | 卒3.5 |
| 12. 車7/1 | 卒2.4 | 13. 炮6.6 | 卒2/3 |
| 14. 炮6/1 | 卒3-1 | 15. 炮2-3 | 卒7.6 |
| 16. 車1-2 | 卒9-8 | 17. 車2.3 | 卒5/3 |
| 18. 炮6/6 | 卒8.2 | 19. 炮3-4 | 卒2.3 |
| 20. 炮6.4 | 卒6/4 | 21. 車7.2 | 卒9.1 |
| 22. 炮6-1 | 卒2.4 | 23. 炮1.1 | |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 72

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO ĐẦU

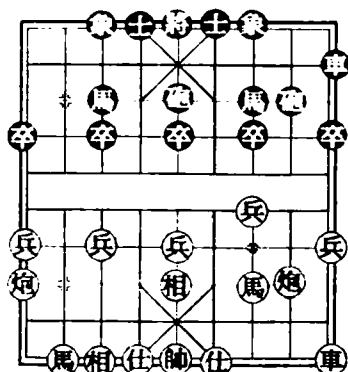
- | | | | |
|---------|------|---------|------|
| 1. 相3.5 | 馬8.7 | 2. 兵3.1 | 卒2-5 |
|---------|------|---------|------|

- | | |
|---------|------|
| 3. 馬2.3 | 馬2.3 |
| 4. 馬8.7 | 車1-2 |
| 5. 車9-8 | 車2.4 |
| 6. 炮8-9 | 車2.5 |
| 7. 馬7/8 | 車9.1 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 8. 仕4.5 | 車9-6 |
| 9. 兵7.1 | 卒5.1 |
| 10. 馬8.7 | 馬7.5 |
| 11. 炮2.4 | 卒7.1 |
| 13. 車1-2 | 炮8-7 |
| 15. 炮7.3 | 士4.5 |
| 17. 車2.6 | 馬5.7 |
| 19. 炮9-8 | 炮7-2 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 炮2-7 | 卒7.1 |
| 14. 馬7.6 | 卒7.1 |
| 16. 馬6.5 | 馬3.5 |
| 18. 炮9.4 | 炮5-1 |
| 20. 馬3/2 | |

Ở thế đối công này, Trắng dễ đi hơn.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 馬8.7 | 車9-6 | 9. 仕4.5 | 卒3.1 |
| 10. 兵7.1 | 卒3.1 | 11. 相5.7 | 卒5.1 |
| 12. 馬7.6 | 馬3.2 | 13. 馬6.7 | 車6.2 |
| 14. 馬7/5 | 車6-5 | 15. 炮9-5 | 馬2.3 |
| 16. 馬5/4 | 車5-6 | 17. 馬4.5 | 車6-5 |
| 18. 馬5/4 | 車5-6 | 19. 馬4.5 | 車6-5 |
| 20. 馬5/4 | 車5-3 | 21. 馬4.5 | 車3-5 |
| 22. 馬5/4 | 車5-3 | 23. 馬4.5 | 車3-5 |

Hai bên bắt biến dẫn tới hòa cờ.

CỤC 73

ĐEN TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI TRẮNG ĐẶT TỐT 7

- | | | | |
|---------|------|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 馬8.7 | 2. 兵7.1 | (hình) |
|---------|------|---------|--------|

Biến 1 :

2... 3.5

Phương án 1:

- | | |
|----------|------|
| 3. 馬8.7 | 車9.1 |
| 4. 炮8-9 | 馬2.4 |
| 5. 車9-8 | 車1-3 |
| 6. 馬7.6 | 卒7.1 |
| 7. 馬2.3 | 炮8.3 |
| 8. 車1.1 | 卒3.1 |
| 9. 兵7.1 | 車3.4 |
| 10. 車8.5 | 車3.2 |
| 11. 車1-6 | 車3.3 |
| 13. 車8-6 | 炮4.3 |
| 15. 車s-2 | 馬4.2 |
| 17. 車6-7 | 馬2.3 |
| 19. 車2-3 | 象7.5 |

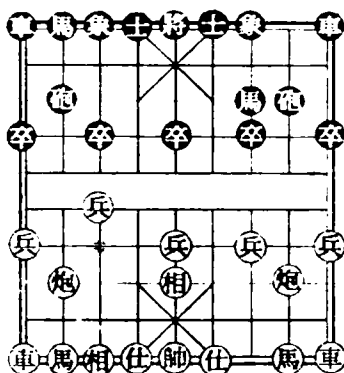
Phương án 2:

- | | |
|----------|------|
| 3. 炮8-6 | 卒7.1 |
| 5. 車9-8 | 車1-2 |
| 7. 車8.6 | 炮8.1 |
| 9. 馬6/7 | 炮2/1 |
| 11. 馬2.3 | 馬7.8 |
| 13. 炮1.4 | 馬8.7 |
| 15. 兵5.1 | 炮8-7 |
| 17. 車6-5 | 車2.4 |
| 19. 車5-3 | 炮9/1 |
| 21. 馬7.9 | 車2/4 |

Hai bên đều cố giành tiên thủ.

Phương án 3:

- | | |
|---------|------|
| 3. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 5. 仕4.5 | 馬2.4 |
| 7. 馬8.9 | 車1-2 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 炮9-7 | 炮2-4 |
| 14. 車s.3 | 車3/2 |
| 16. 兵3.1 | 車3/3 |
| 18. 兵3.1 | 象5.7 |

Cờ thế hai bên ngang bằng.

- | | |
|----------|------|
| 4. 馬8.7 | 馬2.3 |
| 6. 馬7.6 | 車9.1 |
| 8. 車8/3 | 炮2.3 |
| 10. 炮2-1 | 車9-6 |
| 12. 車8-6 | 士4.5 |
| 14. 仕4.5 | 炮2.4 |
| 16. 車1-2 | 炮2-4 |
| 18. 車2.6 | 炮7-9 |
| 20. 兵9.1 | 車2.4 |
| 22. 兵9.1 | 車2-1 |

9. 兵3.1	車9-8	10. 炮2/2	馬4.6
11. 炮2-3	卒7.1	12. 車4-3	馬6.5
13. 車3-4	車8.6	14. 馬3/4	車8.2

Đen dễ đi hơn.

Biến 2 :

2... 車9.1

Phương án 1 :

3. 馬2.3	卒7.1	4. 炮2-1	馬7.8
5. 馬8.7	車3.5	6. 車9.1	馬2.4
7. 馬7.6	炮2-1	8. 炮8-6	車1-2
9. 車9-4	車2.6	10. 仕4.5	車2-4
11. 車4.3	炮1.4	12. 兵7.1	卒3.1
13. 馬6.8	炮1/2	14. 車4.2	馬8.7
15. 炮1.4	馬7.5	16. 相7.5	車4-2
17. 相5/7	炮1.5	18. 車1-2	馬8-7
19. 炮6-5	車9.2	20. 車4-1	車2.3
21. 仕5/4	炮7.5		

Bên Đen thắng thế rõ ràng.

Phương án 2 :

3. 馬8.7	卒3.5	4. 兵3.1	馬2.4
5. 車9.1	車1-3	6. 馬7.6	車9-6
7. 馬2.3	卒3.1	8. 車9-7	卒3.1
9. 車7.3	車3.5	10. 相5.7	卒7.1
11. 兵3.1	卒5.7	12. 車1.1	車6.1
13. 相7/5	車6-4	14. 馬6/4	卒7/5
15. 車1-7	車4.2	16. 車7.3	馬7.6
17. 仕4.5	炮2-3	18. 馬3.2	炮8-6
19. 馬2.4	車4-6	20. 馬4.2	車6-4

Cờ thế hai bên bình ổn.

Biến 3 :

2... 卒7.1 3. 馬8.7

Phương án 1 :

3...♙9.1
 5. ♖8-9 ♘7.8
 7. ♖2-3 ♘7.9
 9. ♗9-8 ♙8-9
 11. ♖9.4 ♙9.4
 13. ♚4.5 ♘3.1
 15. ♗8-7 ♙5.3
 17. ♗2.1 ♙2-1
 19. ♗6-4 ♙3/5
 21. ♖9-1 ♙2.4

4. ♘2.1 ♙3.5
 6. ♗1-2 ♘8.7
 8. ♗2.2 ♘2.4
 10. ♗8.5 ♙1-3
 12. ♖3-1 ♙9-6
 14. ♖7.1 ♙3.4
 16. ♗2.1 ♙9/2
 18. ♗2 6 ♘4.6
 20. ♘7.6 ♙6-2

Cờ thế hai bên cân bằng.

Phương án 2 :

3...♘2.1
 5. ♗9-3 ♙8/2
 7. ♘2.3 ♙8-6
 9. ♗6.4 ♙1.1
 11. ♖8.1 ♙8/3
 13. ♖2.2 ♙2/2
 15. ♖9.3 ♙2.5
 17. ♘7.9 ♙3-2
 19. ♖2/1 ♙2.1
 21. ♗6-8 ♙2/3

4. ♗9.1 ♙7.5
 6. ♗3-6 ♘6.5
 8. ♗1-2 ♙9-8
 10. ♚4.5 ♙8.6
 12. ♖9.1 ♙1-3
 14. ♖8-9 ♙3-2
 16. ♖9.1 ♙2-3
 18. ♘9.8 ♙2.3
 20. ♘8/6 ♙2/1
 22. ♖9-8

Bên Trắng dễ đi hơn.

Phương án 3 :

3...♘2.3
 5. ♘2.4 ♙1.1
 7. ♗1-3 ♙1-6
 9. ♘4.3 ♘6.5
 11. ♘3/4 ♘7.6
 13. ♗4.2 ♙9-6
 15. ♗3.1 ♙6/6

4. ♗9.1 ♙7.5
 6. ♖3.1 ♘7.1
 8. ♗3.4 ♙6.1
 10. ♗9-4 ♙6.6
 12. ♗3-4 ♘6/7
 14. ♗4-3 ♙6.8
 16. ♗3-4 ♘5.6

17. 炮8.4

炮8-9

18. 炮2.5

炮9.4

19. 馬7.6

Bên Trắng dễ đi hơn.

PHẦN THỨ TƯ PHI TƯỢNG ĐỐI PHI TƯỢNG

TIẾT 1

ĐEN THUẬN TƯỢNG

CỤC 74

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN MÃ QUY BIÊN (1)

1. 目3.5

象7.5

2. 兵7.1

馬2.1

3. 馬8.7

車1.1

4. 車9.1

卒3.1

5. 兵7.1

車1-3

6. 車9-4

車3.3

7. 馬7.6

炮2-4

(hình)

Biến 1:

8. 車4.3

士6.5

9. 馬6.5

車3-4

10. 馬2.4

馬8.9

12. 車4-5

車5.1

14. 馬4.5

炮4.4

16. 仕4.5

馬1.3

18. 馬6.8

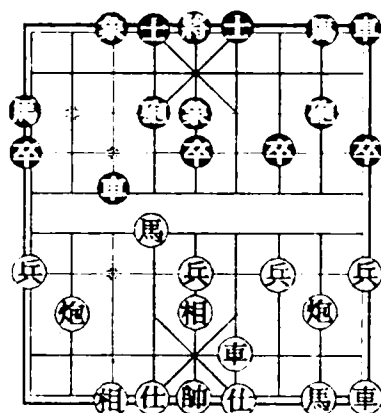
車6/2

20. 炮6-7

象3.1

22. 馬9.8

馬5.4



11. 炮8-6

車4-5

13. 兵5.1

車9-6

15. 兵5.1

車6.5

17. 馬s.6

馬3.5

19. 馬8.7

炮4/5

21. 馬7/9

士5/6

Bên Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|-------------------------------|------|
| 8. 炮8-6 | 車3.2 | 9. 炮6.5 | 炮8-4 |
| 10. 馬6.4 | 卒7.1 | 11. 馬2.1 | 車9.2 |
| 12. 炮2-4 | 車9-8 | Bên Trắng xem ra bất lợi hơn. | |

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 8. 車4.5 | 炮4.7 | 9. 馬6.5 | 車3-5 |
| 10. 帥5-6 | 炮8.1 | 11. 車4-3 | 炮8-5 |

Bên Đen chiếm ưu thế.

CỤC 75

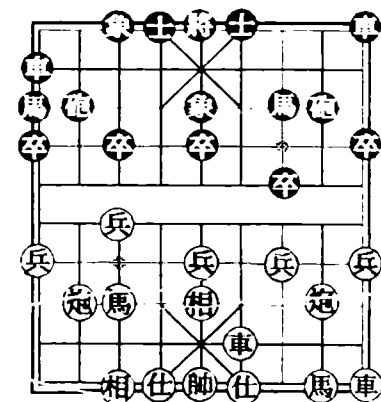
TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN MÃ QUY BIÊN (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 象7.5 |
| 2. 兵7.1 | 馬2.1 |
| 3. 馬8.7 | 車1.1 |
| 4. 車9.1 | 卒7.1 |
| 5. 車9-4 | 馬8.7 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 6. 仕4.5 | 車1-4 |
| 7. 車4.3 | 車6.5 |
| 8. 炮2-4 | 車9-8 |
| 9. 馬2.3 | 炮8-9 |
| 10. 車1-2 | 車8.9 |
| 12. 馬2.4 | 卒1.1 |
| 14. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 16. 兵7.1 | 車4-3 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 馬3/2 | 車4.3 |
| 13. 馬4.2 | 炮9/2 |
| 15. 相5.3 | 卒3.1 |
| 17. 相7.5 | 炮9-6 |

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2 :

6. 車4.3

Phương án 1 :

- 6... 車1-4

7. 兵3.1	車4.3	8. 馬2.3	士6.5
9. 仕4.5	炮8/2	10. 兵9.1	卒7.1
11. 車4-3	炮8-7	12. 車3-6	車4.1
13. 馬7.6	炮7.7	14. 炮8-3	車9-8
15. 炮2/2	炮2.3	16. 馬6/7	炮2.1
17. 炮2-4	炮2-3	18. 炮3.4	

Trắng có phần nhỉnh hơn.

Phương án 2 :

6...炮8-9		7. 炮2-3	車9-8
8. 馬2.4	車1-4	9. 兵3.1	卒7.1
10. 車4-3	馬7.6	11. 炮8.4	士6.5
12. 車1-2	車8.9	13. 馬4/2	卒5.1
14. 炮3-2	車4.7	15. 仕4.5	卒9.1
16. 馬2.3	車4-2	17. 炮8/2	馬6/8
18. 車3-2	馬8/6	19. 馬3.4	馬6.7

Hai bên đối kháng

Phương án 3 :

6...♙9.1		7. ♘2.3	♙1-6
8. ♚4.4	♙9-6	9. ♔4.5	♙6-4
10. ♖3.1	♜7.1	11. ♘5.3	♜3.1
12. ♖7.1	♙2-3	13. ♚1-4	♙4.4
14. ♘3/1	♜4.5	15. ♚4.2	♜5.3
16. ♘7.9	♙3.5	17. ♚4-7	♜3/5
18. ♙8.5	♙4/3	19. ♙8.1	♘7.6
20. ♘3.2	♘6.5	21. ♙2.5	♘5.3
22. ♙2-6	♜5.4		

Cờ hai bên ngang nhau.

Cờ hai bên ngang nhau.

CỤC 76

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN MÃ QUY BIÊN (3)

1. 相3.5	象7.5	2. 兵7.1	馬2.1
3. 馬8.7	車1.1	4. 車9.1	車1-6

5. 馬2.3 (hình)

Biến 1 :

5...卒7.1

6. 炮2-1 馬8.7

7. 車1-2 車9-8

8. 車2.6 車6.3

9. 炮1.4 卒3.1

10. 兵7.1 車6-3

11. 馬7.6 車3-4

12. 馬6/7 車4.2

13. 車9-4 車4-3

14. 馬7/5 炮2.1

15. 炮1-5 馬7.5

17. 車5/2 炮8.5

19. 車4-2 車8.5

Đen chiếm ưu thế.

Biến 2 :

5...車6.3

7. 車1-2 卒3.1

9. 車2-7 炮8.7

11. 相7.5 炮2-6

13. 馬3/2 車8.9

15. 車9-7 卒7.1

Đen dễ đi hơn.

Biến 3 :

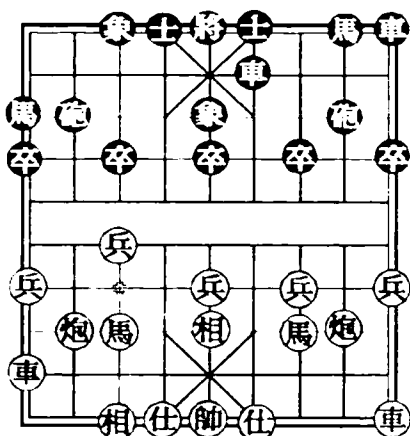
5...馬8.7

7. 炮2/2 炮8-9

9. 車1.1 車8.4

11. 車9-2 車6.3

13. 車2.5 卒3.1



16. 車2-5

18. 車4.3

20. 車5-2

馬1.3

車3.2

炮8-9

6. 炮2.7

8. 車2.4

10. 相5/3

12. 馬7.6

14. 仕6.5

16. 兵9.1

車9-8

卒3.1

炮2/1

車6/1

卒5.1

炮6-9

6. 兵3.1

8. 炮2-3

10. 車1-2

12. 仕4.5

14. 兵7.1

車9-7

車7-8

車8.4

卒1.1

車6-3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. 馬7.6 | 車3-4 | 16. 馬6/7 | 炮2-3 |
| 17. 馬7.8 | 車4.1 | 18. 馬8.9 | 炮3-4 |
| 19. 炮8-6 | 車4-2 | 20. 馬9.7 | 馬1.3 |
| 21. 車2-3 | 炮9/1 | 22. 車3-4 | 車2/3 |
| 23. 馬3.4 | 車2-3 | 24. 車4.2 | 炮9.5 |
| 25. 炮3.7 | 炮4-7 | 26. 馬4.5 | |

Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 77

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN MÃ QUY BIÊN (4)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 卒7.5 |
| 2. 兵7.1 | 馬2.1 |
| 3. 馬8.7 | 車1.1 |

(hình)

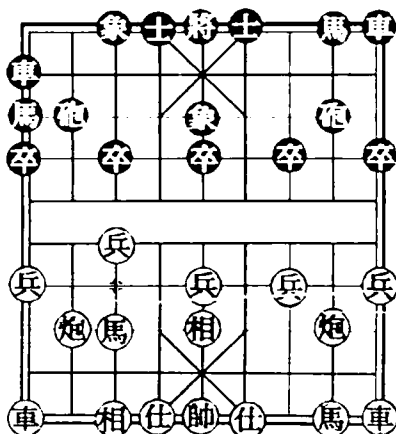
Biến 1:

4. 炮8-9

Phương án 1:

4... 車1-4

- | | |
|----------|------|
| 5. 車9-8 | 車4.3 |
| 6. 兵9.1 | 炮2-4 |
| 7. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 8. 車8.3 | 卒7.1 |
| 9. 兵5.1 | 士6.5 |
| 11. 炮2.2 | 車9-6 |
| 13. 仕5/4 | 馬7.8 |
| 15. 兵7.1 | 車4-3 |
| 17. 仕4.5 | 馬3.4 |



- | | |
|----------|------|
| 10. 仕4.5 | 卒3.1 |
| 12. 車1-4 | 車6.9 |
| 14. 炮2.3 | 炮4-8 |
| 16. 馬7.9 | 馬1/3 |
| 18. 車8-5 | 炮8-7 |

Đen dễ đi hơn.

Phương án 2:

4... 車1-6

5. 車9-8 車6.3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 6. 馬2.3 | 卒1.1 | 7. 仕4.5 | 馬1.2 |
| 8. 炮9.3 | 馬2.1 | 9. 馬7.9 | 車6-1 |
| 10. 馬9/7 | 炮8-7 | 11. 車1-4 | 車9.1 |
| 12. 兵3.1 | 車9-8 | 13. 炮2.7 | 車8/1 |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

4. 兵9.1

Phương án 1 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 4... 車1-3 | | 5. 馬2.4 | 車3-6 |
| 6. 車9.1 | 車6.3 | 7. 兵3.1 | 馬8.6 |
| 8. 馬4.3 | 炮8-9 | 9. 炮2-3 | 炮2.4 |
| 10. 兵3.1 | 車6.3 | 11. 馬7.8 | 車6/1 |
| 12. 馬3.2 | 卒7.1 | 13. 車9-6 | 卒7.1 |
| 14. 仕4.5 | 卒7.1 | | |

Đen dễ đi hơn.

Phương án 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 4... 車1-4 | | 5. 車9.1 | 車4.3 |
| 6. 車9-4 | 馬8.7 | 7. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 8. 車4.3 | 士6.5 | 9. 兵3.1 | 卒1.1 |
| 10. 兵9.1 | 車4-1 | 11. 炮2/1 | 車9-6 |
| 12. 車1-3 | 卒7.1 | 13. 車4-3 | 炮8/1 |
| 14. 車4-4 | 炮8-7 | 15. 車4.5 | 將5-6 |

Đen không khó đi.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 馬7.6 | 炮2.3 | 5. 馬6/7 | 炮2/3 |
| 6. 炮8-9 | 車1-3 | 7. 車9-8 | 卒3.1 |
| 8. 兵7.1 | 車3.3 | 9. 馬2.4 | 馬8.6 |
| 10. 車8.4 | 卒1.1 | 11. 馬7.6 | 炮2-4 |
| 12. 仕4.5 | 士6.5 | 13. 炮2-1 | 車9-8 |
| 14. 車1-2 | 炮8.4 | 15. 車2.2 | 車3-4 |
| 16. 馬6/7 | 車4-6 | 17. 車2-4 | 車6.3 |
| 18. 仕5.4 | 炮8.2 | | |

Đen dễ đi hơn.

CỤC 78

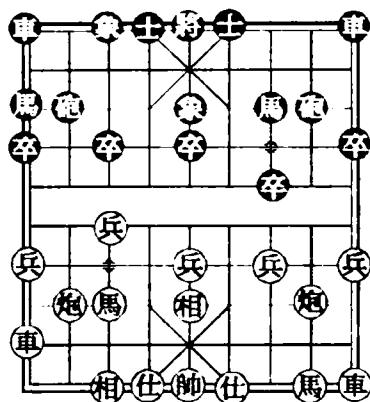
TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN ĐẮT TỐT 7

- | | |
|---------|------|
| 1. ③3.5 | ⑤7.5 |
| 2. ③7.1 | ⑤7.1 |
| 3. ③8.7 | ⑤8.7 |
| 4. ③9.1 | ⑤2.1 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 5. ③3.1 | ⑤7.1 |
| 6. ③9-3 | ⑤7.8 |
| 7. ③2.5 | ⑤2-8 |
| 8. ③3.3 | ⑤1-2 |
| 9. ③8-9 | ⑤9-7 |
| 10. ③3.5 | ⑤5/7 |
| 12. ③4.5 | ⑤3.1 |
| 14. ③7.6 | ⑤3-4 |



- | | |
|----------|------|
| 11. ③2.3 | ⑤2.4 |
| 13. ③7.1 | ⑤2-3 |
| 15. ③6/7 | |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ③9-3 | ⑤2-4 | 6. ③3.1 | ⑤1-2 |
| 7. ③7.6 | ⑤7.1 | 8. ③3.3 | ⑤8/1 |
| 9. ③2-3 | ⑤8-7 | 10. ③3-2 | ⑤7.6 |
| 11. ③8-3 | ⑤2.4 | 12. ③2-3 | ⑤7.6 |
| 13. ③6.4 | ⑤2-6 | 14. ③3/2 | ⑤9-8 |
| 15. ③2.3 | ⑤8.3 | 16. ③4.5 | |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 5. ③9-4 | ⑤2-4 | 6. ③7.8 | ⑤1.1 |
| 7. ③4.3 | ⑤8-9 | 8. ③1.1 | ⑤1-8 |
| 9. ③9.1 | ⑤6.5 | 10. ③8.9 | ⑤9-6 |
| 11. ③4.5 | ⑤5/6 | 12. ③1-6 | ⑤6.5 |

13. 車6.3 炮9.4 14. 仕4.5 卒9.1

15. 兵9.1 Bên Trắng ưu hơn chút ít.

Biến 4:

5. 馬2.4	車1.1	6. 馬7.8	炮2.5
7. 炮2-8	車9-8	8. 兵3.1	卒7.1
9. 車1-3	馬7.8	10. 車3.4	車1-6
11. 馬4.2	車6-4	12. 車9-4	車4.5
13. 車4.4	炮8.5	14. 炮8-2	馬8.9
15. 車3/1	車8.7	16. 車3-1	車4.2
17. 仕4.5	車8-5	18. 兵7.1	卒3.1
19. 車4-6	車4/4	20. 馬8.6	車5-7

21. 車1.3 Đen được Tượng, thế trận khá hơn chút ít.

Biến 5:

5. 馬2.3	車1.1	6. 車9-4	卒1.1
7. 車4.3	車1-4	8. 兵3.1	車4.3
9. 仕4.5	士6.5	10. 炮2/1	車9-6
11. 車1-4	卒7.1	12. 車t-3	車6.9
13. 仕5/4	炮2-4	14. 馬3.4	車4-2
15. 炮8.2	炮8/2	16. 炮2-8	車2-5
17. 炮s-4	炮8-7	18. 車3-2	車5-7
19. 炮4.1	卒3.1	20. 兵7.1	車7-3

21. 炮8-7 馬1.2 Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 79

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3 (1)

1. 相3.5	象7.5	2. 兵3.1	卒3.1
3. 馬8.9	馬2.3	(hình)	

Biến 1:

4. 馬2.3	馬8.7	5. 車9.1	炮2-1
6. 車9-6	車1-2	7. 炮8-7	馬3.2

- | | |
|----------|------|
| 8. 仕4.5 | 馬2.1 |
| 9. 炮7/1 | 卒1.1 |
| 10. 車6.5 | 車2.8 |
| 11. 車6-9 | 炮8/1 |
| 12. 炮2/1 | 卒8-1 |
| 13. 車9-6 | 卒1/2 |
| 14. 馬9.8 | 車2/3 |
| 15. 車6.2 | 車9.1 |
| 16. 炮2.8 | 卒5/7 |
| 17. 車6-1 | 馬7/9 |
| 18. 炮2/1 | 車2.3 |
| 19. 炮7.4 | 卒3.5 |
| 20. 炮7/1 | 馬2.3 |

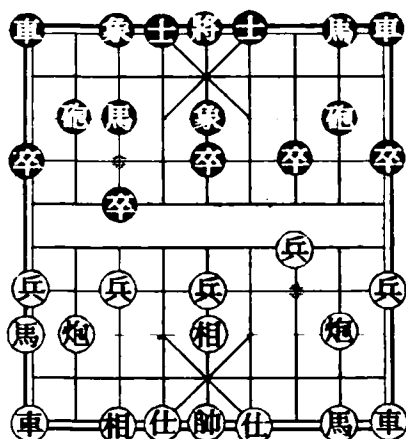
Biến 2 :

- | | |
|----------|------|
| 4. 炮8-6 | 炮8.2 |
| 6. 車9.1 | 車1.1 |
| 8. 仕4.5 | 車1-6 |
| 10. 車4.1 | 馬3.4 |
| 12. 兵3.1 | 卒5.7 |
| 14. 兵9.1 | 士6.5 |
| 16. 炮2/2 | 車7/1 |
| 18. 車4-6 | 馬4/6 |

Hai bên đối công.

Biến 3 :

- | | |
|----------|------|
| 4. 車9.1 | 車1.1 |
| 6. 馬2.3 | 卒1.1 |
| 8. 炮2-1 | 車1-4 |
| 10. 車4.7 | 車4.1 |
| 12. 車4/2 | 炮2.4 |
| 14. 車4.2 | 炮8.1 |
| 16. 車4/4 | 炮2.3 |



Đen hơn quân, chiếm ưu.

- | | |
|----------|------|
| 5. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 7. 車9-4 | 車9.1 |
| 9. 車1-4 | 車6.7 |
| 11. 兵5.1 | 卒7.1 |
| 13. 車4.2 | 卒7/5 |
| 15. 炮6/1 | 車9-7 |
| 17. 炮2-3 | 車7-6 |
| 19. 車6-5 | 炮8/3 |

- | | |
|----------|------|
| 5. 車9-4 | 馬8.7 |
| 7. 仕4.5 | 士6.5 |
| 9. 車1-2 | 車9-8 |
| 11. 車2.4 | 炮2/1 |
| 13. 車2/1 | 炮2/2 |
| 15. 炮8-6 | 炮2/2 |
| 17. 兵1.1 | 車4.2 |

18. 兵9.1 卒1.1

19. 車4-9

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 80

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN ĐẠY TỐT 3 (2)

1. 相3.5

象7.5

2. 兵3.1

卒3.1

3. 馬2.3

馬2.3

(hình)

Biến 1 :

4. 馬8.7

車1.1

5. 車9.1

馬3.2

6. 炮8.5

炮8-2

7. 車9-6

馬8.7

8. 馬3.4

車9-8

9. 炮2-4

炮2-1

10. 仕4.5

車1-3

12. 車1-3

卒7.1

14. 車3.5

象5.7

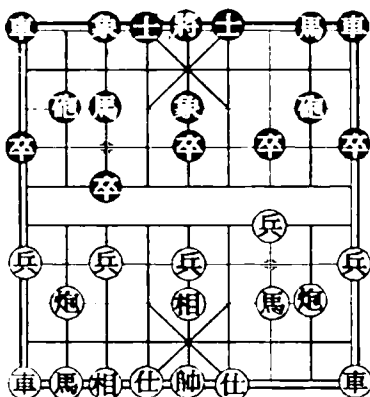
16. 車6-8

馬2/3

18. 車8.3

馬3/5

20. 車8-5



11. 車6.2

車8.4

13. 兵3.1

車8-7

15. 兵7.1

象7/5

17. 兵7.1

象5.3

19. 馬4.5

馬7.5

Bên Trắng chiếm ưu.

Biến 2 :

4. 馬8.9

Phương án 1 :

4... 卒1.1

6. 車9.1

馬8.7

8. 車1.1

車1.3

10. 馬3.2

炮4/1

12. 車4-6

炮4.4

14. 車6.2

炮2-1

5. 炮8-6

炮8.2

7. 車9-4

士6.5

9. 車4.5

炮8-4

11. 車4/2

車1-2

13. 車6/2

車9-6

15. 兵7.1

車2.1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 16. 車1-7 | 卒3.1 | 17. 車7.3 | 馬3.4 |
| 18. 馬9.7 | 炮1-4 | 19. 馬2.3 | 炮4.3 |
| 20. 車7-6 | 車2.1 | 21. 車6.1 | 車6.6 |
| 22. 馬7.5 | 卒5.1 | 23. 馬3/5 | 車6-5 |
| 24. 炮2/1 | 馬7.5 | 25. 炮2-5 | 車5-6 |
| 26. 馬s/6 | 車6/2 | 27. 相5.7 | 車2/2 |
| 28. 馬6.4 | | | |
- Bên Trắng chiếm ưu.

Phương án 2 :

- | | | |
|-----------|---------|------|
| 4... 車1.1 | 5. 炮8-6 | 車1-4 |
| 6. 仕4.5 | 馬3.2 | 馬8.7 |
| 8. 炮2.1 | 卒7.1 | 卒5.7 |
| 10. 馬9/7 | 卒7/5 | 車9.1 |
| 12. 兵9.1 | 卒1.1 | 馬2/3 |
| 14. 車9.1 | 車9-6 | 車4-6 |
| 16. 兵7.1 | 車6.5 | 卒3.1 |
| 18. 車9-7 | | |
- Thế trận hai bên ngang nhau.

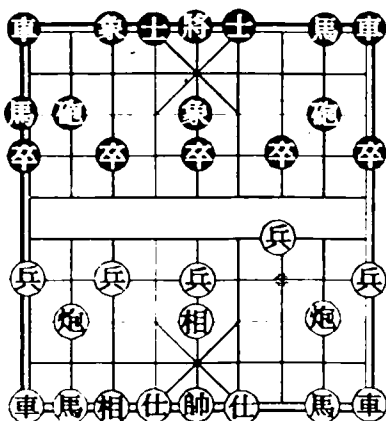
CỤC 81

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3 (3)

1. 相3.5 卒7.5
 2. 兵3.1 馬2.1
 (hình)

Biến 1 :

3. 馬8.7 卒3.1
 4. 馬2.3 車1.1
 5. 炮8-9 車1-6
 6. 車9-8 炮2-3
 7. 車8.4 馬8.7
 8. 馬7/5 車9.1
 9. 馬3.4 馬1.3



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 馬5.3 | 卒7.1 | 11. 兵3.1 | 象5.7 |
| 12. 炮2/1 | 卒3.1 | 13. 車8.2 | 馬3.4 |
| 14. 兵7.1 | 車6-2 | 15. 車8.2 | 車9-2 |
| 16. 炮2-4 | 炮8/1 | 17. 馬4.6 | 炮3-6 |

Hai bên đối công.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|---------------|------|
| 3. 馬2.3 | 車1.1 | 4. 兵9.1 | 車1-7 |
| 5. 炮2/2 | 卒7.1 | 6. 兵3.1 | 車7.3 |
| 7. 炮2-3 | 車7-8 | 8. 馬8.9 | 馬8.7 |
| 9. 炮8-6 | 馬7.6 | 10. 車9-8 | 車9.1 |
| 11. 仕4.5 | 車9-4 | 12. 車8.4 車4.4 | |
| 13. 馬3.4 | 車8.1 | 14. 炮3.4 | 車4-2 |
| 15. 馬9.8 | 炮8-6 | 16. 馬4.6 卒3.1 | |
| 17. 炮6-9 | | | |

Trắng dễ đi hơn.

TIẾT 2 ĐEN NGHỊCH TƯỢNG CỤC 82

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN ĐAY TỐT 7 (1)

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 象3.5 |
| 2. 兵7.1 | 卒7.1 |
| 3. 馬8.7 | 馬8.7 |
| 4. 馬2.4 | (hình) |

Biến 1 :

4... 車9.1

5. 車9.1

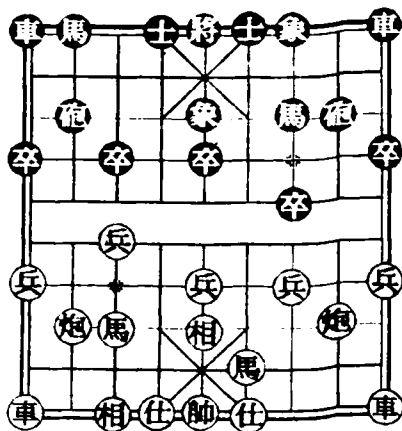
Phương án 1 :

5... 炮2.4

6. 車1-3 車1-3

7. 兵3.1 卒7.1

8. 車3.4 卒3.1



- | | | | |
|----------|---------------------|----------|------|
| 9. 馬4.6 | 馬7.6 | 10. 車3-4 | 馬6/7 |
| 11. 車4.2 | 車8.2 | 12. 馬7.6 | 卒3.1 |
| 13. 馬s.7 | 車8-3 | 14. 炮8-7 | 車9-8 |
| 15. 車4-3 | 車8.3 | 16. 車9-4 | 車8-7 |
| 17. 車3/1 | 卒5.7 | 18. 車4.5 | 卒3.3 |
| 19. 炮2-7 | 卒2-3 | 20. 炮7-6 | 卒3-5 |
| 21. 仕4.5 | Bên Trắng tiên thủ. | | |

Phương án 2 :

- | | | |
|-----------|---------|----------|
| 5... 馬7.6 | 6. 車9-6 | 卒2.3 |
| 7. 炮2-3 | 車1.1 | 8. 車1-2 |
| 9. 馬7.8 | 炮2.5 | 10. 炮3-8 |
| 11. 車2.8 | 車1-8 | 12. 車6.4 |
| 13. 馬8.7 | 車8-2 | 14. 炮8-6 |
| | | 卒2.5 |

Trắng có phần ưu thế hơn.

Biến 2 :

- | | | |
|-----------|---------|----------|
| 4... 馬2.4 | 5. 車1-3 | 卒1-3 |
| 6. 兵3.1 | 卒7.1 | 7. 車3.4 |
| 8. 兵7.1 | 卒3.4 | 9. 車9.1 |
| 10. 馬7.8 | 卒8.5 | 11. 炮8-2 |
| 12. 車3-2 | 卒3-2 | 13. 馬8/7 |
| 14. 車9-6 | 馬4.6 | 15. 馬4.3 |
| 16. 炮2-3 | 卒9-3 | 17. 車6.3 |
| | | 馬6.7 |

Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 83

TRẮNG TIẾN TỐT 7 ĐỐI ĐEN ĐAY TỐT 7 (2)

- | | | | |
|---------|------|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 卒3.5 | 2. 兵7.1 | 卒7.1 |
| 3. 馬8.7 | 馬8.7 | 4. 車9.1 | (hình) |

Biến 1 :

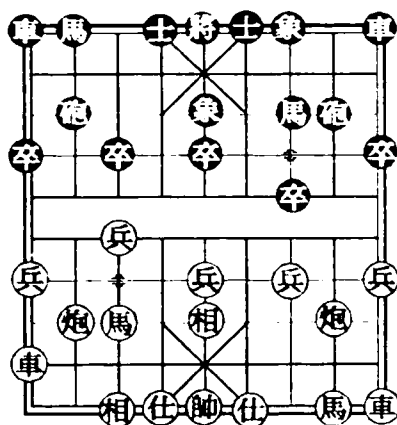
- | | | |
|-----------|---------|---------|
| 4... 馬2.4 | 5. 馬2.4 | 卒1-3 |
| 6. 車9-6 | 卒9.1 | 7. 車1-3 |
| | | 卒3.1 |

- | | |
|----------|------|
| 8. 兵7.1 | 車3.4 |
| 9. 兵3.1 | 馬7.8 |
| 10. 馬7.8 | 炮8.5 |
| 11. 炮8-2 | 馬4.6 |
| 12. 車6.4 | 車9-3 |
| 13. 馬4.6 | 車1-4 |
| 14. 馬8.6 | 車3.3 |
| 15. 兵3.1 | 車3-4 |
| 16. 兵3-2 | 車4-8 |
| 17. 炮2-4 | |

Thế trận cân bằng.

Biến 2 :

- | | |
|-----------|------|
| 4... 車9.1 | |
| 6. 車1-3 | 車9-7 |
| 8. 馬7.8 | 炮2/2 |
| 10. 車6.4 | 馬6.7 |
| 12. 炮2-8 | 卒7.1 |
| 14. 車3-2 | 炮8-6 |
| 16. 馬8.7 | 車1-4 |
| 18. 車2-4 | 炮6-8 |
| 20. 車4.3 | 炮8.6 |
| 22. 馬7.5 | 車7-8 |



- | | |
|----------|------|
| 5. 馬2.4 | 馬7.6 |
| 7. 車9-6 | 馬2.3 |
| 9. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 11. 馬4.3 | 炮2.7 |
| 13. 炮8.1 | 卒7.1 |
| 15. 車2.3 | 士4.5 |
| 17. 車6.4 | 士5/4 |
| 19. 仕4.5 | 炮8.1 |
| 21. 帥5-4 | 炮8/9 |

Đen hơn quân, thế thắng rõ.

CỤC 84

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN ĐẠY TỐT 3

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 象3.5 |
| 3. 馬2.3 | 馬2.3 |

- | | |
|---------|------|
| 2. 兵3.1 | 卒3.1 |
|---------|------|

(hình)

Biến 1 :

- | |
|---------|
| 4. 馬8.9 |
|---------|

Phương án 1 :

4... 馬8.9

5. 炮8-6 車1-2

6. 車9-8 炮2.5

7. 兵9.1 馬3.4

8. 炮2.2 車9.1

9. 車1.1 車9-2

10. 兵3.1 卒3.1

11. 兵3.1 卒3.1

12. 兵3.1 炮8.2

13. 車1-4 馬9.7

14. 車4.4 馬7.8

15. 馬3.2 馬4.5

16. 車4-2 卒3-4

17. 炮6/1 卒4.1

Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

4... 馬8.7

6. 車1-2 卒1.1

8. 炮8-3 車1-2

10. 車9-6 炮2-1

12. 車6.6 馬3.2

14. 炮3.3 象5/7

16. 相5/3 炮8-7

18. 炮1-8 馬2.3

20. 相7.9 炮7.5

Trắng dễ đi hơn.

Biến 2 :

4. 馬8.7 馬8.7

6. 兵3.1 卒5.7

8. 車1-3 象7.5

5. 炮2-1 車9-8

7. 炮8.4 炮8.5

9. 車9.1 炮2.7

11. 馬9/7 炮1-2

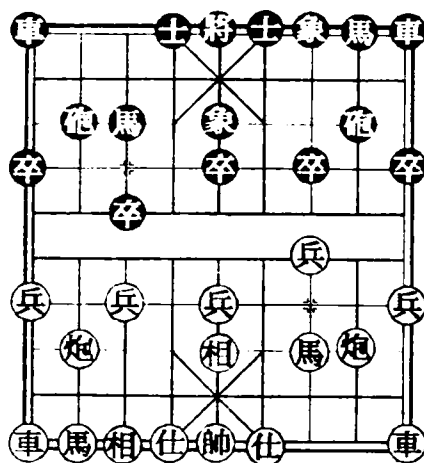
13. 馬7.9 炮2/2

15. 車6-3 炮8/1

17. 車2.9 炮7/4

19. 炮8-4 馬3.1

21. 相9/7



18. 炮6-5

- | | | | |
|----------|------------------|----------|------|
| 10. 車9.1 | 士4.5 | 11. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 12. 馬7.6 | 卒3-4 | 13. 車9-7 | 炮2/1 |
| 14. 車3-2 | 炮2-3 | 15. 炮8-7 | 炮3.2 |
| 16. 車7.5 | Trắng dễ đi hơn. | | |

CỤC 85

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN MÃ RA BIÊN

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 卒3.5 |
| 2. 兵3.1 | 馬8.9 |
| 3. 馬2.3 | (hình) |

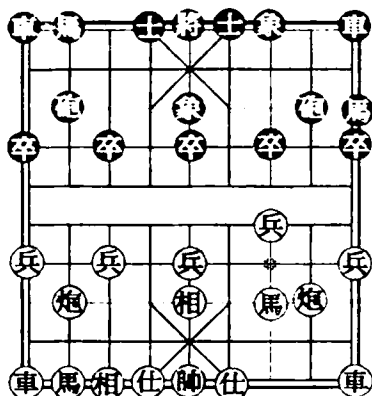
Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 3... 炮8-6 | |
| 4. 車1-2 | 車9-8 |
| 5. 炮2.5 | 卒9.1 |
| 6. 馬8.9 | 馬2.3 |
| 7. 兵7.1 | 炮2.2 |
| 8. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 9. 炮8-7 | 馬3.4 |
| 10. 車9-8 | 車1-2 |
| 12. 車8.4 | 卒1.1 |
| 14. 車8-6 | 炮6.2 |
| 16. 兵5.1 | 炮6/1 |
| 18. 炮2-5 | 炮2.3 |

Đen dễ đi hơn.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 3... 馬2.3 | | 4. 兵7.1 | 炮8-6 |
| 5. 車1-2 | 士4.5 | 6. 炮2.5 | 車1-4 |
| 7. 馬3.4 | 車9.1 | 8. 馬8.7 | 車9-7 |
| 9. 炮8-9 | 炮2.2 | 10. 車9-8 | 炮2-6 |
| 11. 仕4.5 | 卒9.1 | 12. 車8.5 | 卒3.1 |
| 13. 車8/1 | 卒3.1 | 14. 車8-7 | 卒7.1 |
| | | 11. 炮2/1 | 士4.5 |
| | | 13. 仕4.5 | 卒5.1 |
| | | 15. 炮2/2 | 車8.4 |
| | | 17. 車2-4 | 卒5.1 |
| | | 19. 炮5.2 | 車2.3 |



15. 馬7.6 卒7.1 16. 馬6.4 卒7-6

Hai bên tranh giành tiên thủ.

Biến 3 :

3... 車9.1		4. 馬8.9	車9-4
5. 車9.1	馬2.3	6. 車9-4	士4.5
7. 仕4.5	卒1.1	8. 炮2-1	車8-6
9. 車1-2	車4.3	10. 兵1.1	卒1.1
11. 兵9.1	車1.5	12. 車2.7	卒9.1
13. 兵1.1	車4-9	14. 馬3.2	車9-8
15. 車2/2	馬9.8	16. 車4.4	卒7.1
17. 卒3.1	車1-8	18. 兵3-2	卒3.1
19. 炮8.4	車2-1	20. 兵2-1	

Trắng ưu hơn chút ít.

CỤC 86

ĐEN PHI TƯỢNG PHẢI ĐỐI TRẮNG SĨ GIÁC PHÁO

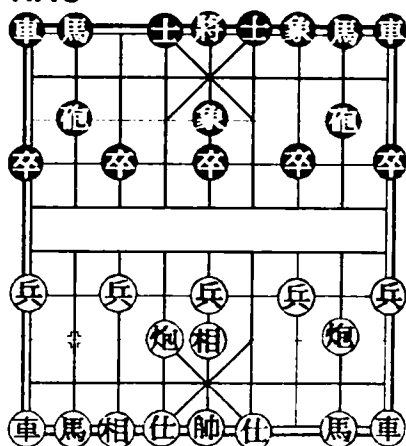
1. 相3.5 卒3.5
2. 炮8-6 (hình)

Biến 1 :

2... 卒3.1
3. 馬8.9

Phương án 1 :

3... 馬2.3
4. 車9-8 車1-2
5. 車8.4 炮2-1
6. 車8-6 炮8-6
7. 馬2.3 馬8.7
8. 兵3.1 車9-8
9. 車1-2 車8.4
11. 馬3/2 車2.1



10. 炮2-1 車8.5
12. 馬2.3 車2-8

13. 炮1/2	車8.3	14. 炮1-3	卒1.1
15. 兵9.1	炮1.3	16. 車6-4	士6.5
17. 車4.2	馬7/6	18. 車4-3	炮6-7
19. 馬9.8	Trắng chiếm ưu thế.		

Phương án 2 :

3... 炮2-4		4. 車9-8	馬2.3
5. 兵3.1	馬8.7	6. 馬2.3	炮8-9
7. 車8.6	車9-8	8. 馬3.4	車1.2
9. 仕4.5	炮9/1	10. 車1-4	車1-2
11. 車8-9	炮9-3	12. 車9-6	炮4.5
13. 炮2-6	士4.5	14. 兵9.1	卒7.1
15. 兵3.1	象5.7	16. 兵9.1	象7.5
17. 兵9.1	馬7.6	18. 車6.2	炮3/1
19. 車6-7	Trắng chiếm ưu thế.		

Biến 2 :

2... 卒7.1		3. 馬8.7	馬8.7
4. 車9-8	馬2.4	5. 馬2.3	車1-2
6. 兵7.1	車9.1	7. 仕4.5	車9-6
8. 炮2.2	炮2-3	9. 車8.9	馬4/2
10. 馬7.6	卒3.1	11. 車1-4	車6.8
12. 仕5/4	炮8.1	13. 兵7.1	象5.3
14. 兵9.1	士4.5	Thế trận cả hai bên bình ổn.	

Biến 3 :

2... 馬2.3		3. 兵7.1	卒7.1
4. 馬8.7	馬8.7	5. 車9-8	車1-2
6. 馬2.3	車9.1	7. 仕4.5	車9-6
8. 車8.6	炮8.1	9. 炮2-1	卒3.1
10. 車8/2	卒3.1	11. 車8-7	馬3.2
12. 車1-2	炮8-7	13. 車2.4	炮7.3
14. 車7.2	車2-3	15. 車7-8	車3.7

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 16. 車8.1 | 車6.3 | 17. 車8/1 | 馬2.1 |
| 18. 車2/1 | 卒7.1 | 19. 車8/2 | 車6-8 |
| 20. 車2.2 | 馬7.8 | 21. 車8-3 | |

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 87

TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN ĐẦY TỐT 7

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 象3.5 |
| 2. 馬2.3 | 卒7.1 |

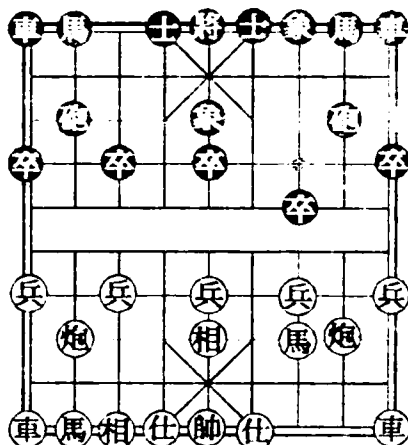
(hình)

Biến 1:

- | | |
|----------|------|
| 3. 炮8-6 | 馬2.3 |
| 4. 馬8.9 | 車1-2 |
| 5. 卒9-8 | 馬8.7 |
| 6. 兵9.1 | 炮8-9 |
| 7. 車8.4 | 車9-8 |
| 8. 車1-2 | 炮2-1 |
| 9. 炮2.6 | 車2.5 |
| 10. 馬9.8 | 卒3.1 |
| 11. 馬8.7 | 炮1-2 |
| 13. 相5.3 | 馬7.6 |
| 15. 馬4.6 | 炮2.2 |
| 17. 炮6-5 | 馬5/4 |
| 19. 仕6.5 | 士4.5 |
| 21. 炮5-2 | 車8-9 |

Biến 2:

- | | | | |
|---------|------|----------|------|
| 3. 馬8.7 | 卒3.1 | 4. 炮8-9 | 馬8.7 |
| 5. 車9-8 | 馬2.4 | 6. 車8.4 | 炮2-3 |
| 7. 兵3.1 | 馬4.6 | 8. 車1.1 | 卒3.1 |
| 9. 車8-7 | 車1-3 | 10. 兵3.1 | 馬6.5 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 14. 馬3.4 | 炮9-6 |
| 16. 馬6.4 | 馬6.5 |
| 18. 炮2/2 | 炮2/1 |
| 20. 炮2.1 | 士5/4 |

Đen không khó đi.

- | | | | |
|----------|------------------|----------|------|
| 11. 車7-6 | 馬5.7 | 12. 馬7/9 | 象7.5 |
| 13. 車1-4 | 士6.5 | 14. 炮2.4 | 炮8-9 |
| 15. 兵5.1 | 卒9-8 | 16. 炮2-4 | 馬5/7 |
| 17. 炮4-9 | Trắng dễ đi hơn. | | |

CHƯƠNG 5 PHI TƯỢNG ĐỐI ĐẨY TỐT

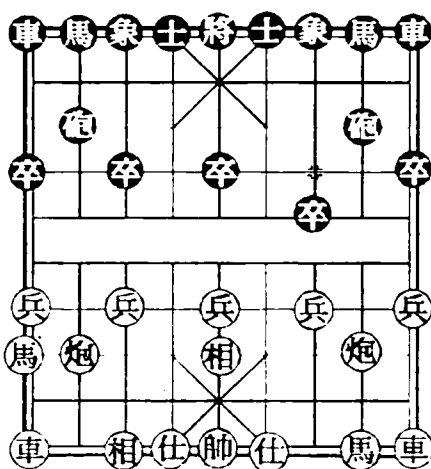
TIẾT 1 ĐEN ĐẨY TỐT 7 CỤC 88

TRẮNG TIẾN MÃ BIÊN ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ TRÁI

1. 相3.5 卒7.1
2. 馬8.9 (hình)

Biến 1:

- | | |
|-----------|------|
| 2... 馬8.7 | |
| 3. 車9.1 | 象7.5 |
| 4. 車9-3 | 馬2.1 |
| 5. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 6. 車3.3 | 炮8/2 |
| 7. 兵9.1 | 車1.1 |
| 8. 馬2.3 | 炮8-7 |
| 9. 車3-4 | 炮7.7 |
| 10. 炮8-3 | 車1-8 |
| 11. 炮2.2 | 車8.3 |
| 12. 炮2-3 | 士6.5 |



13. 車4.2 馬7.6

Trắng hơn Tốt đầu, các quân linh hoạt, có phần ưu hơn.

Biến 2:

- 2... 炮8-5 3. 馬2.4 車9.1

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 車9.1 | 車9-6 | 5. 車1-3 | 車6.4 |
| 6. 兵3.1 | 卒7.1 | 7. 車3.4 | 車6-7 |
| 8. 相5.3 | 馬2.3 | 9. 炮8-3 | 炮5-7 |
| 10. 相3/5 | 象7.5 | 11. 車9-8 | 車1-2 |
| 12. 車8.3 | 馬8.6 | 13. 炮2.6 | 炮2-1 |
| 14. 車8-4 | 士6.5 | 15. 車4.1 | 炮1/1 |
| 16. 炮2-3 | 卒3.1 | 17. 炮5-4 | 士5.6 |
| 18. 炮3-9 | 馬3/1 | 19. 車4.2 | 炮7.7 |
| 20. 仕4.5 | 馬6.4 | 21. 馬4.2 | 炮7/9 |
| 22. 馬2.3 | | | |

Trắng có các quân thông suốt, lại đang ở thế công, chiếm ưu thế.

CỤC 89

ĐEN TIẾN TỐT 7 ĐỐI TRẮNG TIẾN TỐT 7

1. 相3.5 卒7.1

2. 兵7.1 (hình)

Biến 1 :

2...炮8-6

3. 馬2.3 馬8.7

4. 車1-2 車9-8

5. 馬8.7 馬2.3

6. 馬7.6 車8.6

7. 炮8-7 象3.5

8. 車9-8 車1-2

9. 炮2/1 炮2-1

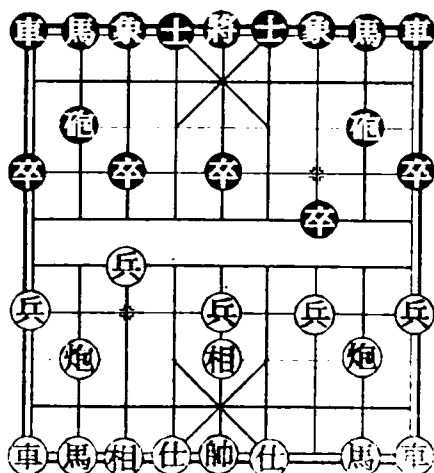
10. 車8.9 馬3/2

11. 炮2-9 車8.3

12. 馬3/2 馬2.3

14. 兵7.1 象5.3

16. 馬8.7 炮6-3



13. 炮7.4 炮1.4

15. 馬6.8 炮6.1

17. 炮9.5 象7.5

18. 馬2.4 士4.5
20. 兵1.1 炮1-7

Biến 2 :

2... 炮2-5
4. 車9-8 馬8.7
6. 炮2-3 馬7.6
8. 炮3.3 象7.5
10. 車8.1 車9-8
12. 車1-2 車1-8
14. 兵7.1 炮8-3

Biến 3 :

2... 馬8.7
4. 馬2.4 象3.5
6. 兵3.1 卒7.1
8. 車9.1 卒3.1
10. 炮2.5 炮2-8
12. 車3.3 炮8-9
14. 兵7.1 車3.3
16. 馬4.6 馬2/3
18. 馬7.8 車4.2

19. 馬7/5 馬7.6
Hai bên trận thế cân bằng.

3. 馬8.7 馬2.3
5. 炮8-9 炮8.2
7. 馬2.4 炮5-8
9. 炮3/1 炮s-6
11. 車8-6 車1.1
13. 車2.2 卒3.1
Đen không khó đi.

3. 馬8.7 車9.1
5. 車1-3 馬2.4
7. 車3.4 馬7.8
9. 車9-6 車1-3
11. 車6.4 馬8.9
13. 兵7.1 馬4.2
15. 馬7.8 車3/1
17. 馬6.7 車3-4
19. 馬s.6

Bên Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 90

ĐEN ĐẨY TỐT 7 ĐỐI TRẮNG TIẾN MÃ TRÁI

1. 相3.5 卒7.1 2. 馬8.7 (hình)

Biến 1 :

2... 炮8-6 3. 兵7.1 馬8.7
4. 馬2.3 車9-8 5. 車1-2 炮2-5
6. 馬7.6 馬2.3 7. 車9.1 車1-2
8. 炮8-7 車8.3 9. 車9-4 士4.5
10. 仕4.5 車2.4 11. 車4.3 卒5.1

- | | |
|----------|------|
| 12. 馬6.7 | 車8-4 |
| 13. 炮2.4 | 卒5.1 |
| 14. 車4-5 | 馬7.6 |
| 15. 炮2/1 | 馬3.5 |
| 16. 炮2.1 | 馬5/7 |
| 17. 炮2/5 | 車6.1 |

Bên Đen dễ đi hơn.

Biến 2 :

2... 馬8.7

- | | |
|----------|------|
| 3. 車9.1 | 卒7.5 |
| 4. 馬2.4 | 馬2.1 |
| 5. 兵7.1 | 車1.1 |
| 7. 車1.1 | 士6.5 |
| 9. 車6.3 | 炮8/2 |
| 11. 炮8-6 | 炮4.5 |
| 13. 車6-2 | 炮8-6 |
| 15. 車2.5 | 馬7/8 |

Biến 3 :

2... 馬2.1

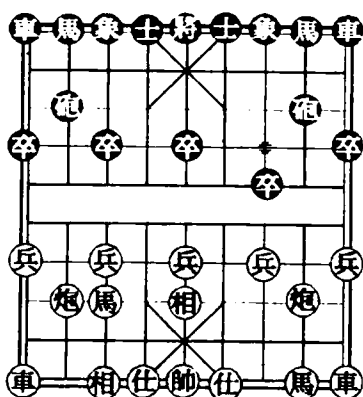
- | | |
|----------|------|
| 4. 車9.1 | 車1.1 |
| 6. 車4.3 | 炮8-9 |
| 8. 馬2.3 | 車1-8 |
| 10. 仕4.5 | 卒1.1 |
| 12. 兵3.1 | 車8-7 |
| 14. 車4.5 | 士5/6 |

Đen rộng đường đi hơn.

Biến 4 :

2... 炮8-4

- | | |
|---------|------|
| 4. 車9.1 | 車9-8 |
| 6. 車1-2 | 馬2.1 |
| 8. 炮8-9 | 卒3.1 |



- | | |
|----------|------|
| 6. 車9-6 | 車1-6 |
| 8. 仕4.5 | 卒1.1 |
| 10. 馬7.8 | 炮2-4 |
| 12. 炮2-6 | 車6.3 |
| 14. 馬4.2 | 車9-8 |

Thế trận hai bên cân bằng.

- | | |
|----------|------|
| 3. 兵7.1 | 卒7.5 |
| 5. 車9-4 | 馬8.7 |
| 7. 馬7.8 | 炮2-4 |
| 9. 車1-2 | 車8.3 |
| 11. 兵3.1 | 士6.5 |
| 13. 炮2-1 | 車9-6 |
| 15. 炮1/1 | 車7-4 |

- | | |
|---------|------|
| 3. 兵7.1 | 馬8.7 |
| 5. 馬2.4 | 象3.5 |
| 7. 兵9.1 | 車1-3 |
| 9. 車9-8 | 炮2-3 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 兵7.1 | 象5.3 | 11. 馬7.6 | 車8.5 |
| 12. 兵3.1 | 卒7.1 | 13. 炮2-3 | 車8.4 |
| 14. 馬4/2 | 象3/5 | 15. 兵9.1 | 卒7-6 |
| 16. 兵9.1 | 馬1/3 | 17. 炮3/1 | 卒6-5 |
| 18. 兵5.1 | 炮3.4 | 19. 車8.6 | 炮4.2 |
| 20. 馬6.8 | 炮3/2 | 21. 馬8.7 | 炮4-6 |
| 22. 炮3.5 | | | |
- Trắng chiếm ưu thế.

TIẾT 2 ĐEN ĐẨY TỐT 3

CỤC 91

TRẮNG BÌNH PHÁO LỘ 7 ĐỐI ĐEN MÃ QUY
BIÊN (1)

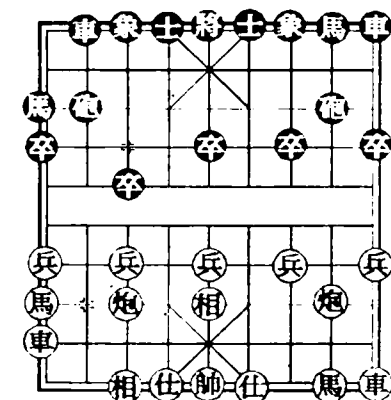
- | | |
|----------------|------|
| 1. 相3.5 | 卒3.1 |
| 2. 炮8-7 | 馬2.1 |
| 3. 馬8.9 | 車1-2 |
| 4. 車9.1 (hình) | |

Biến 1 :

4... 炮8-5

Phương án 1 :

- | | |
|----------|------|
| 5. 車9-6 | 卒1.1 |
| 6. 車6.3 | 炮5.4 |
| 7. 仕4.5 | 炮5-1 |
| 8. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 9. 車6-7 | 象7.5 |
| 11. 馬4.5 | 馬8.7 |
| 13. 馬5.4 | 車9-7 |
| 15. 炮2.3 | 車7-6 |
| 17. 炮7.7 | 象5/3 |
| 19. 馬3/5 | 車2.3 |



- | | |
|----------|------|
| 10. 馬2.4 | 炮2-4 |
| 12. 車1-4 | 士6.5 |
| 14. 車4.3 | 炮1/1 |
| 16. 車4/3 | 卒7.1 |
| 18. 馬4.3 | 車6-7 |
| 20. 馬5.4 | 車2-3 |

21. 炮2.4 車7.1

22. 車7-2

Bên Trắng chiếm ưu thế

Phương án 2 :

5. 車9-4 炮5.4

6. 仕4.5 馬8.7

7. 兵9.1 車9-8

8. 車4.3 炮5/2

9. 馬2.4 象7.5

10. 馬4.5 炮2-4

11. 馬5.4 卒7.1

12. 馬4.3 炮4-7

13. 車4.2 車2.3

14. 車4-3 炮7/2

15. 車1-4 車8.5

16. 車4.5 馬1/3

17. 兵7.1 卒3.1

18. 炮2-4

Bên Trắng dễ đi hơn.

Biến 2 :

4...炮8-4

5. 兵9.1 馬8.7

6. 車9-6 士4.5

7. 馬2.4 車9-8

8. 車1-2 車8.5

9. 兵3.1 車8.1

10. 車2-3 象3.5

11. 車3.3 車8/2

12. 車3-4 炮2.5

13. 車6.3 車2.6

14. 炮7-6 卒3.1

15. 車6-7 車2/2

16. 車4.1 炮2-3

17. 車7-8 馬1.3

18. 車8.1 車8-2

19. 炮6.4

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3 :

1. 相3.5 卒3.1

2. 炮8-7 馬2.1

3. 馬8.9 車1-2

4. 車9.1 卒1.1

5. 兵3.1 馬1.2

6. 馬2.3 馬8.7

7. 馬3.4 炮8/1

8. 車9-6 象3.5

9. 炮2-3 炮8-1

10. 車1-2 車9.1

11. 炮3.4 車2.1

12. 兵3.1 車9-4

13. 馬4.6 馬2/3

14. 馬6.5 象7.5

15. 車6-3 卒1.1

16. 炮3-2 卒1.1

17. 兵3.1 馬7/8 18. 兵7.1 炮1.6
Đen chiếm ưu thế quá rõ.

CỤC 92 TRẮNG BÌNH PHÁO LỘ 7 ĐỐI ĐEN MÃ QUY BIÊN (2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 卒3.1 |
| 2. 炮8-7 | 馬2.1 |
| 3. 馬8.9 | 車1-2 |
| 4. 兵9.1 | 炮8-5 |
| 5. 車9.1 | 馬8.7 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|---------|------|
| 6. 車9-6 | 炮5.4 |
| 7. 仕4.5 | 象7.5 |

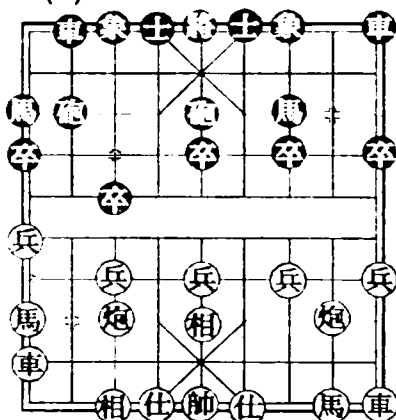
Phương án 1 :

- | | |
|----------|------|
| 8. 馬2.4 | 炮5/2 |
| 9. 車6.3 | 士6.5 |
| 11. 車1-4 | 車2.3 |
| 13. 馬4/2 | 車8-7 |
| 15. 兵3.1 | 車7-8 |
| 17. 車6-3 | 炮5.1 |

Bên Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

- | | |
|----------|------|
| 8. 車6.3 | 炮5/2 |
| 10. 馬3.5 | 炮2-3 |
| 12. 馬5.4 | 車8.6 |
| 14. 馬4.3 | 炮3-7 |
| 16. 車5/1 | 卒1.1 |
| 18. 炮4.1 | 車8-7 |



- | | |
|----------|------|
| 10. 馬4.5 | 炮2-4 |
| 12. 馬5.4 | 車9-8 |
| 14. 馬2.3 | 馬1/3 |
| 16. 兵3.1 | 馬3.4 |
| 18. 車4.3 | |

20. 炮5.1 車2.3

21. 炮7.3

Bên Trắng có thể thắng rõ.

Biến 2:

6. 車9-4 車9-8

8. 仕4.5 卒3.5

10. 馬2.1 車8.6

12. 車4-5 車5-4

14. 馬1/2 車2.3

16. 兵3.1 卒7.1

18. 車3-4 馬6/7

20. 車6-3 馬7.6

22. 車4/1 車8/4

7. 車4.3 車5.4

9. 兵1.1 卒4.5

11. 炮2-3 車2-4

13. 車1-2 車8.3

15. 馬2.1 卒7.1

17. 車5-3 馬7.6

19. 車4-6 卒t-8

21. 車3-4 馬6/7

23. 車4.3

Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 93

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ PHẢI

1. 相3.5 卒3.1

2. 兵3.1 馬2.3

3. 馬2.3 (hình)

Biến 1:

3... 馬8.9

4. 馬8.7 車9.1

5. 車9.1 卒7.1

6. 兵3.1 車9-7

7. 馬3.4 車7.3

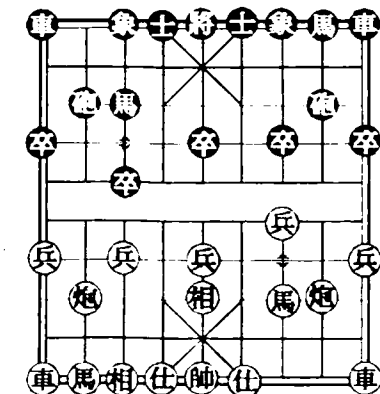
8. 車1-3 車7.5

9. 相5/3 車1.1

10. 炮2-5 車8.5

12. 馬3.4 車8.1

14. 馬3.4 車8-3



11. 馬4/3 車8/1

13. 馬4/3 車8/1

15. 車9-6 車3.3

16. 仕6.5

Đen không khó đi.

Biến 2 :

3... 象7.5

4. 馬8.9 車1.1

Phương án 1 :

5. 炮2-1	馬8.6	6. 車9.1	車9-7
7. 車9-4	卒7.1	8. 兵3.1	車7.4
9. 炮1/1	馬3.4	10. 炮1-3	車7-8
11. 炮8.3	車8.3	12. 馬3/5	馬4/3
13. 炮8/3	車8/4	14. 炮3.8	士6.5
15. 炮3-1	馬6.7	16. 炮8.4	卒9.1
17. 炮8-7	車8-9	18. 車1-2	馬3/2
19. 車4.5	車9/3	20. 車4-3	卒5.1
21. 炮7-8	Trắng dễ đi hơn		

Phương án 2 :

5. 車9.1	車1-6	6. 車9-7	車6.3
7. 兵7.1	卒3.1	8. 車7.3	馬3.4
9. 仕4.5	馬8.6	10. 車1-4	車6.5
11. 仕5/4	馬4/2	12. 車7/2	炮2.5
13. 車7-8	馬2/4	14. 車8.2 馬4.3	
15. 車8-4	馬6.4	16. 車4.2 士6.5	

Đen đủ khả năng kháng cự.

CHƯƠNG 6 PHI TƯỢNG ĐỐI BIÊN MÃ

TIẾT 1 ĐEN BIÊN MÃ PHẢI

CỤC 94

TRẮNG TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 3

1. 相3.5 馬2.1
2. 馬8.7 卒3.1
3. 兵3.1 (hình)

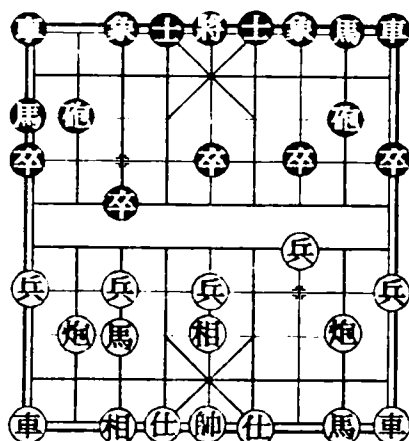
Biến 1:

3... 象7.5

4. 馬2.3 車1.1

Phương án 1:

5. 馬3.4 馬8.6
6. 車9.1 炮8.3
7. 車9-4 炮8-6
8. 車4.3 車9-8
9. 炮2-4 馬6.4
10. 車1.1 士6.5
12. 車6.5 車1-2
14. 車6/3 炮3.2
16. 炮6.5 炮4/6
18. 炮4/1 車2/2
20. 炮4.1 卒1.1



11. 車1-6 炮2-3
13. 馬7/5 炮3.4
15. 炮8-6 炮3-4
17. 車6.3 車2.7
19. 馬5.7 車2-3
21. 車6-5 卒9.1

Thế trận cả hai bên đều bình ổn.

Phương án 2:

5. 炮8-9 卒7.1
7. 車9-8 車7.3
9. 車8.4 馬8.7
11. 馬2.3 象5.7
13. 車3.5 車9.2
15. 兵1.1 車9-8
17. 仕6.5 炮5.4
19. 車3-6 炮5/2
21. 兵7-6 炮5-7
6. 兵3.1 車1-7
8. 馬3.4 炮2-4
10. 馬4/2 炮8.5
12. 車1-3 炮8-3
14. 兵7.1 炮3/1
16. 兵7.1 炮4-5
18. 車8.3 象3.5
20. 車6/2 炮3/1
22. 車8-5

Trắng có thể thắng rõ.

Biến 2:

3...♙1.1		4. ♘8-9	♚7.5
5. ♖9-8	♙2-3	6. ♖8.4	♙1-6
7. ♘2.3	♘8.7	8. ♙7.1	♘8.2
9. ♘2-1	♙3.1	10. ♖8-7	♙3.5
11. ♖7/2	♙6.3	12. ♖1-2	♙1.1
13. ♖7.2	♙6.5	14. ♘1/1	♙9-6
15. ♘1-7	♘1.2	16. ♖7-8	♘2/3
17. ♘9-7	Trắng dễ đi hơn.		

Biến 3 :

3...♘2-3		4. ♘2.3	♙1-2
5. ♖9-8	♙3.1	6. ♘5.7	♘1.3
7. ♘8-9	♙2.9	8. ♘7/8	♘8-5
9. ♘7/5	♘3.4	10. ♖1.1	♘8.7
11. ♖1-4	♙9-8	12. ♘2.2	♘4.3
13. ♘9.4	♘3/5	14. ♖4.2	♘3-4
15. ♘3.5	♘5.4	16. ♖4-5	♙8.5
17. ♙7.1	♙7.5	18. ♘8.7	♙8/1
19. ♙9.1	♙6.5	Đen không khó đi.	

Biến 4 :

3...♘8-3		4. ♘2.3	♙3.1
5. ♘5.7	♘2.3	6. ♘3/5	♘8.7
7. ♘7/5	♘2.1	8. ♙7.1	♘2-3
9. ♘8.5	♘s/1	10. ♖1-2	♙1-2
11. ♖9-8	♙9-8	12. ♘2.4	

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 95 TRẮNG TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN BÌNH PHÁO LỘ 3

1. ♘3.5	♘2.1	2. ♘8.7	♘2-3
---------	------	---------	------

3. 車9-8 車1-2
(hình)

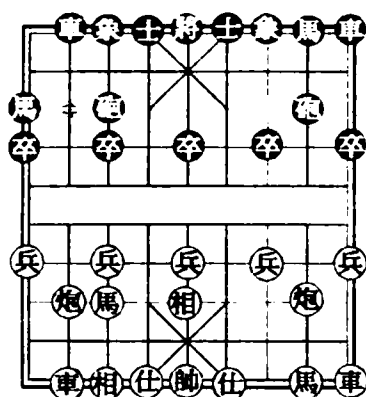
Biến 1 :

4. 炮8.4 卒3.1
5. 兵3.1 卒7.5
6. 馬2.3 卒3.1
7. 相5.7 車2.1
8. 馬3.4 車2-6
9. 馬4.5 車3-2
10. 炮8-6 車6.6
11. 炮2.7 車9-8
12. 相7.5 車2-4
13. 車8.6 卒1.1
14. 兵5.1 車5-6
15. 兵5.1 車6-5
16. 馬7.5 車6.4
17. 馬5.4 車2.4

Biến 2 :

4. 兵3.1 車2.4
5. 馬2.3 馬8.7
6. 兵3.1 車6-7
7. 車1.1 卒7.5
8. 車6.4 卒8.3
9. 車3-9 卒2/1
10. 炮2-4 炮2-6
11. 車9-3 馬1/3

Bên Trắng tiên thủ.



13. 車1-2 車6/3
15. 炮6/5 車6-5
17. 車2.3 士6.5
19. 炮6-5 卒5-6
21. 馬t/6 車8-6

Trắng dễ đi hơn.

5. 炮8-9 車2-6
7. 車8.4 卒7.1
9. 馬3.4 卒1.1
11. 車1-6 士6.5
13. 車6-3 卒8-2
15. 車9/1 車9-8
17. 馬4.6 卒3-4
19. 馬6.4

CỤC 96

ĐEN TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI TRẮNG TIẾN MÃ TRÁI

1. ③3.5 ⑤2.1
2. ④8.7 (hình)

Biến 1 :

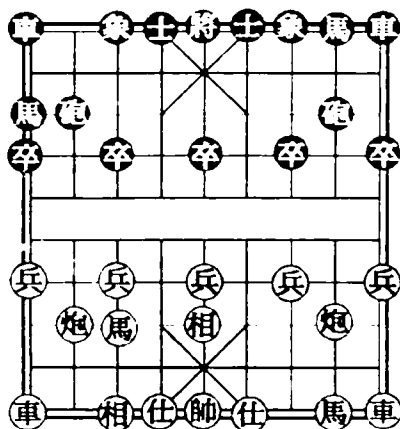
- 2... ④8-4
3. ④2.3 ⑤8.7
4. ③1-2 ⑥9-8
5. ④2.4 ④2-3
6. ④8.2 ⑥1-2
7. ④8-5 ③7.5
8. ④2-5 ⑤6.5
9. ③2.9 ④7/8
10. ③9-8 ④8.7
11. ④t-9 ⑥2.9
12. ③3.1 ③7.1
13. ④8.9 ④3-4
14. ③3/5 ③3.1
15. ④9-8 ④s.2

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- | | | |
|-----------|---------|------|
| 2... ③7.5 | 3. ③7.1 | ⑥1.1 |
| 4. ③9.1 | ③7.1 | ③3.1 |
| 6. ③7.1 | ⑥1-3 | ⑥3.3 |
| 8. ③9-4 | ④8.7 | ⑤6.5 |
| 10. ③4.5 | ③1.1 | ⑥9-6 |
| 12. ③4.5 | ⑤5/6 | ⑤4.5 |
| 14. ③4.4 | ④1.2 | ⑥3-2 |
| 16. ③3.1 | | |

Thế trận hai bên cân bằng.



12. ④7/8 ③7.1
14. ③5.3 ④3.4
16. ④9/7 ④t/1
18. ③9.1 ④7.6
20. ④5.2

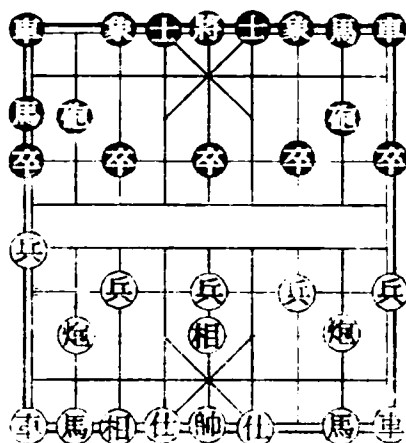
CỤC 97

ĐEN TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI TRẮNG ĐẨY TỐT BIÊN

1. 相3.5 2. 2.1
2. 兵9.1 (hình)

Biến 1:

- 2... 卒7.1
3. 馬8.9 馬8.7
4. 車9.1 炮2-5
5. 車9-4 車1-2
6. 仕4.5 車2.4
7. 車4.5 炮5-4
8. 兵3.1 象7.5
9. 車4/2 卒7.1
10. 車4-3 士6.5
11. 馬9.8 車2-5
13. 兵9.1 車5-1
15. 車4.9 士5/6
17. 馬3.4



12. 馬2.3 卒1.1
14. 車1-4 車9-6
16. 炮2-1 炮8-9

Trắng dễ đi hơn.

Biến 2:

- 2... 炮8-5 3. 馬2.3 馬8.7
4. 車1-2 車9-8 5. 馬8.9 車1.1
6. 車9.1 車1-4 7. 炮2.4 卒5.1
8. 炮8.4 卒5.1 9. 兵5.1 車4.5
10. 兵5.1 炮2-4 11. 兵3.1 車4/2
12. 兵5.1 炮5/1 13. 炮8.1 馬7/9
14. 炮2.1 炮4.7 15. 炮2.1

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3:

- 2... 炮2-3 3. 馬8.9 車1-2
4. 車9-8 炮8-4 5. 炮2.2 車2.6
6. 炮2-1 馬8.9 7. 馬2.3 車9-8
8. 仕4.5 象7.5 9. 炮1-7 炮3.3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 10. 兵7.1 | 車8.6 | 11. 兵3.1 | 炮4.3 |
| 12. 炮8-6 | 車2.3 | 13. 馬9/8 | 炮4-1 |
| 14. 車1-4 | 卒9.1 | 15. 馬8.7 | 士4.5 |
| 16. 車4.6 | 卒5.1 | 17. 車4-5 | 車8-7 |
| 18. 車5/1 | 卒7.1 | 19. 兵3.1 | 車7/2 |
| 20. 車5-3 | 卒5.7 | | |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 4:

- | | | |
|-----------|---------|------|
| 2... 卒3.1 | 3. 兵3.1 | 炮8-3 |
| 4. 馬2.3 | 卒3.1 | 炮2.3 |
| 6. 馬3/5 | 馬8.7 | 炮2.1 |
| 8. 兵7.1 | 炮2-3 | 炮s/1 |
| 10. 車1-2 | 車1-2 | 車9-8 |
| 12. 炮2.4 | | |

Đền rộng đường đi hơn.

CỤC 98

ĐEN TIẾN MÃ PHẢI ĐỔI TRẮNG ĐẮT TỐT 3

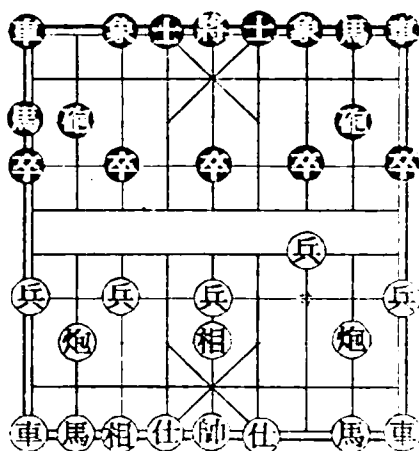
1. 相3.5 馬2.1
2. 兵3.1 (hình)

Biến 1:

2... 炮2-3

Phương án 1:

- | | |
|----------|------|
| 3. 馬8.9 | 卒1.1 |
| 4. 車9-8 | 車1-2 |
| 5. 炮8.4 | 炮8-5 |
| 6. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 7. 炮2.4 | 車9.1 |
| 8. 炮2-5 | 士6.5 |
| 9. 炮5/2 | 車9-6 |
| 10. 仕4.5 | 車6.3 |
| 12. 車4.4 | 卒7.1 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 車1-4 | 車6-5 |
| 13. 兵3.1 | 炮5.3 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 14. 兵5.1 | 車5-7 | 15. 車4-3 | 車7-2 |
| 16. 車8.5 | 馬1.2 | 17. 炮8-9 | 馬7.5 |
| 18. 兵5.1 | 車2.3 | 19. 炮9.3 | |

Trắng nhiều Tốt, dễ đi hơn.

Phương án 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. 馬8.7 | 車1-2 | 4. 車9-8 | 車2.4 |
| 5. 炮8-9 | 車2-6 | 6. 馬2.3 | 卒1.1 |
| 7. 仕4.5 | 炮8-6 | 8. 兵7.1 | 卒7.1 |
| 9. 兵3.1 | 車6-7 | 10. 馬7.6 | 車7-5 |
| 11. 車1-4 | 士6.5 | 12. 車4.6 | 馬7.5 |
| 13. 車4-5 | 車5/1 | 14. 馬6.5 | 馬8.6 |
| 15. 馬3.4 | 炮3-4 | 16. 兵5.1 | 車9-8 |
| 17. 車8.3 | 炮6-9 | 18. 兵5.1 | 車8.5 |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- | | | | |
|-----------|------|----------|------|
| 2... 卒7.5 | | 3. 炮2-4 | 車1.1 |
| 4. 馬2.3 | 車1-6 | 5. 車1-2 | 馬8.9 |
| 6. 仕4.5 | 炮8-7 | 7. 炮4/2 | 車9-8 |
| 8. 車2.9 | 馬9/8 | 9. 馬8.7 | 卒7.1 |
| 10. 兵7.1 | 卒7.1 | 11. 相5.3 | 卒3.1 |
| 12. 相3/5 | 卒3.1 | 13. 相5.7 | 車6.5 |
| 14. 相7/5 | 車6-7 | 15. 馬3/1 | 炮2-3 |

Đen rộng đường đi hơn.

TIẾT 2 ĐEN MÃ BIÊN TRÁI

CỤC 99

TRẮNG PHI TƯỢNG PHẢI ĐỐI ĐEN MÃ BIÊN TRÁI

1. 相3.5 馬8.9

(hình)

Biến 1 :

2. 馬2.3

Phương án 1 :

2...炮8-7

3. 車1-2 車9-8

4. 兵7.1 車8.4

5. 炮2-1 車8-4

6. 馬8.7 馬2.3

7. 車2.4 卒3.1

8. 兵7.1 車4-3

9. 馬7.6 卒9.1

10. 車9.1 象3.5

11. 車9-4 士4.5

13. 車4-7 炮2-8

15. 車1/1 車1-2

17. 馬6.4 炮7-6

19. 馬4.6 車2.1

21. 炮1/1 炮t/1

23. 馬6/7

Bên Trắng có quân linh hoạt, lại hơn

Tốt, chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

2...卒3.1

4. 馬8.7 炮8-6

6. 仕4.5 士4.5

8. 炮8-9 炮2.1

10. 車8.4 馬9/7

12. 馬2.3 炮3-7

14. 車8.5 馬3/2

16. 炮t.3 卒3.1

18. 兵9.1 馬7.8

3. 兵3.1

5. 馬3.2

7. 車1-4

9. 車9-8

11. 炮2-3

13. 炮3.4

15. 炮3-9

17. 兵7.1

19. 馬7.6

馬2.3

象3.5

卒9.1

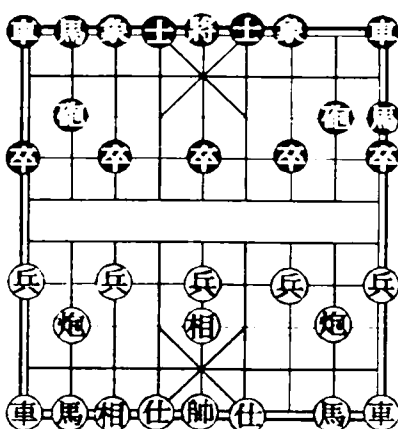
炮2-3

車9-8

車1-2

馬2.3

車8.4



12. 車4.4

14. 車7-1

16. 炮8-6

18. 車1-7

20. 兵3.1

22. 車7-8

炮2.3

炮8/1

炮8-4

馬9/7

炮4-6

車2-1

Trắng dễ đi hơn.

Phương án 3 :

2... 象3.5		3. 馬8.9	馬2.3
4. 炮8-7	卒7.1	5. 車9-8	車1-2
6. 車8.4	炮2-1	7. 車8-4	車9.1
8. 仕4.5	車9-7	9. 兵9.1	士4.5
10. 炮2-1	車7.2	11. 車1-2	卒3.1
12. 車2.4	炮8-7	13. 車4-8	車2.5
14. 車2-8	炮1/2	15. 兵1.1	卒5.1
16. 兵5.1	卒5.1	17. 車8-5	車7-5
18. 車5.2	馬3.5	19. 炮1.4	馬5.4

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

2. 兵7.1

Phương án 1 :

2... 象3.5		3. 馬8.7	馬2.3
4. 馬2.3	炮8-6	5. 車1-2	車9-8
6. 炮8-9	車8.4	7. 車9-8	車1-2
8. 炮2-1	車8-4	9. 車8.6	士4.5
10. 車2.4	卒9.1	11. 仕4.5	炮2-1
12. 車8.3	馬3/2	13. 馬7.6	馬2.3
14. 炮9-6	車4-8	15. 車2.1	馬9.8
16. 兵3.1	炮1.4	17. 炮1.3	炮1-9

Thế trận hai bên cân bằng.

Phương án 2 :

2... 炮8-6		3. 馬2.3	車9-8
4. 車1-2	卒8.4	5. 炮2-1	車8-4
6. 馬8.7	卒2.3	7. 車2.4	象3.5
8. 仕4.5	卒4.5	9. 兵1.1	車1-4
10. 炮8-9	卒2.4	11. 車9-8	炮2-3

Đen rộng đường đi hơn

Biến 3 :

2. 馬8.9

Phương án 1 :

2... 炮2-6

4. 車9-4 士4.5

6. 馬2.1 車9-8

8. 車4-2 車8-7

10. 仕4.5 車1-2

12. 炮8-6 象3.5

14. 炮6-3 炮7.5

16. 相7.9 車2-3

18. 兵1.1 卒9.1

20. 車1/1 馬3.5

3. 車9.1

5. 兵1.1

7. 車4.3

9. 炮2-3

11. 兵9.1

13. 車2.4

15. 馬1.3

17. 馬3.4

19. 車1.5

21. 車1-8

炮2.3

炮8-7

車8.6

車7/2

車2.6

車7.3

炮7-1

卒5.1

象5.7

炮6-4

Thế trận hai bên cân bằng.

Phương án 2 :

2... 炮8-7

4. 兵1.1 馬2.3

6. 車9-4 卒9.1

8. 車1-2 象3.5

10. 車4.4 車9.2

12. 兵7.1 車4.6

14. 炮8-7 車5/2

16. 車4-5 卒5.1

3. 車9.1

5. 馬2.1

7. 兵1.1

9. 馬1.2

11. 炮2-3

13. 仕4.5

15. 兵9.1

車9-8

車8.4

車8-9

士4.5

車1-4

車4-5

炮2.2

Đen dễ đi hơn.

CHƯƠNG 7

PHI TƯỢNG ĐỘI PHÁO ĐẦU

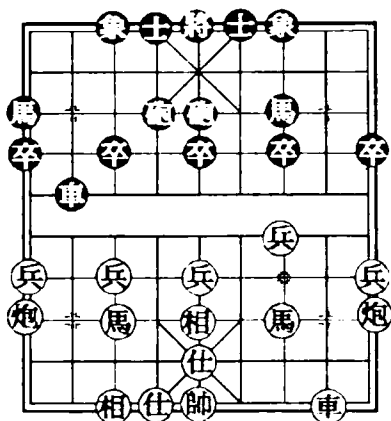
TIẾT 1

ĐEN PHÁO ĐẦU BÊN TRÁI CỤC 100

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO LỘ 4.

LỘ 5 (1)

- | | |
|-----------------|------|
| 1. 相3.5 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 車9-8 |
| 4. 馬8.7 | 馬2.1 |
| 5. 兵3.1 | 炮2-4 |
| 6. 車9-8 | 車1-2 |
| 7. 仕4.5 | 車2.4 |
| 8. 炮8-9 | 車2.5 |
| 9. 馬7/8 | 車8.4 |
| 10. 炮2-1 | 車8-2 |
| 11. 馬8.7 (hình) | |



Biến 1 :

11... 卒1.1

12. 車2-4

Phương án 1 :

12... 卒7.1

13. 車4.4 炮4-3

14. 兵7.1 炮5-4

15. 馬7.6 象3.5

16. 馬3.2 卒7.1

17. 車4-3 車2-8

18. 炮1-2 車8-5

19. 兵9.1 馬1.2

20. 兵9.1 馬2.4

21. 車3-6 炮4.2

22. 兵9-8

Bên Trắng ưu hơn chút ít.

Phương án 2 :

12... 炮5/1

13. 兵7.1 炮5-3

14. 馬7.6 卒7.1

15. 兵3.1 車2-7

16. 馬3.2 卒3.1

17. 炮9.3 卒3.1

18. 馬2.4 馬1.2

19. 馬6/4 車7.3

20. 馬s.2 車7.1

21. 相7.9 馬7.6

22. 馬2.4 卒3-4

Bên Trắng có phần ưu hơn .

Biến 2 :

11... 炮5/1

12. 兵7.1 炮5-3

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 13. 馬3.4 | 卒3.1 | 14. 車2.5 | 象3.5 |
| 15. 車2-6 | 車2/2 | 16. 兵7.1 | 象4-3 |
| 17. 兵7.1 | 炮t.5 | 18. 兵7-8 | 象s.8 |
| 19. 相5/7 | 車2.1 | 20. 車6.2 | 馬1/2 |
| 21. 馬4.6 | 炮3/3 | 22. 馬6.5 | 象7.5 |
| 23. 車6-5 | 士6.5 | 24. 車5-3 | |

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3:

- | | | |
|------------|----------|------|
| 11... 炮4-3 | 12. 車2-4 | 車2-8 |
| 13. 馬3.4 | 炮3.4 | 象5-4 |
| 15. 車4.4 | 卒1.1 | 士6.5 |
| 17. 炮1-3 | 車8.2 | 象7.5 |
| 19. 炮9.1 | 車8.1 | 卒3.1 |
| 21. 仕5/4 | 馬1.3 | 象4-3 |
| 23. 炮9.3 | | |

Trắng dễ đi hơn.

CỤC 101

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO LỘ 4, LỘ 5 (2)

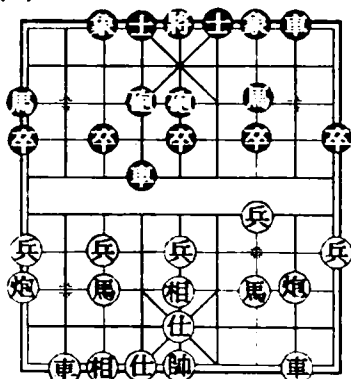
- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 車9-8 |
| 4. 馬8.7 | 馬2.1 |
| 5. 兵3.1 | 炮2-4 |
| 6. 車9-8 | 車1-2 |
| 7. 仕4.5 | 車2.4 |
| 8. 炮8-9 | 車2-4 |

(hình)

Biến 1:

- | | |
|---------|------|
| 9. 炮2.1 | 卒1.1 |
|---------|------|

- | |
|----------|
| 10. 車8.4 |
|----------|



Phương án 1 :

10... 卒5/1		11. 兵3.1	卒7.1
12. 車2-4	車4-2	13. 車8.1	馬1.2
14. 炮2-3	卒7.5	15. 兵7.1	卒5-8
16. 炮9.3	卒8.6	17. 車4-2	卒7.1
18. 炮3.4	卒4-7	19. 馬3/4	車8.5
20. 仕5.4	卒7.1	Đen chiếm ưu thế.	

Phương án 2 :

10... 士6.5		11. 車8-4	卒5-6
12. 兵7.1	卒7.5	13. 車4/4	卒7.1
14. 馬3.4	車4-5	15. 車4-3	卒5-6
16. 馬4/6	車6-4	17. 馬6.8	卒7.1
18. 車3.4	卒6/2	19. 炮2.5	車4-8
20. 車2.5	馬7.8	21. 炮2-1	馬8/7
22. 炮1-4	卒6-7	23. 車3-5	車8.4

Thế trận hai bên bình ổn.

Biến 2 :

9. 兵9.1	卒1.1	10. 兵9.1	車4-1
11. 炮2.4	卒7.1	12. 車8.4	士6.5
13. 炮2-3	車8.9	14. 馬3/2	卒7.9
15. 車8-4	Trắng dễ đi hơn.		

Biến 3 :

9. 車8.4

Phương án 1 :

9... 車8.6		10. 兵9.1	卒4-3
11. 兵7.1	車8-7	12. 馬3/4	卒7.1
13. 兵3.1	車7/2	14. 炮9.4	卒7-8
15. 車2.1	車4-7	16. 炮2.2	士6.5
17. 炮2-3	車8.4	18. 馬4.2	車7-8
19. 馬2.4	卒3.1	20. 炮3/4	卒5.1
21. 馬4.3	車8.5	22. 炮9-3	馬7/8

23. 炮s-4 5-7 24. 炮3-4 7.5
 25. 馬7.6 Trắng dễ đi hơn

Phương án 2 :

9... 卒1.1 10. 炮2.4 卒7.1
 11. 炮2-3 車8.9 12. 馬3/2 卒7.9
 13. 馬2.3 車4.2 14. 兵3.1 車4-3
 15. 車8-7 車3/1 16. 相5.7 卒9.7
 17. 馬7.6 卒3.1 18. 相7/5 炮4-3
 19. 炮9.3 卒3.1 Hình thành cục diện giằng co.

Biến 4 :

9. 炮2.4 卒7.1 10. 車8.4 卒1.1
 11. 馬3.4 車4-6 12. 兵3.1 車6-7
 13. 車8-6 士6.5 14. 兵7.1 車7-6
 15. 馬4/3 車6-7 16. 馬7.8 馬1.2
 17. 兵7.1 卒3.1 18. 車6.1 車7-4
 19. 馬8.6 馬7.6 20. 馬6.4 馬6/8
 21. 車2.6 車8.3 22. 馬4.3 將5-6
 23. 馬t/2 Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 102

**TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO LỘ 4,
 LỘ 5 (3)**

1. 相3.5 炮8-5 2. 馬2.3 馬8.7
 3. 車1-2 車9-8 4. 馬8.7 馬2.1
 5. 兵3.1 炮2-4 6. 車9-8 車1-2
 7. 仕4.5 車2.4 8. 炮8-9 車2-6

(hình)

Biến 1 :

9. 車8.4 車8.6 10. 兵9.1 卒1.1
 11. 炮9.3 車8-7
 12. 馬3/4 車6-8

13. 車8-6 士6.5
 14. 兵3.1 車8/1
 15. 兵3.1 車7/3
 16. 炮2.2 炮5-6
 17. 車2.1 象7.5
 18. 車6.1

Trắng dễ đi hơn.

Biến 2 :

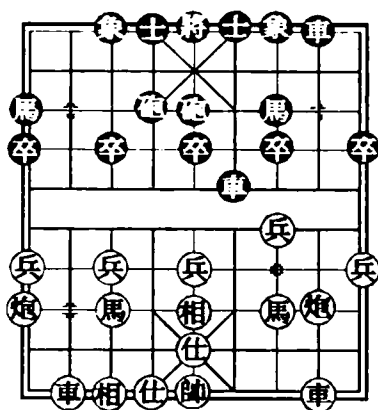
9. 兵9.1 士6.5
 10. 炮2.2 炮5-6
 11. 車8.4 象7.5
 12. 炮9.4 卒7.1
 14. 炮2-3 車8.9
 16. 馬2.3 馬1/3
 18. 炮3/4 車8.1
 20. 炮9/1 車8-6
 22. 炮4.5 卒3.1

Tắng ưu thế hơn chút ít.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. 炮2.4 | 卒7.1 | 10. 車8.4 | 卒1.1 |
| 11. 炮2-3 | 車8.9 | 12. 馬3/2 | 象7.9 |
| 13. 馬2.3 | 士6.5 | 14. 車8-4 | 車6-4 |
| 15. 兵7.1 | 馬1.2 | 16. 炮3-7 | 象3.1 |
| 17. 兵9.1 | 馬2/3 | 18. 炮9.3 | 士5/6 |
| 19. 馬3.2 | 卒7.1 | 20. 車4-3 | 車4-8 |
| 21. 馬7.6 | 士4.5 | 22. 馬6.4 | 車8-6 |
| 23. 車3.3 | 車6-1 | 24. 車3-5 | |

Trắng nhiều Tốt hơn, chiếm ưu.



13. 兵3.1 車6-7
 15. 馬3/2 馬7.6
 17. 馬3.4 車7-8
 19. 炮3-4 炮4.1
 21. 車8-4 炮6.3
 23. 炮9.1

CỤC 103

TRẮNG TIẾN TỐT 3 ĐỐI ĐEN VÀO PHÁO LỘ 4, LỘ 5 (4)

1. 相3.5 8-5
2. 馬2.3 馬8.7
3. 車1-2 車9-8
4. 馬8.7 馬2.1
5. 兵3.1 2-4
6. 車9-8 車1-2
7. 仕4.5 (hình)

Biến 1:

7... 車2.6

8. 炮2.1 卒1.1

Phương án 1:

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 9. 炮2-3 車8.9 | 10. 馬3/2 卒7.9 |
| 11. 馬2.3 卒7.1 | 12. 兵3.1 卒9.7 |
| 13. 兵7.1 車2/2 | 14. 炮8-9 車2.5 |
| 15. 馬7/8 馬7.6 | 16. 炮3-4 馬6.4 |
| 17. 炮4.1 炮4-2 | 18. 炮9.3 炮2.6 |

Đen không chế Mã lộ 8 của Trắng, giành được thế chủ động.

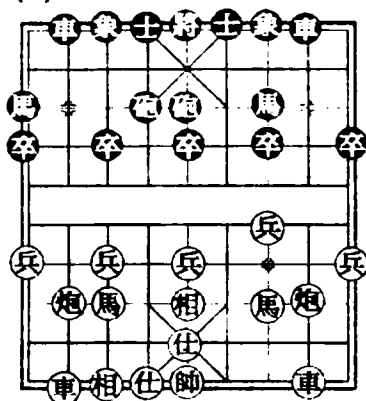
Phương án 2:

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 9. 兵7.1 車2/2 | 10. 炮8-9 車2-4 |
| 11. 炮2-3 車8.9 | 12. 馬3/2 卒7.9 |
| 13. 炮3/3 卒7.1 | 14. 馬2.3 卒7.1 |
| 15. 相5.3 馬7.8 | 16. 相3/5 士6.5 |
| 17. 車8.6 炮5-8 | 18. 車8-9 |

Hai bên thế trận cân bằng.

Biến 2:

- | | |
|-------------------|--------------------|
| 7... 車8.6 | 8. 兵7.1 車2.6 |
| 9. 馬3.4 車8/3 | 10. 炮2.1 炮5.4 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 11. 炮8-9 | 車2.3 | 12. 馬7/8 | 車7.5 |
| 13. 馬8.7 | 炮5/1 | 14. 炮9.4 | 馬1/3 |
| 15. 馬4/3 | 炮4.1 | 16. 炮9/2 | 炮5-1 |
| 17. 兵9.1 | 車5.1 | 18. 炮2-7 | 車8.6 |
| 19. 馬3/2 | 炮4.3 | 20. 炮7.3 | 馬3.2 |

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 3 :

- | | | |
|-----------|----------|----------|
| 7... 卒1.1 | 8. 炮2.4 | 車2.6 |
| 9. 炮2-5 | 士6.5 | 10. 車2.9 |
| 11. 炮5-4 | 馬8.7 | 馬7/8 |
| 13. 炮3-9 | 車2.3 | 12. 炮4/3 |
| 15. 炮9.3 | 炮4.6 | 馬7.5 |
| | 14. 馬7/8 | 馬1.2 |
| | 16. 馬8.9 | 馬5.4 |

Đen tuy thiếu Tốt nhưng các quan khá linh hoạt. Hai bên còn tranh chấp lâu dài.

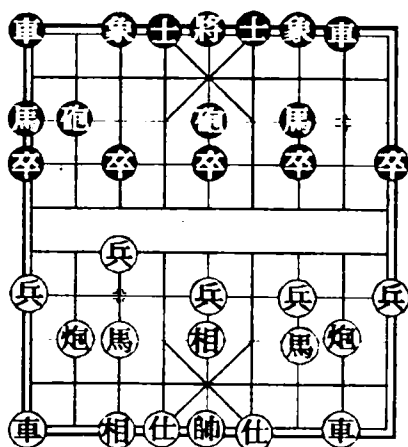
CỤC 104

ĐEN TIẾN MÃ BIÊN ĐỐI TRẮNG TIẾN TỐT 7

- | | |
|---------|--------|
| 1. 相3.5 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 車9-8 |
| 4. 馬8.7 | 馬2.1 |
| 5. 兵7.1 | (hình) |

Biến 1 :

- | | |
|-----------|------|
| 5... 卒3.1 | |
| 6. 兵7.1 | 車8.4 |
| 7. 馬7.6 | 車8-3 |
| 8. 炮8-6 | 炮1-2 |
| 9. 車9.1 | 炮2.7 |
| 10. 炮2.4 | 車2.5 |
| 11. 車2.4 | 士4.5 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 車9/1 | 車2.2 |
|----------|------|

13. 仕4.5 5-3 14. 馬6/7 車2-3
 15. 車9-8 卒1.1 16. 炮2.1 卒7.1

17. 車8.7 Các quân Trắng đều được khía thông, chiếm tiên thủ.

Biến 2 :

5... 車8.4		6. 炮2-1	車8.5
7. 馬3/2	車1.1	8. 兵3.1	車1-8
9. 馬2.4	車8.7	10. 車9.1	車8-7
11. 兵9.1	炮2.2	12. 炮8.1	士4.5
13. 車9-5	炮2-8	14. 炮1-2	炮8-6
15. 馬4.3	車7/1	16. 車5-4	炮6-4
17. 車4-6	炮4-5	18. 車6-2	炮t-8
19. 炮2-1	炮8-4	20. 車2-6	炮4-8
21. 車6-2	炮8-4	22. 炮1/2	馬1/3
23. 炮1-3	炮4.2	24. 車2.4	卒5.1
25. 馬3.1	炮4.2	26. 炮8/1	馬3.2
27. 馬1.2	Trắng chiếm ưu thế.		

Biến 3 :

5... 炮2-4		6. 炮2.2	卒3.1
7. 兵7.1	車8.4	8. 仕4.5	車8-3
9. 馬7.8	卒7.1	10. 車2-4	士4.5
11. 炮2.2	卒1.1	12. 炮2-3	炮7.9
13. 車9.1	馬1.2	14. 車4.4	炮4-2
15. 炮8.3	車3-2	16. 馬8/7	炮5-4
17. 馬7.6	車2-4	18. 馬6.4	卒5.1
19. 馬4.3	炮2-7	20. 車4.2	卒3.5
21. 車9-8	車1-3	22. 車8.5	

Trắng ưu hơn một chút.

CỤC 105

TRẮNG TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (1)

1. 相3.5
2. 馬2.3
3. 車1-2
4. 馬8.7
5. 兵7.1
6. 馬7.8
7. 仕4.5

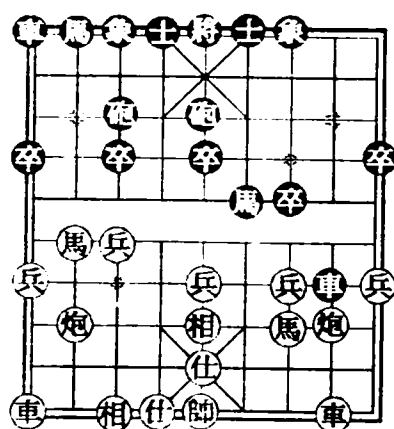
8. 炮8-5
9. 馬8.7
10. 車9-8
11. 卒7.1
12. 炮2-3
13. 馬7.6
14. 車8.6

(hình)

Biến 1 :

8. 兵9.1
9. 炮2-1
10. 車9.1
11. 相7.9
13. 炮1.4
15. 車2.9
17. 仕5/4
19. 馬3.5
21. 炮8-6
23. 車s-7
25. 車7/2

12. 馬6.4
13. 車8-7
14. 卒3.1
15. 卒3.1
16. 卒7.1
17. 車1-7
18. 馬2.3
19. 車t-5
20. 士4.5
21. 馬4/3



12. 相9.7
14. 炮1.3
16. 炮1-3
18. 車9-2
20. 車s.6
22. 馬8.7
24. 車7.1
13. 炮3-4
14. 車1.1
15. 卒5.1
16. 卒5.4
17. 卒5-4
18. 炮4.5
19. 將4.1

Trắng thắng thế rõ rệt.

Biến 2 :

8. 車9.1
10. 仕5/4
12. 車6.7
14. 馬8.9
16. 車2.2
18. 馬3.4
20. 馬6.5

9. 馬6.4
10. 卒7.1
11. 馬2.1
12. 炮3/1
13. 車8.1
14. 士6.5
15. 車1-2

9. 車9-6
11. 兵3.1
13. 相5/3
15. 馬9.7
17. 炮8-2
19. 馬4.6
21. 相3.5
10. 馬4.6
11. 馬6.8
12. 炮5-7
13. 卒7.5
14. 炮7-3
15. 炮t-4
16. 車2.4

Đen hơn quân dễ đi.

CỤC 106

TRẮNG TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7 (2)

1. 相3.5 8-5
2. 馬2.3 8.7
3. 車1-2 車9-8
4. 馬8.7 卒7.1
5. 兵7.1 炮2-3
6. 馬7.8 馬7.6
7. 仕6.5 (hình)

Biến 1 :

- 7... 馬6.5
8. 炮2.4 馬2.1
9. 兵9.1 馬5.7
10. 炮8-3 車1-2
11. 馬8.9 炮3-4
13. 兵7.1 車8.2
15. 兵6.1 車2-4
17. 車2.4 車4.2
19. 炮3/1 車t/2

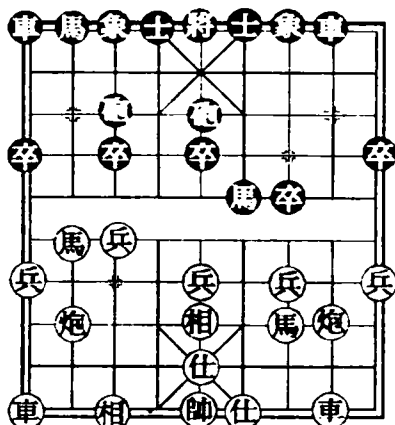
Trắng chiếm ưu thế.

Biến 2 :

- 7... 馬6.7
9. 車9.3 象3.5
11. 炮8-9 馬2.1
13. 車6-8 車1-2
15. 炮2-1 車8-4
17. 車2.6 士4.5
19. 馬9/8 馬2.4

Biến 3 :

- 7... 車8.6



12. 兵9.1 車2.6
14. 兵7-6 炮4/1
16. 兵6-5 炮5/1
18. 車9.2 車8-4
20. 炮2.3

8. 兵9.1 炮5-7
10. 車9-6 車8.5
12. 馬8.9 炮3-4
14. 車8.6 馬1/2
16. 炮1.4 車4.3
18. 炮1-5 炮4-2
20. 炮5/1 Đen dễ đi hơn.

8. 車9.1 馬6.4

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. 炮2-1 | 車8.3 | 10. 馬3/2 | 車3-4 |
| 11. 馬2.3 | 馬2.1 | 12. 仕5/6 | 馬4/6 |
| 13. 車9-6 | 士4.5 | 14. 炮1.4 | 馬6.5 |
| 15. 馬3.5 | 炮5.4 | 16. 仕4.5 | 車3.5 |
| 17. 車6.3 | 炮5-9 | 18. 車6-5 | |

Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 107

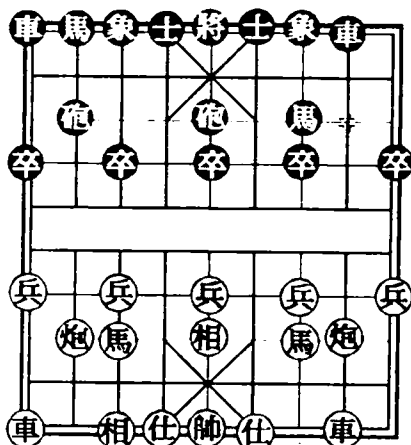
ĐEN TRỰC XA TRÁI ĐỐI TRẮNG TIẾN MÃ TRÁI

- | | |
|----------------|------|
| 1. 相3.5 | 炮8-5 |
| 2. 馬2.3 | 馬8.7 |
| 3. 車1-2 | 車9-8 |
| 4. 馬8.7 | 車8.4 |
| 5. 兵3.1 | 馬2.1 |
| 6. 炮8.2 | 車8.2 |
| 7. 仕6.5 (hình) | |

Biến 1:

7... 車8-7

- | | |
|----------|------|
| 8. 車2-3 | 車2-3 |
| 9. 車9-8 | 車1-2 |
| 10. 炮8.2 | 卒1.1 |
| 11. 炮2.4 | 士4.5 |
| 13. 車3-2 | 車8.3 |
| 15. 馬7.6 | 卒3.1 |
| 17. 馬2.3 | 馬7/9 |



- | | |
|----------|------|
| 12. 兵7.1 | 車7-8 |
| 14. 馬3/2 | 卒3.1 |
| 16. 馬6.4 | 卒5.1 |
| 18. 炮2/2 | 炮3.2 |

Thế trận cả hai bên bình ổn.

Biến 2:

- | | | |
|-----------|---------|----------|
| 7... 車8.6 | 8. 兵7.1 | 車2.6 |
| 9. 馬3.4 | 車8/2 | 10. 兵3.1 |
| 11. 炮2-4 | 卒3.1 | 12. 兵7.1 |
| 13. 車2.6 | 炮4.1 | 14. 車2/2 |
| | | 炮5-4 |

15. 馬4.2 象3.5
17. 馬7.6 車3-8
19. 馬8.6 車8-2
21. 炮8.1 卒7.1

16. 炮4.1 車2/2
18. 馬6.8 車8.1
20. 馬6/7 馬3.4
22. 卒8.2 卒7.1

Đen dễ đi hơn.

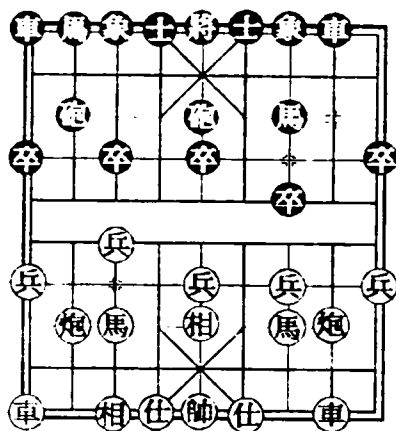
CỤC 108

TRẮNG TIẾN MÃ TRÁI ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT 7

1. 相3.5 炮8-5
2. 馬2.3 馬8.7
3. 卒1-2 車9-8
4. 馬8.7 卒7.1
5. 兵7.1 (hình)

Biến 1 :

5... 馬2.1
6. 卒9.1 車1.1
7. 卒9-6 炮5-3
8. 卒6.5 象7.5
9. 馬7.6 卒1.1
10. 卒6-7 炮3/1
11. 炮8.4 車8.6
13. 卒7-8 炮6.1
15. 卒8-5 士6.5
17. 卒5-4 士5.6



12. 卒7.1 炮3-6
14. 炮8-9 車1-4
16. 馬6.5 車4.2
18. 馬5/3

Trắng chiếm ưu thế rõ rệt.

Biến 2 :

5... 炮2-3 6. 馬7.8 馬7.6
7. 仕4.5 馬6.5 8. 馬3.5 炮5.4
9. 卒2-4 象3.5 10. 卒4.4 車8.6
11. 兵9.1 車8-7 12. 帥5-4 馬2.4
13. 卒9.3 炮5-2 14. 兵7.1 卒3.1

15. 馬8.6 3-4

Đen dễ đi hơn.

CỤC 109

TRẮNG SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI ĐEN TRỰC XA TRÁI

(1)

- | | |
|---------|-------|
| 1. 相3.5 | 2-8-5 |
| 2. 馬8.7 | 馬8.7 |
| 3. 炮2-4 | 車9-8 |
| 4. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 5. 兵7.1 | 馬2.1 |

(hình)

Biến 1:

6. 兵9.1

Phương án 1:

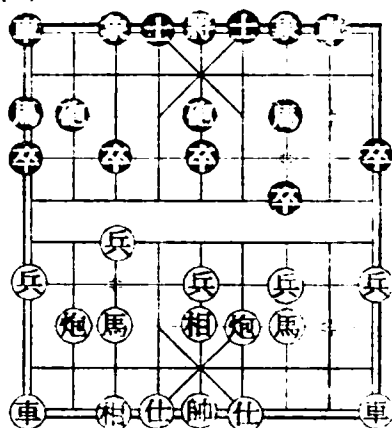
- 6... 車1.1

- | | |
|----------|------|
| 7. 仕4.5 | 車1-6 |
| 8. 兵9.1 | 卒1.1 |
| 9. 車9.5 | 車8.4 |
| 11. 馬7.6 | 車6-4 |
| 13. 炮4.4 | 車8.3 |
| 15. 炮4/2 | 車8.1 |
| 17. 車9-3 | 車8-7 |
| 19. 馬4.3 | 炮3-7 |
| 21. 炮8.2 | |

Trắng dễ đi hơn.

Phương án 2:

- | | |
|-----------|------|
| 5... 馬2.1 | |
| 7. 車9-8 | 車1-2 |
| 9. 炮8/1 | 馬7.6 |
| 11. 車1-2 | 車8.9 |
| 13. 馬7.6 | 炮4.2 |



- | | |
|----------|------|
| 10. 車1-4 | 炮2-3 |
| 12. 炮8.2 | 士6.5 |
| 14. 車4-3 | 車8/4 |
| 16. 車3-4 | 車8.3 |
| 18. 馬6.4 | 車7-8 |
| 20. 車3.2 | 車8/7 |

- | | |
|----------|------|
| 6. 兵9.1 | 炮2-4 |
| 8. 炮8.4 | 馬1/3 |
| 10. 仕4.5 | 馬6.7 |
| 12. 馬3/2 | 車2.2 |
| 14. 炮4-3 | 炮5-7 |

15. ④8.2

⑤7.5

Thế trận hai bên cân bằng.

Biến 2 :

6. ④4.5

Phương án 1 :

6... ⑤2.4

7. ③9.1

⑥2-7

8. ④8.5

⑤1.1

9. ④8-3

⑥7/4

10. ③3.4

⑤8.3

11. ③9.1

⑥1.1

12. ④9.5

Quân bên Trắng chiếm vị đẹp, ưu thế hơn.

Phương án 2 :

6... ⑤1.1

7. ③9.1

⑤8.4

8. ③9.1

⑥1.1

9. ④9.5

⑤1-6

10. ③7.1

⑤6.3

11. ③7-6

⑥5/1

12. ④9.1

⑤6-4

13. ④9-7

⑤7.5

14. ④7/2

⑤8.2

15. ④1-2

⑤8-7

16. ④7.3

⑥2.2

17. ④2.7

⑤7.1

18. ④4.6

⑤7-9

19. ④4-1

⑤9.2

20. ④5/4

⑤4-6

21. ④6.5

⑥5-6

Đen chiếm ưu thế.

CỤC 110

TRẮNG SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI ĐEN TRỰC XA TRÁI (2)

1. ③3.5

⑥8-5

2. ③8.7

⑥8.7

3. ④2-4

⑤9-8

4. ③2.3

⑥3.1

5. ③3.1 (hình)

Biến 1 :

5... ③2.3

6. ④8.4

Phương án 1 :

6... ③3.4

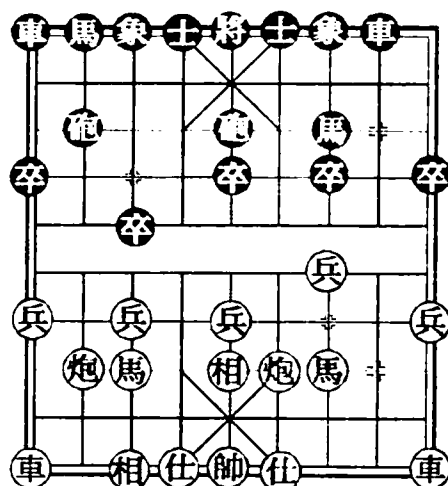
7. ④8-3

⑤1-2

8. ④9-8

⑥2.4

- | | |
|----------|------|
| 9. 仕4.5 | ●5-3 |
| 10. 車1-4 | ●7.5 |
| 11. 炮4.5 | ●3/1 |
| 12. 炮4/1 | 卒1.1 |
| 13. 炮4/3 | ●2.2 |
| 14. 兵3.1 | ●5.7 |
| 15. 炮4-3 | ●8.6 |
| 16. 車4.7 | ●7/5 |
| 17. 炮s.4 | ●3.1 |
| 18. 車4/7 | ●3-7 |
| 19. 馬3.4 | 馬4.6 |
| 20. 車4.4 | ●8-7 |
| 21. 炮3-2 | 士6.5 |
| 22. 兵7.1 | 卒3.1 |
| 23. 車4-7 | ●2.4 |



Hai bên thế trận cân bằng.

Phương án 2 :

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 6... 炮2.3 | 7. 馬4.3 | 馬3.4 |
| 8. 車9.1 | 9. 車1-3 | 士4.5 |
| 10. 兵3.1 | 11. 仕4.5 | 卒3.5 |
| 12. 兵3-4 | 13. 兵4-5 | 卒5.1 |
| 14. 馬3/5 | 15. 馬5/3 | 卒1-3 |
| 16. 炮8/1 | 17. 炮8-7 | 卒3.1 |
| 18. 車9-8 | 19. 相5.7 | 炮4-2 |
| 20. 炮7.2 | 21. 車8-6 | 卒3.1 |

Bên Đen phản tiên.

Phương án 3 :

- | | | |
|-----------|----------|------|
| 6... 馬3.4 | 7. 車9-6 | 炮2.2 |
| 8. 兵7.1 | 9. 馬7.6 | 卒3.1 |
| 10. 車6-7 | 11. 車7.4 | 卒8.4 |
| 12. 車7-8 | 13. 炮8-6 | 卒5.3 |

14. 車8-7 車1.2
16. 仕4.5 炮4/1
18. 車7-6 卒4.1
20. 炮4-7 象3.5

15. 車1-2 車8-6
17. 車7.1 炮4-3
19. 炮6-7 炮3.6

Đen dễ đi hơn.

Biến 2 :

- 5... 車8.6
7. 車1.2 炮2.4
9. 車9-6 卒5.1
11. 車6.6 士6.5
13. 車7.2 車1-4
15. 馬7.5 炮5.4
17. 車8/3

6. 仕4.5 車8-7
8. 車9.1 馬2.3
10. 炮4.5 車1.2
12. 車6-7 士5.6
14. 車7-8 炮2-5
16. 馬3.5 車7-5

Bên Trắng có phần ưu hơn.

CỤC 111

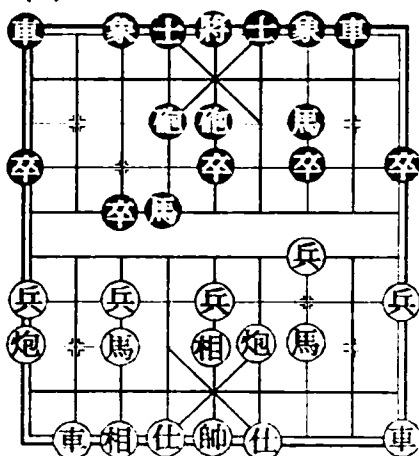
TRẮNG SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI ĐEN TRỤC XA TRÁI (3)

1. 相3.5 炮8-5
2. 馬8.7 馬8.7
3. 炮2-4 車9-8
4. 馬2.3 卒3.1
5. 炮8-9 炮2-4
6. 車9-8 馬2.3
7. 兵3.1 炮3.4

(hình)

Biến 1 :

8. 車8.6 士4.5
9. 仕4.5 車8.6
10. 車8-6 馬4.5
11. 馬7.5 炮5.4
13. 車1-2 車8-6
15. 車2-3 象3.5



12. 車6/3 卒5.1
14. 車2.6 卒5.1
16. 炮4/2 炮4-3

17. 車6.3 車1-4
19. 車3-4 車6-8
21. 車4-2 車5-1

18. 車6-7 車3-4
20. 車7-8 馬7.8
Đen không khó đi.

Biến 2 :

8. 仕4.5 車8.6
10. 車1-3 卒7.1
12. 車8.6 卒3.1
14. 馬3/1 車7.5
16. 車6.1 卒3.1
18. 馬3.2 卒3-2

9. 兵9.1 車8-7
11. 兵3.1 車7/2
13. 車8-6 卒3.1
15. 馬1/3 馬4.2
17. 車6-7 車1-2
19. 炮9.1

Trắng chiếm ưu thế.

CỤC 112

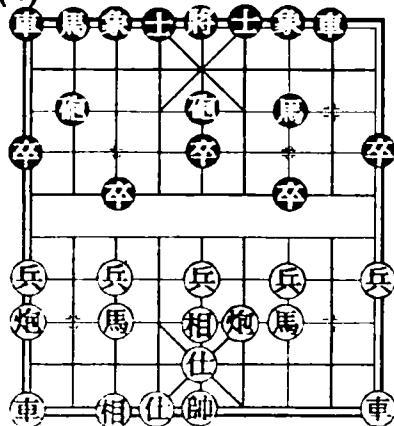
TRẮNG SĨ GIÁC PHÁO ĐỐI ĐEN TRỰC XA TRÁI

(4)

1. 相3.5 炮8-5
2. 馬8.7 馬8.7
3. 炮2-4 車9-8
4. 馬2.3 卒3.1
5. 仕4.5 卒7.1
6. 炮8-9 (hình)

Biến 1 :

6... 炮2-4
7. 車9-8 馬2.3
8. 車8.6 車1-2
9. 車8-7 象3.1
10. 兵3.1 卒7.1
12. 馬3.4 車2.5
14. 相3/5 卒2/4
16. 馬6/4 車8.1
18. 兵7.1 卒6.3



11. 相5.3 馬7.6
13. 馬4.6 馬6.4
15. 車1-3 車8.4
17. 馬4.6 車2-6
19. 兵7.1 象1.3

20. 馬7.6 車6-4 21. 馬6/4 車8.1
22. 馬4.3 Trắng dễ đi hơn.

Biến 2 :

6... 車2-1		7. 車9-8	馬2.3
8. 車8.6	車5-6	9. 兵3.1	卒7.1
10. 相5.3	車8.6	11. 馬3.4	車8-6
12. 馬4.3	車6/3	13. 炮4-3	車1-2
14. 車8-7	象3.5	15. 車1-2	士4.5
16. 兵5.1	車2.5	17. 兵7.1	車2-3
18. 相7.5	車3-5	19. 車2.3	炮1/2
20. 炮9.4	馬3.1	21. 車7-9	炮1-4
22. 車2.5	卒3.1	23. 車2-3	卒3.1
24. 車3/1	車6.3	25. 車3.1	車5.2
26. 炮3/2	車5-7	27. 相3/1	卒3.1

Đen chiếm ưu thế.

Biến 3 :

6... 馬2.1		7. 車9.1	車1-2
8. 車9-6	炮2-3	9. 車6.4	象7.9
10. 車1-2	車8.9	11. 馬3/2	車2.3
12. 馬2.4	炮3.4	13. 馬4.2	卒5.1
14. 車6-5	卒3.1	15. 車5/1	車2-3
16. 馬7/9	馬7.6	17. 車5-4	馬6.4
18. 炮9-7	Trắng dễ đi hơn.		

TIẾT 2

ĐEN PHÁO ĐẦU BÊN PHẢI

CỤC 113

**ĐEN PHÁO ĐẦU BÊN PHẢI ĐỐI TRẮNG TIẾN
MÃ TRÁI**

1. 相3.5 炮2-5 2. 馬8.7 馬2.3

3. 車9-8
(hình)

Biến 1 :

4. 兵7.1

5. 炮8-9

6. 車8.2

7. 馬2.3

8. 炮2/1

9. 兵7.1

10. 炮2-7

11. 兵7.1

12. 兵7.1

13. 車1.1

14. 馬7.5

16. 炮9.4

18. 炮9-8

20. 車6.1

22. 兵7.1

Biến 2 :

4. 馬2.3

Phương án 1 :

4... 馬8.9

6. 馬7.6

8. 炮2-1

10. 車8.1

12. 炮1/1

14. 兵7.1

16. 炮8-7

18. 車4-2

20. 馬8/9

車1-2

車2.6

車2-3

炮8.4

卒5.1

馬8.7

卒5.1

車3-4

馬3/5

炮8.1

卒5.1

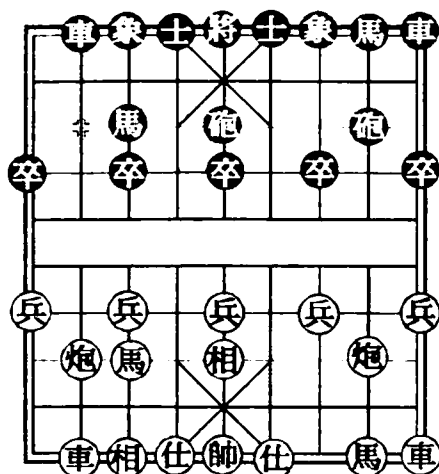
車4-5

車9-8

馬5/3

車8.6

Trắng chiếm ưu thế.



15. 馬3.5

17. 車1-6

19. 炮8.2

21. 炮7-5

車8-2

卒3.1

炮2-3

卒3/3

5. 兵7.1

7. 仕4.5

9. 車1-4

11. 兵3.1

13. 炮1.4

15. 馬6.8

17. 車4.5

19. 兵9.1

21. 馬9/8

車2.6

車9-8

士6.5

車8.7

車8/1

車2-4

車8/3

象3.1

馬3.2

22. 炮7-9 炮6.1 23. 馬8.6 馬2.3
24. 炮9.1 Bên Trắng tiên thủ.

Phương án 2:

- 4... 炮8-7 5. 兵7.1 卒7.1
6. 炮2.6 卒7.1 7. 相5.3 車2.4
8. 車1-2 卒3.1 9. 兵7.1 車2-3
10. 馬7.8 炮5-6 11. 相7.5 象7.5
12. 車8-7 Trắng dễ đi hơn.

CHƯƠNG 8 PHI TƯỢNG ĐỐI PHÁO SAU TỐT

TIẾT 1

ĐEN PHÁO SAU TỐT BÊN PHẢI

CỤC 114

TRẮNG PHI TƯỢNG PHẢI ĐỐI ĐEN PHÁO SAU TỐT BÊN PHẢI

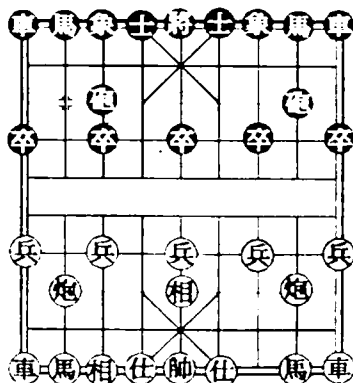
1. 相3.5 炮2-3
(hình)

Biến 1:

2. 馬8.9 卒1.1
3. 車9-8 馬2.1
4. 兵3.1

Phương án 1:

- 4... 車1.1 車1-6
5. 馬2.3 炮8-5
6. 炮8-6 馬8.7 8. 炮2-1 車9-8
7. 車1-2 馬7/8 10. 炮1.4 馬8.7
9. 車2.9 車6.3 12. 兵9.1 馬1.2
11. 炮1/2



- | | | | |
|----------|---------------------------------|----------|------|
| 13. 兵9.1 | 馬2.3 | 14. 馬9.7 | 馬3.4 |
| 15. 車8.3 | 炮5-3 | 16. 兵9-8 | 卒7.1 |
| 17. 兵3.1 | 車6-7 | 18. 炮1-7 | 炮t.1 |
| 19. 炮7-9 | 士6.5 | 20. 車8.1 | 象7.5 |
| 21. 馬3.4 | Quân Trắng linh hoạt, chiếm ưu. | | |

Phương án 2 :

- | | | |
|-----------|---------|----------|
| 4... 車1-2 | 5. 炮8.4 | 馬8.7 |
| 6. 馬2.3 | 炮8.2 | 馬8-2 |
| 8. 炮8-9 | 車9-8 | 車8.4 |
| 10. 車1-3 | 炮3-5 | 炮2-6 |
| 12. 炮4-3 | 炮5.4 | 馬1/2 |
| 14. 馬4.6 | 炮5/2 | 馬2.1 |
| 16. 車3-4 | 士6.5 | 炮6/2 |
| 18. 兵9.1 | 卒1.1 | 19. 馬8/9 |

Trắng dễ đi hơn.

Phương án 3 :

- | | | |
|-----------|------------------|------|
| 4... 炮8-5 | 5. 馬2.3 | 馬1.2 |
| 6. 炮8-6 | 卒2.4 | 馬8.7 |
| 8. 車1-4 | 卒5.1 | 馬4/5 |
| 10. 車8.6 | 車9-8 | 車1.1 |
| 12. 車8-7 | 車1-4 | 炮3/1 |
| 14. 炮6.4 | 卒5.1 | 車8.6 |
| 16. 炮6/4 | 炮3-1 | 炮5.3 |
| 18. 兵5.1 | 車4.3 | 車8-7 |
| 20. 車7/3 | Trắng dễ đi hơn. | |

Phương án 4 :

- | | | |
|-----------|---------|------|
| 4... 象7.5 | 5. 炮2-4 | 馬8.7 |
| 6. 馬2.3 | 車9-8 | 車1-2 |
| 8. 炮8.4 | 士6.5 | 卒3.1 |
| 10. 炮8.1 | 炮3-4 | 馬4.3 |
| | | 炮8-9 |

12. 車2-3	炮9.4	13. 兵3.1	車8.6
14. 兵5.1	馬7/6	15. 炮4-1	炮9-3
16. 馬9.7	車8-3	17. 兵3-4	車3-6
18. 炮1-2	車6/2	19. 炮2.7	馬6.7
20. 炮2-1	Trắng chiếm ưu thế.		

Biến 2 :

2. 馬8.7	炮3.4	3. 車9-8	馬2.3
4. 炮8-9	車1-2	5. 車8.9	馬3/2
6. 兵3.1	炮8-3	7. 馬2.3	馬8.7
8. 車1-2	車7.5	9. 馬7/5	士6.5
10. 馬3.4	車9-6	11. 馬5.3	炮t-9
12. 炮2.4	車6.4	13. 車2.3	炮9.3
14. 仕4.5	炮9/4	15. 車2.1	卒9.1
16. 炮9/1	卒7.1	17. 兵3.1	車6-7
18. 炮2-7	車7-3	19. 炮7-8	馬2.1
20. 兵9.1	車3-2	21. 炮8-6	馬1.3
22. 炮6/4	車2-7	23. 炮9.5	馬3.5

Đen dễ đi hơn.

TIẾT 1 ĐEN PHÁO SAU TỐT BÊN TRÁI CỤC 115

TRẮNG PHI TƯỢNG PHẢI ĐỐI ĐEN PHÁO SAU
TỐT BÊN TRÁI

1. 相3.5 炮8-7 (hình)

Biến 1 :

2. 馬2.3 馬8.9 3. 車1-2 車9-8

Phương án 1 :

4. 兵7.1	車3.5	5. 炮8-6	卒3.1
6. 兵7.1	車8.4	7. 馬8.7	炮2-4
8. 車9.2	車8-3	9. 馬7.6	炮4.5

- | | |
|----------|------|
| 10. 車9-6 | 馬2.3 |
| 11. 兵3.1 | 卒9.1 |
| 12. 炮2.6 | 馬9.8 |
| 13. 仕4.5 | 士4.5 |
| 14. 炮2/2 | 炮7-8 |
| 15. 車2-4 | 車3-4 |

Thế trận cân bằng.

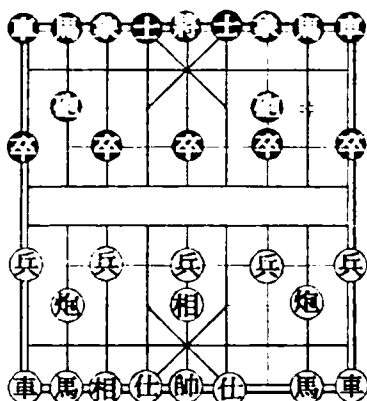
Phương án 2 :

- | | |
|----------|------|
| 4. 炮2.4 | 卒7.1 |
| 5. 兵7.1 | 炮2.4 |
| 6. 馬8.7 | 炮2-3 |
| 7. 車9-8 | 卒7.1 |
| 9. 炮2.1 | 炮7.4 |
| 11. 炮8.5 | 馬3/5 |
| 13. 炮5-6 | 象7.5 |
| 15. 馬7/8 | 卒9.1 |

Biến 2 :

- | | |
|----------|------|
| 2. 兵7.1 | 炮2-5 |
| 4. 馬2.3 | 卒7.1 |
| 6. 炮2.4 | 車9-8 |
| 8. 車9.1 | 炮5-6 |
| 10. 炮2-7 | 車8.9 |
| 12. 炮7-1 | 車2.4 |
| 14. 車4.2 | 炮7/1 |
| 16. 兵7.1 | |

Trắng chiếm ưu thế.



- | | |
|----------|------|
| 8. 相5.3 | 馬2.3 |
| 10. 兵5.1 | 車1-2 |
| 12. 炮8-5 | 馬5.3 |
| 14. 相7.5 | 車2.9 |

Hai bên giằng co còn lâu.

- | | |
|----------|------|
| 3. 馬8.7 | 馬2.3 |
| 5. 炮8.2 | 馬8.9 |
| 7. 車1-2 | 車1-2 |
| 9. 車9-4 | 士4.5 |
| 11. 馬3/2 | 象3.5 |
| 13. 兵1.1 | 炮7.4 |
| 15. 炮1/1 | 車2/1 |

CHƯƠNG 9 PHI TƯỢNG CỤC ĐỐI KIM CÂU PHÁO

TIẾT 1

ĐEN KIM CÂU PHÁO BÊN PHẢI

CỤC 116

TRẮNG TIẾN MÃ PHẢI ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ TRÁI

1. 相3.5 炮8-3

2. 馬2.3 馬8.7

(lình)

Biến 1 :

3. 馬8.9 卒1.1

4. 炮8-6 馬2.1

5. 車9-8

Phương án 1 :

5... 炮2.2

6. 車8.4 車1-2

7. 兵9.1 卒1.1

8. 車8-9 士6.5

9. 車1-2 象7.5

11. 兵3.1 車9-6

13. 仕4.5 馬1.2

15. 車9-8 炮4.1

17. 仕5.6 馬4/6

19. 炮2-6 馬4/3

21. 車2.7 車6-7

23. 馬s.4

Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

5... 車1-2

7. 車1-2 車9-8

9. 炮2-3 車8.9

11. 車8.3 炮5.4

13. 馬2.3 炮5-1

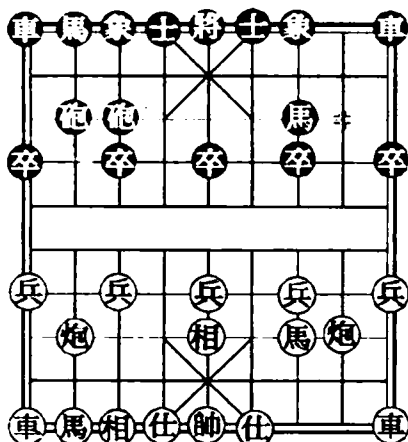
6. 車8.6 炮3/1

8. 炮2.4 卒7.1

10. 馬3/2 炮2-5

12. 仕4.5 馬1/2

14. 兵3.1 卒7.1



10. 炮2.5 炮2/2

12. 馬9.8 炮3-4

14. 馬8.6 馬2.4

16. 馬6/4 炮4.4

18. 炮2/6 馬6/4

20. 炮6-8 炮2.1

22. 馬4.3 車2.2

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 15. 炮3.3 | 士6.5 | 16. 相5.3 | 馬2.1 |
| 17. 炮3-1 | 馬1.2 | 18. 馬3.4 | 馬2.4 |

Bên Đen nhiều tốt chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. 車1-2 | 車9.1 | 4. 兵3.1 | 象3.5 |
| 5. 兵7.1 | 馬2.4 | 6. 馬8.7 | 車9-6 |
| 7. 車2.1 | 卒3.1 | 8. 馬7.6 | 卒3.1 |
| 9. 相5.7 | 炮3.4 | 10. 炮8-6 | 炮4.5 |
| 11. 炮2-6 | 車1-3 | 12. 相7.5 | 炮2.3 |
| 13. 馬6/7 | 炮2/3 | 14. 車9-8 | 卒7.1 |
| 15. 兵3.1 | 象5.7 | 16. 馬7.6 | 象7/5 |
| 17. 車2.3 | 車3-2 | 18. 車8.6 | 卒1.1 |
| 19. 車2-3 | 馬7.8 | 20. 車8/1 | 卒5.1 |
| 21. 車3.5 | 馬8/7 | 22. 車8-5 | |

Trắng nhiều Tốt, hơn Tượng, chiếm ưu thế.

CỤC 117

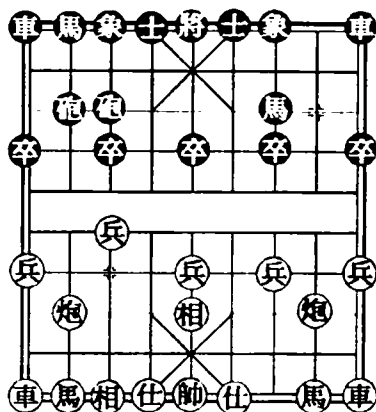
TRẮNG ĐẨY TỐT 7 ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ TRÁI

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 象8-3 |
| 2. 兵7.1 | 馬8.7 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 3. 馬2.3 | 車9-8 |
| 4. 車1-2 | 卒7.1 |
| 5. 兵9.1 | 象3.5 |
| 6. 馬8.9 | 車8.6 |
| 7. 炮2/1 | 馬2.4 |
| 8. 車9.1 | 車1.1 |
| 9. 車9-6 | 炮3/2 |
| 10. 炮2-4 | 車8.3 |
| 12. 車6.6 | 馬7.6 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 馬3/2 | 卒3.1 |
| 13. 兵7.1 | 士4.5 |

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 14. 車6/2 | 馬6.5 | 15. 車6/2 | 馬5/6 |
| 16. 炮8.3 | 炮3-4 | 17. 車6-7 | 馬6.4 |
| 18. 炮4.7 | 車1-3 | 19. 炮8/3 | 象5.3 |

20. 炮8-6

Trắng ưu thế.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 3. 馬8.7 | 車9-8 | 4. 馬2.4 | 馬2.1 |
| 5. 車1-2 | 車1.1 | 6. 炮8-9 | 車1-6 |
| 7. 車9-8 | 炮2/2 | 8. 車8.7 | 炮3-5 |
| 9. 馬4.6 | 車8.4 | 10. 兵9.1 | 車6.3 |
| 11. 仕6.5 | 士6.5 | 12. 炮9/1 | 炮5-6 |
| 13. 車2.1 | 象7.5 | | |

Thế trận hai bên cân bằng.

CỤC 118

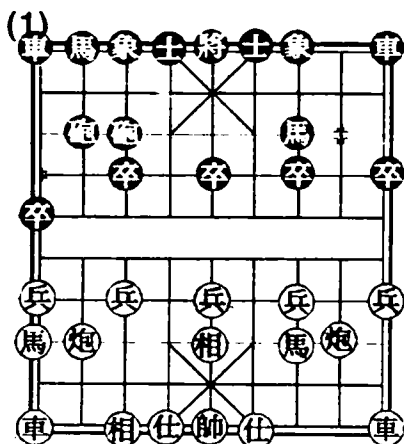
TRẮNG TIẾN MÃ BIÊN ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ TRÁI

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮8-3 |
| 2. 馬8.9 | 馬8.7 |
| 3. 馬2.3 | 卒1.1 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 4. 炮8-6 | 馬2.1 |
| 5. 車9-8 | 車1-2 |
| 6. 車8.6 | 炮3/1 |
| 7. 兵3.1 | 車9-8 |
| 8. 車1-2 | 車8.4 |
| 9. 炮2-1 | 車8.5 |
| 10. 馬3/2 | 炮2-5 |
| 12. 仕4.5 | 炮1/2 |
| 14. 炮3.4 | 炮2.1 |



- | | |
|----------|------|
| 11. 車8.3 | 炮5.4 |
| 13. 炮1-3 | 象7.5 |
| 15. 馬2.3 | 炮5-1 |

Đen nhiều Tốt chiếm ưu.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 車1-2 | 卒7.1 | 5. 炮2-1 | 馬2.1 |
| 6. 車9.1 | 卒7.5 | 7. 車2.4 | 車1.1 |
| 8. 車9-6 | 車9.1 | 9. 兵3.1 | 卒7.1 |
| 10. 車2-3 | 車1-4 | 11. 車6.7 | 車9-4 |
| 12. 兵9.1 | 卒1.1 | 13. 車3-9 | 卒3/1 |
| 14. 仕4.5 | 車4-8 | 15. 炮1/2 | 車8.6 |
- Thế trận cả hai bên cân bằng.

Biến 3 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 車9.1 | 卒2-1 | 5. 車1-2 | 卒1.4 |
| 6. 車9-6 | 卒3.5 | 7. 兵3.1 | 車9.1 |
| 8. 炮2.4 | 車9-4 | 9. 車2.1 | 卒4.5 |
| 10. 炮8.4 | 車1.3 | 11. 炮8-5 | 馬7.5 |
| 12. 炮2-5 | 卒3.1 | 13. 車6.7 | 馬2.4 |
| 14. 炮5-1 | 卒7.1 | 15. 炮1.2 | 馬4.5 |
| 16. 車2.5 | 馬5/7 | 17. 車2-9 | 卒1/3 |
- Thế trận ngang nhau.

CỤC 119

TRẮNG TIẾN MÃ BIÊN ĐỐI ĐEN TIẾN MÃ TRÁI

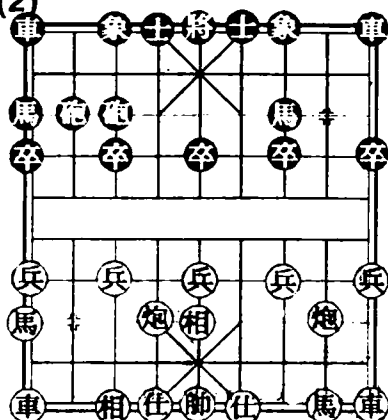
(2)

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 卒8-3 |
| 2. 馬8.9 | 馬8.7 |
| 3. 炮8-6 | 馬2.1 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|---------|------|
| 4. 兵9.1 | 車9-8 |
| 5. 車9-8 | 車1-2 |
| 6. 車8.4 | 車8.4 |
| 7. 炮2-1 | 卒1.1 |
| 8. 兵9.1 | 車8-1 |



- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 9. 馬2.3 | 車1-4 | 10. 仕4.5 | 馬1.2 |
| 11. 車8-4 | 炮3.4 | 12. 車1-2 | 卒3.5 |
| 13. 車2.6 | 炮3-1 | 14. 車4-9 | 卒7.1 |
| 15. 炮1.4 | 馬7.9 | 16. 車2-1 | 炮2-3 |
| 17. 車1-5 | 車4-3 | 18. 車5-4 | 士4.5 |
| 19. 帥5-4 | 車2-4 | 20. 兵3.1 | |

Hai bên có thế trận đối kháng.

Biến 2 :

- | | | | |
|----------|------|----------|------|
| 4. 車9-8 | 車1-2 | 5. 車8.6 | 炮3/1 |
| 6. 馬2.3 | 車9-8 | 7. 車1-2 | 卒7.1 |
| 8. 兵9.1 | 炮2-4 | 9. 車8.3 | 馬1/2 |
| 10. 炮2.4 | 卒3.1 | 11. 炮2-3 | 馬2.3 |
| 12. 兵7.1 | 卒7.5 | 13. 車2.9 | 馬7/8 |
| 14. 兵7.1 | 炮3.3 | 15. 馬9.8 | 炮3-2 |

Thế trận ngang nhau.

CỤC 120

TRẮNG TIẾN MÃ BIÊN ĐỐI ĐEN ĐẨY TỐT

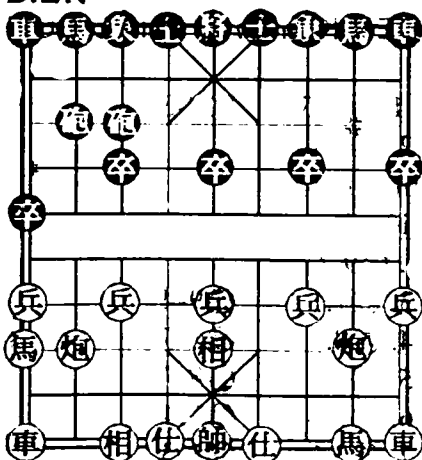
BIẾN

- | | |
|---------|------|
| 1. 相3.5 | 炮8-3 |
| 2. 馬8.9 | 卒1.1 |

(hình)

Biến 1 :

- | | |
|----------|------|
| 3. 炮8-6 | 馬2.1 |
| 4. 車9-8 | 炮2.2 |
| 5. 車8.4 | 車1-2 |
| 6. 馬2.1 | 馬8.7 |
| 7. 兵1.1 | 炮2-4 |
| 8. 兵9.1 | 卒1.1 |
| 9. 車8-9 | 車2.4 |
| 10. 馬1.2 | 炮4/3 |



- Thế trên hai bên cân bằng.**

3. 炮8-7	馬2.1	4. 車9-8	炮2.2
5. 車8.4	車1-2	6. 炮2-1	馬8.7
7. 兵3.1	象7.5	8. 馬2.3	車9-8
9. 仕4.5	士4.5	10. 車1-2	車8.9
11. 馬3/2	卒3.1	12. 車8-4	車2.1
13. 馬2.3	士5/4	14. 兵9.1	卒1.1
15. 車4-9	車2-8	16. 馬3.4	卒7.1
17. 兵3.1	炮2-7	18. 馬4.6	炮3/1
19. 馬6.5	炮3-1	20. 車9-4	象3.5
21. 車4.3	車8.8	22. 仕5/4	

Trắng hơn Tượng, chiếm ưu thế.

ĐEN KIM CÂU PHÁO ĐỐI TRẮNG CAO HOÀNH XE

8. 馬7.6	車4.2	9. 馬6/4	車4-2
10. 炮8-7	馬4.6	11. 車6.5	卒3.1
12. 炮2.4	卒3.1	13. 車6-7	車2-6
14. 車9-8	卒3-2	15. 炮2-5	象5.3
16. 車8.3	馬6.4	17. 炮5/2	

Trắng có thể thắng rõ.

Biến 2 :

2... 馬2.1		3. 馬8.9	馬8.7
4. 車1-6	士6.5	5. 兵9.1	車9-8
6. 馬2.4	車8.4	7. 馬9.8	炮2.5
8. 炮2-8	炮3-6	9. 兵3.1	車1.1
10. 車9.1	炮6/1	11. 車6.2	車8.4
12. 車9-6	車8-7	13. 兵5.1	炮6.4
14. 馬8.6	炮6/3	15. 馬6.8	炮6-2
16. 炮8.5	車1-2	17. 炮8-6	車2.2
18. 炮6/1	車2.4	19. 馬4.3	車7-4
20. 車6/2	車2/3	21. 炮6-3	

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 3 :

2... 馬8.7		3. 車1-6	炮3-6
4. 馬8.9	車9-8	5. 炮8-7	炮2-5
6. 車9-8	馬2.1	7. 仕6.5	炮5.4
8. 車6.3	車8.4	9. 兵9.1	炮5-9
10. 車6-1	炮6/1	11. 車1-4	炮6-9
12. 馬2.1	卒9.1	13. 車4.2	象3.5
14. 車4-3	馬7.9	15. 車3-5	卒9.1
16. 車8.4	士4.5	17. 車5-4	車1-2
18. 車8-5	車8.1	19. 車5.1	車2.8
20. 車4.2	馬9/8	21. 車4/2	馬8.6

Đen chiếm ưu thế.

TIẾT 2 ĐEN KIM CÂU PHÁO BÊN TRÁI

CỤC 122

TRẮNG PHI TƯỢNG PHẢI ĐỐI ĐEN KIM CÂU PHÁO

1. 相3.5 炮2-7
(hình)
Biến 1:

2. 馬8.7 馬2.3

3. 車9-8

Phương án 1:

3... 車1-2

4. 炮8.4 卒3.1

5. 炮8-7 象7.5

6. 車8.9 馬3/2

7. 馬2.4 馬8.6

8. 馬4.6 馬2.1

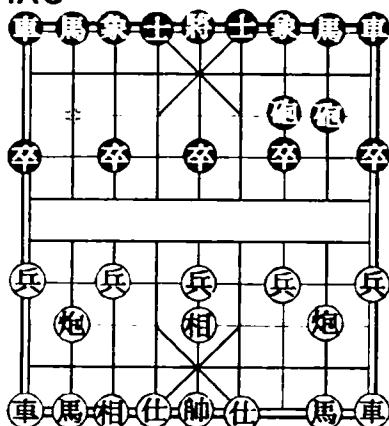
10. 炮6-7 炮8-9

12. 兵7.1 炮7.1

14. 仕5.6 卒3.1

16. 炮7-8 車9-8

18. 馬7.6 炮9.4



9. 炮7-6 馬1/3

11. 炮2.4 炮7.4

13. 仕4.5 炮7-4

15. 相5.7 馬3.1

17. 車1-2 卒5.1

Đen nhiều Tốt, có phần ưu hơn.

Phương án 2

3... 卒7.1

5. 兵3.1 車1.1

7. 馬2.3 卒7.1

9. 兵7.1 卒7.1

11. 兵7.1 炮7.5

13. 炮2/2 卒5.3

4. 炮8-9 象7.5

6. 車8.4 車1-6

8. 仕4.5 車6.5

10. 馬7.6 車6/3

12. 炮9-3 卒7.1

Đen có Tốt quá hà chiếm ưu hơn.

Biến 2:

2. 馬8.9	車1.2	3. 車9-8	車1-6
4. 兵3.1	馬2.3	5. 炮8-7	象7.5
6. 馬2.3	車6.2	7. 車8.4	卒7.1
8. 仕4.5	炮7/2	9. 馬3.2	炮8.5
10. 炮7-2	馬8.7	11. 兵3.1	車6-7
12. 車8.3	車7.2	13. 車1-3	車7.3
14. 相5/3	卒9.1	15. 車8-7	卒9.1
16. 兵1.1	車9.5	17. 炮2-3	馬7/5
18. 車7/1	車9-8	19. 相3.5	車8/2

Trắng nhiều Tốt, ưu hơn.

Biến 3 :

2. 兵7.1	車1.2	3. 馬8.7	車1-6
4. 馬7.6	馬2.3		

Phương án 1 :

5. 馬2.3	象7.5	6. 炮2-1	馬8.6
7. 車1-2	炮7/2	8. 車2.6	車6.3
9. 馬6.7	炮7-8	10. 車2-1	車9.3
11. 炮1.4	車6.3	12. 仕6.5	車6-7
13. 馬3/1	炮1.7	14. 相5/3	車7/2
15. 相7.5	車7-5	16. 車9-6	車5.1

Đen chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

5. 車9.1	象7.5	6. 馬2.4	卒7.1
7. 車1.1	士6.5	8. 車9-7	炮7/1
9. 馬6.7	車6.2	10. 兵7.1	車6-3
11. 馬4.6	炮7.2	12. 車7.4	象5.3
13. 炮2.4	象3.5	14. 車1-4	炮7-3
15. 炮2-7	馬8.7	16. 馬6.5	炮8.7
17. 仕4.5			

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 4 :

2. 車9.1	車1.2
---------	------

3. 車9-4 車1-6
 5. 馬2.4 車9.1
 7. 仕4.5 馬8.9
 9. 車2.1 車6.3
 11. 兵7.1 車6-3
 13. 馬7.6 卒9.1
 15. 炮7.7 士4.5
 17. 馬6/7 車4-6
 19. 炮7-9 炮7-8

4. 車4.6 炮8-6
 6. 車1-2 車9-6
 8. 兵7.1 炮6-5
 10. 馬8.7 卒3.1
 12. 炮2-1 馬2.3
 14. 炮8-7 車3-4
 16. 車2.3 炮5-4
 18. 炮1-4 馬9.8
 20. 車2-7

Trắng chiếm ưu thế.

Biến 5 :

2. 兵3.1 車1.2

Phương án 1 :

3. 兵7.1 車1-6
 5. 馬7.6 馬2.3
 7. 炮2-1 炮8/1
 9. 馬2.4 馬6.8
 11. 馬4.2 士6.5
 13. 馬2/3 馬8/7
 15. 炮8-7

4. 馬8.7 象7.5
 6. 車9.1 馬8.6
 8. 車9-4 車6.6
 10. 炮1-2 炮8.6
 12. 車1-2 車9-6
 14. 車2.6 車6.3

Trắng chiếm ưu thế.

Phương án 2 :

3. 馬8.7 卒3.1
 5. 炮8.6 車6-2
 7. 炮8-2 車9.1
 9. 車1.1 車9-6
 11. 馬2.4 馬8.9

4. 車9-8 車1-6
 6. 車8.7 炮8-2
 8. 炮t/2 馬2.3
 10. 車1-4 車6.7
 12. 炮s-1

Bên Trắng tiên thủ.

Phương án 3 :

3. 炮2.4 馬2.3
 5. 馬8.9 卒7.1

4. 炮8.4 卒7.1
 6. 車9-8 炮7/1

7. 車8.4	馬8.7	8. 炮2-3	馬7.2
9. 車8-3	馬8/1	10. 車3.2	馬9.2
11. 車3-2	馬8-5	12. 炮8/2	馬7.6
13. 車2-3	馬1-2	14. 兵9.1	馬6.5
15. 車3.3	馬3.1	16. 車1.1	馬3.4

Thế trận hai bên còn giằng co.

Phương án 4 :

3. 馬8.9	馬1-6	4. 車9-8	馬2.3
5. 炮8-6	馬7/1	6. 馬2.3	馬8.7
7. 車8.4	馬3.1	8. 兵9.1	馬6.5
9. 馬3.2	馬8-9	10. 馬2.3	馬7.2
11. 兵3.1	馬7-8	12. 兵3.1	馬8.1
13. 兵3.1	馬6-7	14. 兵7.1	馬7.2
15. 車1-3	馬7.5	16. 相5/3	馬3.1
17. 車8-7	馬7.5	Thế trận cả hai bên bình ổn	

HẾT

PHIÊN ÂM VÀ GIẢI NGHĨA CHỮ HÁN RA CHỮ VIỆT

bàn đầu Mã = Mã lên cột giữa (Mã đội)

bên tiên = bên đi trước

bên hậu = bên đi sau

Bình phong Mã = hai Mã của một bên cùng lên lộ 3 và lộ 7

cục = thế cờ, thế trận

đoái = đối

đế = đáy, phía sau

đơn để Mã = Mã ra biên
độ hà = vượt sông
giải sát hoàn sát = phá thế bị chiếu đồng thời chiếu lại
hoành Xe = đi Xe ngang (lên Xe 1 nước để sau đó đi ngang)
hữu = phải
hoãn khai Xe = rã Xe chậm
khí Mã, khí Xe = bỏ Mã, bỏ Xe
kỵ hà Xe = Xe lên đường sông bên đối phương (X2.5)
khai Xe = mở đường cho Xe
khởi Mã = đi nước đầu bằng Mã
liệt Pháo = **ngịch Pháo** = hai bên vào Pháo ngược hướng nhau
lộ = cột (hay đường dọc trên bàn cờ)
lưỡng chiếu = Tướng cùng lúc bị 2 quân chiếu
lưỡng đầu xà = rắn hai đầu (lên cả Tốt 3 và Tốt 7)
Mã ngoại tào = Mã nằm ngoài nhằm vào cung đối phương
ngũ lục Pháo = Pháo vào cột 5 và cột 6
phản cung Mã = Pháo tới góc cung Tướng rồi lên Mã
phi Tượng = đi nước đầu bằng Tượng
phản tiên = giành thế chủ động từ tay đối phương
phế = bỏ, hy sinh
quải giác Mã = Mã nằm ở góc cung Tướng, Mã quỳ
quá hà Xe = Xe lên quá đường sông bên đối phương (X2.6)
quá cung = đi quá cung Tướng và nằm ở góc cung
quy bối Pháo = rút Pháo về phía sau
Sĩ giác = **gọng Sĩ** = góc phía trên của cung Tướng
Sĩ Tượng toàn = còn đủ 2 Sĩ và 2 Tượng
sát chiêu = đòn bắt Tướng
song = **nhị** = **lưỡng** = hai (2)
trực Xe = đi Xe dọc (ra Xe một nước để sau đó đi Xe dọc)
trung = giữa (Trung Pháo, Trung binh = Pháo đầu, Tốt đầu)
trả = trái
tuần hà Xe = Xe lên đường sông bên mình (X2.4)
tiến tam Bình = tiến Tốt ở cột 3
thuận Pháo = 2 bên vào Pháo cùng hướng
Tiên nhân chỉ lộ = nước đầu tiên lên Tốt cột 3 hay Tốt cột 7
tam tử quy biên = 3 quân Xe, Pháo, Mã cùng dồn về một bên
tranh tiên = tranh giành thế chủ động
Tam bộ hổ = Xe Pháo Mã đứng về một bên thành hình tam giác
tróc tử = đuổi bắt quân
thoái = lùi

NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU TÌM HIỂU VỀ CÁC LOẠI KHAI CỤC TRONG CỜ TƯỚNG, TẠP CHÍ NGƯỜI CHƠI CỜ CUNG CẤP CÁC PHỤ BẢN CHUYÊN SÂU VỀ TỪNG LOẠI KHAI CỤC.

QUA ĐÓ CÁC BẠN CÓ THỂ TÌM HIỂU CÁC LOẠI THỂ TRẬN KHAI CỤC NHƯ : PHÁO ĐẦU ĐỐI BÌNH PHONG MÃ, TIÊN NHÂN CHỈ LỘ, PHI TƯỚNG CỤC, KHỞI MÃ CỤC, QUÁ CUNG PHÁO, SĨ GIÁC PHÁO, THUẬN PHÁO, LIỆT PHÁO, THIÊN PHONG PHÁO...

Tạp chí Người Chơi Cờ của Liên đoàn cờ Việt Nam chuyên về các loại : Cờ Vua, cờ Tướng, cờ Vây. Tạp chí cung cấp kiến thức chuyên môn ở mọi trình độ, các bài đồ giải các thế cờ, tin tức mới nhất về cờ trong nước và trên thế giới, giới thiệu các danh thủ, luật cờ, giải đáp thắc mắc ...

Tạp chí ra hàng tháng, giá 5.000 đồng. Có thể đặt mua tạp chí và phụ bản tại các bưu điện phát hành báo chí hay trực tiếp tại địa chỉ :

Toà soạn Tạp chí Người Chơi Cờ

Điện thoại : (04) 5118959

**TỦ SÁCH CHUYÊN SÂU KHAI
PHỤ BẢN TẠP CHÍ NGƯỜI CHƠI
Giấy phép xuất bản số 2019/BC - GPX**

PHI TƯỚNG CỤC 2
0002886 170506

1013389 12.000 VND

Giá : 12.000 đồng